Phật Giáo Toàn Cầu - Đặc Biệt Liên Kết Với Sri Lanka

Hòa thượng Tiến sĩ K. Siri Sumedha Thero
Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương

Tủ Sách Bảo Anh Lạc 105

PHẬT GIÁO TOÀN CẦU

- ĐẶC BIỆT LIÊN KẾT VỚI SRI LANKA

Hội thảo Phật giáo, Đại học Peradeniya

Kandy, ngày 14 tháng 07 năm 2023

Với sự bảo trợ của Bộ Giáo Dục, Khoa Pali & Phật Học,
Trường Đại học Peradeniya, Hội Quốc tế Dharmadutha Maha Mahinda
& Chùa Hương Sen, California, Hoa Kỳ

Biên soạn

Hòa thượng Tiến sĩ K. Siri Sumedha Thero

Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương

Nhà xuất bản Hồng Đức

Huong Sen Buddhist Temple

19865 Seaton Avenue, Perris, CA 92570, USA

Tel: 951-657-7272, Cell: 951-616- 8620

Email: huongsentemple@gmail.com,

thichnugioihuong@yahoo.com

https://www.facebook.com/Huong.Sen.Riverside/

Web: www.huongsentemple.com

Copyright 2025 by Huong Sen Buddhist Temple in the United States.

MỤC LỤC

i. Giới Thiệu 7

ii. Biểu Ngữ Hội thảo Phật học của Trường Đại Học Kandy 12

iii. Thư Mời 13

PHẦN I. CÁC DIỄN VĂN 15

1.1. Diễn Văn Chào Mừng - *Hòa thượng Giáo sư Medagama Nandawansa (Hội Quốc tế Dharmadutha Maha Mahinda)* 17

1.2. Diễn Văn Khai Mạc - *Tiến sĩ Prabath Ekanayake (Trưởng khoa - Khoa Nghệ thuật)* 22

1.3. Diễn Văn Hội Nghị - *Hòa thượng Tiến sĩ Kahawatte Siri Sumedha (Tu viện Jambudvipa Sri Lanka, Varanasi, Ấn Độ)* 25

1.4. Thông Điệp Liên Kết - *Giáo sư H.M. Mahinda Herath (Viện trưởng Khoa Phật học, Đại học Peradeniya)* 28

1.5. Ban Bảo Trợ - *Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương (Chùa Hương Sen, California, Mỹ)* 30

1.6. Lời Tri Ân Đến Ban Bảo Trợ - *Hòa thượng Kahawatte Siri Sumedha* 34

PHẦN II. CÁC BÀI THAM LUẬN 37

2.1. Phật Giáo Từ Đảo Quốc Ceylon Đến Hoa Kỳ - *Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương* 39

2.2. Sự Đóng Góp Của Các Học Giả Nghiên Cứu Pali

- *Giáo sư H.M. Mahinda Herath* 67

2.3. Tính Chất Đặc Thù Của Phật Giáo: Phân Tích Về Sự Tác Động Các Đặc Điểm Của Phật Giáo Và Sự Truyền Bá Nhanh Chóng Của Phật Giáo Tại Sri Lanka - *Tiến sĩ Samrakoon Banda* 78

2.4. Vai Trò Của Giới Luật Theravada Trong Trị Liệu Tâm Lý Hành Vi - *Tiến sĩ Kasun Dharmasiri* 84

2.5. Sự Truyền Bá Phật Giáo Toàn Cầu Từ Châu Á Đến Sri Lanka - *Sư cô TN Viên An* 96

2.6. Tính Năng Nổi Bật Của Nền Giáo Dục Tu Viện Nguyên Thủy Ở Sri Lanka - *Đại đức Madugalle Sudaththa* 109

2.7. Lời Dạy Của Phật Về Nền Hòa Bình Toàn Cầu - *Đại đức Kalubowitiyana Soratha* 125

2.8. Phật Giáo Là Gì Và Đức Phật Là Ai? - *Thượng tọa Panadure Dumindalankara* 133

2.9. Tại Sao Các Tuyên Úy Phật Giáo Lại Quan Trọng Đối Với Các Trường Đại Học Sri Lanka - *Cô H.M.L.M.Munasinghe* 138

2.10. Những Đóng Góp Của Sri Lanka Trong Việc Giới Thiệu Thông Điệp Cao Quý Của Đức Phật Trên Khắp Thế Giới - *Hòa thượng Tiến sĩ Kahawatte Siri Sumedha* 153

Hình Ảnh Hội Thảo Phật Giáo Tại Đại Học Peradeniya, Kandy, Sri Lanka 161

Tủ Sách Bảo Anh Lạc 181

GIỚI THIỆU

Vào một buổi chiều mùa hè nắng ấm năm 2023, trên cao nguyên thành phố Kandy, Sri Lanka, nơi nổi tiếng có tháp thờ Xá lợi Răng thiêng liêng của Đức Phật, trong khuôn viên đầy bóng xanh của trường Đại học Peradeniya, Kandy, Khoa Giáo dục và Khoa Phật học đã tổ chức một buổi Hội thảo Phật giáo vào ngày 14 tháng 07 năm 2023, với sự bảo trợ của Hội Quốc tế Dharmadutha Maha Mahinda, Colombo, Sri Lanka và Chùa Hương Sen, California, Hoa Kỳ.

Hội thảo long trọng với sự hiện diện của nhiều chư Tôn đức Tăng Ni, giáo sư, giảng viên và học giả uy tín tại Đại học Peradeniya và Bhiksu Anuradhapura, như Hòa thượng Giáo sư Medagama Nandawansa Thera (*Hội Quốc tế Dharmadutha Maha Mahinda là viện trưởng viện Sri Lanka Vidyalaya Maha*), Hòa thượng Tiến sĩ Kahawatte Siri Sumedha (*Trụ trì Tu viện Jambudvipa Sri Lanka, tại Varanasi, Ấn Độ*), Tiến sĩ Prabath Ekanayake (*Trưởng khoa Nghệ thuật*), Giáo sư Walter Senevirathne (*Trưởng khoa Giáo dục*), Giáo sư H.M. Mahinda Herath (*Trưởng khoa Pali và Phật Học*), Giáo sư Prasad Sethunga (*Tổng Giám đốc Bộ Giáo dục Quốc gia*), Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương (*Giảng viên Đại học Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM và Trụ trì Chùa Hương Sen, California, Hoa Kỳ*), Tiến sĩ Samarakoon Banda (*Giảng viên khoa Giáo dục*), Tiến sĩ Kasun Dharmasiri (*Giảng viên khoa Pali và*

Phật Học), Sư cô TN Viên An (*Giảng viên tiếng Anh, Chùa Hương Sen và Điều Ngự, California, Hoa Kỳ*), Thượng tọa Madugalle Sudaththa (*Giảng viên Khoa Xã hội và Nghiên cứu So sánh, Đại học Bhiksu Anuradapura*), Thượng tọa Panadure Dumindalankara và cô H.M.L.M. Munasinghe (*Giảng viên Khoa Pali và Phật Học, Đại học Peradeniya*), vv...

Chủ đề của hội thảo là **PHẬT GIÁO TOÀN CẦU – ĐẶC BIỆT LIÊN KẾT VỚI SRI LANKA**. Nhiều bài viết về chủ đề hấp dẫn này đã mô tả cách Phật giáo toàn cầu và Sri Lanka đang giải quyết những thách thức đương đại trên nhiều lĩnh vực, bao gồm triết học, tâm lý học, lịch sử và các khía cạnh thực tiễn khác. Những bài thuyết trình này nhằm mục đích khám phá và trình bày những hiểu biết sâu sắc về sự tương tác phức tạp giữa Phật giáo thế giới và xã hội, đặc biệt tập trung vào các vấn đề ở Sri Lanka.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Hòa thượng Giáo sư Medagama Nandawansa Thera, Hòa thượng Tiến sĩ Kahawatte Siri Sumedha, Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương, Tiến sĩ Prabath Ekanayake, Giáo sư Walter Senevirathne, Giáo sư H.M. Mahinda Herath và nhiều vị nữa đã đồng tổ chức buổi hội thảo Phật giáo tại Kandy đầy ý nghĩa này. Chúng tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn tới Giáo sư Prasad Sethunga đã điều hành buổi hội thảo một cách hiệu quả với tư cách là MC chủ trì buổi lễ.

Chúng tôi cũng ghi nhận sự nỗ lực của cô H.M.L.M. Munasinghe và nhiều vị nữa trong việc đại diện Ban Biên Tập, liên hệ với các giảng viên khác để lấy thông tin cho cuốn sách hội thảo này. Xin chân thành cảm ơn sự đón tiếp ân cần của tất cả quý vị đối với phái đoàn mười vị đệ tử xuất gia của Chùa Hương Sen, các nhân viên của Đại học Peradeniya và những người đã hảo tâm hỗ trợ cho buổi hội thảo này cũng như tất cả những người hiện diện hay vắng mặt đã góp phần vào sự thành công của buổi hội thảo cũng như việc xuất bản

tác phẩm này.

Nguyện Mười Phương Chư Phật gia hộ cho tất cả.

Nam Mô Hoan Hỉ Tạng Bồ Tát ma-ha-tát.

Chùa Hương Sen, ngày 15 tháng 9 năm 2023

Ban biên tập kính lễ,

Hòa thượng Tiến sĩ K. Siri Sumedha Thero

Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương

Welcome to
Academic Seminar on

GLOBAL SPREAD OF BUDDHISM WITH SPECIAL REFERENCE TO SRI LANKA

Organized by the Department of Education and the Department of Pali and Buddhist Studies, University of Peradeniya, Kandy, Sri Lanka, in collaboration with the sponsorship of The Maha Mahinda International Dharmadutha Society & Huong Sen Buddhist Temple, California, USA

Chief Guest Speaker: **Dr. Bhikṣuṇī TN Giới Hương**, founder Huong Sen Buddhist Temple

Chief Guest: **Dr. Ven. Kahawatte Siri Sumedha**, founder Jambudvipa Sri Lanka Buddhist Temple, Varanasi, Republic of India

Venue: Departments of Education and the Pali & Buddhist Studies, University of Peradeniya, Kandy, Sri Lanka

Date and time: **14th July 2023 at 01.30pm.**

පරත්තං පටිපජ්ජථ
ශ්‍රී ලංකා විද්‍යාලය මහපිරිවෙන් විහාරාධිපති
ශ්‍රී ලංකා රාමඤ්ඤ මහා නිකායේ
බස්නාහිර පළාත් සංඝනායක
පූජ්‍යතර මහාචාර්ය මැදගම නන්දවංස නායක මහා ස්ථවිර
ශ්‍රී ලංකා විද්‍යාලය මහ පිරිවෙන, 58, ශ්‍රී විපුලසේන මාවත, කොළඹ 10
දුරකථන / Tel : 011-2693867; 077-7722057; 011-2674524
විද්‍යුත් තැපෑල් / E-mail : **medagama8@yahoo.com**

PARATTHAṂ PAṬIPAJJATHA
The Chief Incumbent, Sri Lanka Vidyalaya Maha Pirivena
The Sanghanāyaka of the Western Province
Sri Lanka Rāmañña Mahā Nikāya
Most Ven. Prof. Medagama Nandawansa Nayaka Mahathera
Sri Lanka Vidyalaya Maha Pirivena, 58, Sri Vipulasena Mawatha,
Colombo 10, Sri Lanka.

14th June, 2023

INVITATION FOR THE ACADEMIC SEMINAR ON SRI LANKAN BUDDHISM

The Maha Mahinda International Dharmadutha Society (MMIDS) would like to invite respectfully Dr. Bhikkhuni Gioi Huong , the Abbess, Huong Sen Buddhist Temple, Perris, California, USA as one of the Chief Guests, with her 10 member of delegates to participate in the Academic Seminar on Sri Lankan Buddhism organized by the MMIDS in collaboration with the Departments of Education, and the Pali and Buddhist Studies, University of Peradeniya.

The program is sponsored by the Huong Sen Buddhist Temple, USA.

The Seminar is scheduled to be held on 14th July, 2023 at 01.30pm at the University of Peradeniya, Peradeniya, Sri Lanka on the focal theme: ***Global Spread of Buddhism with special Reference to Sri Lanka***

The names of the delegates are as follows:

01. Bhikkhuni Tri Minh 02. Bhikkhuni Vien Nhuan
03. Bhikkhuni Vien Dao 04. Bhikkhuni Vien Bao
05. Bhikkhuni Duc Tri 06. Bhikkhuni Vien Giac
07. Samaneri Vien Lanh 08. Tran Thi My Le
09. Pham T Phuong 10. Pham T Ngoc Dao

Yours in the Dhamma

The Patron, The Maha Mahinda International Dharmadutha Society

The Sanghanayaka - The Western Province
Sri Lanka Ramanna Maha Nikaya
Prof. MEDAGAMA NANDAWANSA Maha Thera
The Chief Incumbent
Sri lanka Vidyalaya Maha Pirivena
No. 58, Sri Vipulasena Mawatha, Colombo 10.

BIỂU NGỮ
THAM DỰ HỘI THẢO
"PHẬT GIÁO TOÀN CẦU - ĐẶC BIỆT LIÊN KẾT VỚI SRI LANKA"

Do Phân Khoa Giáo Dục, Pali và Phật Học tại Đại học Peradeniya, Kandy, Sri Lanka tổ chức với sự bảo trợ của Hội Quốc tế Dharmadutha Maha Mahinda, Colombo, Sri Lanka và Chùa Hương Sen, California, Hoa Kỳ.

Thuyết trình chính: Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương

Khách Mời: Hòa thượng Tiến sĩ Kahawatte Siri Sumedha

Địa điểm: Hội trường Khoa Giáo Dục, Pali và Phật Học tại Đại học Peradeniya, Kandy, Sri Lanka.

Thời gian: lúc 1:30g chiều ngày 14 tháng 07 năm 2023.

THƯ MỜI

Hội Quốc tế Dharmadutha Maha Mahinda, Colombo, Sri Lanka trân trọng kính mời Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương, Trụ trì Chùa Hương Sen, California, Hoa Kỳ là thuyết trình viên chính cùng mười sư cô của phái đoàn Hương Sen tham dự buổi hội thảo do Hội Quốc tế Dharmadutha Maha Mahinda, Colombo cùng Khoa Giáo Dục, Pali và Phật Học tại Đại học Peradeniya, Kandy, đồng tổ chức.

Bảo trợ: Chùa Hương Sen, California, Hoa Kỳ.

Thời gian: lúc 1:30g chiều ngày 14 tháng 07 năm 2023.

Địa điểm: Hội trường Khoa Giáo Dục, Pali và Phật Học tại Đại học Peradeniya, Kandy, Sri Lanka.

Các thành viên của phái đoàn Hương Sen gồm: 1. Sư cô Trí Minh, 2. Sư cô Viên Nhuận, 3. Sư cô Viên Đào, 4. Sư cô Viên Bảo, 5. Sư cô Đức Trí, 6. Sư cô Viên Giác, 7. Ni cô Viên Lành, 8. Phật tử Trần Thị Mỹ Lệ, 8. Phật tử Phạm Thị Phương và 10. Phật tử Phạm Thị Ngọc Đào.

Trân trọng kính mời,

Hòa thượng Giáo sư Medagama Nandawansa Thera

Hội Quốc tế Dharmadutha Maha Mahinda

Viện trưởng viện Sri Lanka Vidyalaya Maha

Phần I
CÁC DIỄN VĂN

පරත්තං පටිපජ්ජථ
ශ්‍රී ලංකා විද්‍යාලය මහපිරිවෙන් විහාරාධිපති
ශ්‍රී ලංකා රාමඤ්ඤ මහා නිකායේ
බස්නාහිර පළාත් සංඝනායක
පූජ්‍යතර මහාචාර්ය මැදගම නන්දවංස නායක මහා ස්ථවිර
ශ්‍රී ලංකා විද්‍යාලය මහ පිරිවෙන, 58, ශ්‍රී විපුලසේන මාවත, කොළඹ 10
දුරකථන / Tel : 011-2693867; 077-7722057; 011-2674524
විද්‍යුත් තැපෑල් / E-mail : medagama8@yahoo.com

PARATTHAṂ PAṬIPAJJATHA
The Chief Incumbent, Sri Lanka Vidyalaya Maha Pirivena
The Sanghanāyaka of the Western Province
Sri Lanka Rāmañña Mahā Nikāya
Most Ven. Prof. Medagama Nandawansa Nayaka Mahathera
Sri Lanka Vidyalaya Maha Pirivena, 58, Sri Vipulasena Mawatha,
Colombo 10, Sri Lanka.

DIỄN VĂN CHÀO MỪNG

HT. Giáo sư Medagama Nandawansa Nayaka Mahathera

Viện trưởng Sri Lanka Vidyalaya Maha Pirivena

Số 58, Vipulasena Mawatha, Colombo-10, Sri Lanka

Chào buổi chiều,

Kính chào chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Quý Ni sư, Sư cô, Viện trưởng, Trưởng khoa Giáo dục, Pali và Phật học, quý Giáo sư, Giảng viên, Trợ Giảng, Nghiên cứu sinh, Sinh viên Đại học Peradeniya và những vị Pháp hữu,

Tôi rất vui mừng với tư cách là nhà bảo trợ của Hội Quốc tế Dharmadutha Maha Mahinda được gặp quý vị ở đây, tại hội trường khoa Giáo dục, Đại học Peradeniya để tham dự Hội thảo Phật học về chủ đề "Phật Giáo Toàn Cầu đặc biệt liên kết với Sri Lanka" (Global Spread of Buddhism with Special Reference to Sri Lanka).

Hội Quốc tế Dharmadutha Maha Mahinda phối hợp với Khoa Giáo dục, Khoa Pali và Phật học, Đại học Peradeniya, với sự tài trợ của Chùa Hương Sen, California, Hoa Kỳ.

Với tư cách là người bảo trợ của Hội Quốc tế Dharmadutha Maha Mahinda, chúng tôi nhiệt liệt chào đón tất cả Chư tôn đức và quý quan khách đã quang lâm đến tham dự buổi hội thảo này. Trước hết, tôi cung kính hoan nghênh Nhị Bộ Tăng Già từ các quốc gia khác nhau đang có mặt ở đây. Trong số đó tôi đặc biệt chào mừng vị khách chính, Srī Lankā Vidyālayābhimānī Arhat Mahā MahendraVaṁsa Pravartaka, Hòa thượng Tiến sĩ Kahawatte Siri Sumedha Maha Thera, Trụ trì Chùa Jambudvīpa Sri Lanka tại Varanasi, Ấn Độ, vì sự hợp tác điều phối, hướng dẫn tận tình cũng như sự tham gia và đóng góp cá nhân của Hòa thượng trong các bài thuyết trình khiến buổi hội nghị thành công.

Sau đó, tôi xin được chào đón một cách rất nồng nhiệt và ân cần các Diễn giả khách mời chính một trong những người trình bày uyên bác của Hội thảo, là Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương, Viện trưởng chùa Hương Sen, California, Hoa Kỳ, vì quyết tâm đi khắp thế giới truyền bá thông điệp Phật pháp đến bất cứ nơi nào có thể. Chúng tôi rất tự hào về Ni sư T.N. Giới Hương, vì tấm lòng hoằng pháp không mệt mỏi quyết tâm truyền bá giáo lý của Đức Phật vì lợi ích của nhiều người. Tôi chào mừng Ni sư, quý Sư cô, Sư em, các đệ tử và những mạnh thường quân đã ủng hộ làm trụ cột sức mạnh cho Ni sư.

Tiếp theo, tôi xin chào mừng Trưởng khoa Nghệ thuật, Tiến sĩ Prabath Ekanayake, đã chấp nhận lời mời của chúng tôi đến tham dự hội thảo này bất chấp lịch trình bận rộn dày đặc của Ngài. Tôi cũng xin nhiệt liệt chào mừng Giáo sư Walter Senevirathne, Trưởng khoa Giáo dục và Giáo sư H.M. Mahinda Herath, Trưởng khoa Pali và Phật học. Tôi cũng đặc biệt chào mừng Giáo sư Prasad Sethunga từ Bộ Giáo dục, người đã đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức Hội thảo ở đây. Nhân cơ

hội này tôi xin được bày tỏ lời chúc mừng chân thành tới Ngài về việc Ngài được Bộ trưởng Bộ Giáo dục bổ nhiệm Ngài làm Tổng Giám đốc Viện Giáo dục Quốc gia.

Bây giờ, hãy để tôi nhiệt liệt chào đón những thuyết trình viên và các học giả uyên bác đã chấp nhận lời mời của chúng tôi đến tham dự có các giáo sư, giảng viên cao cấp, trợ giảng của trường Đại học Peradeniya và Đại học Bhiksu Anuradhapura. Những đóng góp kiến thức quý giá của quý vị cho buổi Hội thảo Phật học thuật này sẽ được kết tập và xuất bản ngay sau hội thảo do Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương phụ trách và cúng dường. Tôi chắc chắn rằng kiến thức về chủ đề liên quan đến việc truyền bá Phật giáo toàn cầu với sự tham khảo đặc biệt về Sri Lanka sẽ nâng cao sự hiểu biết của chúng ta thông qua những đóng góp uyên bác của quý vị.

Một lần nữa, tôi nhiệt liệt hoan nghênh tất cả những thuyết trình viên và quý quan khách đã rất quan tâm đến việc nghiên cứu và nghiên cứu nâng cao về cổ ngữ Pali và Phật học.

Cuối cùng, tôi muốn đưa ra một vài nhận xét về chủ đề "**Phật giáo toàn cầu đặc biệt liên kết đến Sri Lanka**," Như tất cả chúng ta đều biết rằng nơi ra đời của Phật giáo là Ấn Độ có một lịch sử lâu dài hơn 25 thế kỷ, trong thời gian đó Phật giáo phải đối mặt với nhiều thách thức khác nhau từ trong và ngoài nước Ấn Độ. Những thách thức mạnh mẽ đến mức chỉ vài thế kỷ sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, những đệ tử trung thành của Ngài buộc phải tìm mọi cách và phương tiện để tồn tại và bảo vệ thế hệ tương lai. Một cách mà họ áp dụng là tổ chức Sangayanas (kiết tập) để hộ trì và thanh tịnh. Chúng tôi có thông tin đầy đủ về các kỳ Kiết tập như vậy được tổ chức thường xuyên ở Ấn Độ và ngoài Ấn Độ. Tuy nhiên, trong Tạng Luật Vinayaṭṭhakathā đã ghi rằng sau kỳ Kiết Tập lần thứ 3 được tổ chức tại thành phố Pātaliputra dưới sự bảo trợ của Hoàng đế A-dục (Asoka) do Tôn giả Arahat Moggaliputtatissa Mahā Thera chủ trì, như lời tiên đoán của

Ngài rằng Giáo pháp sẽ không được bảo vệ ở Ấn Độ nhưng sẽ được bảo tồn tốt ở ngoài Ấn Độ. Kết quả là các sứ giả Phật giáo (Dharmadūtās) được gửi đến chín quốc gia là:

- **Majjhantika Thera:** Kāsmira and Gandhāra (Kashmir, Afghanistan, Peshawar and Rawalapindi in northwest Pakistan)
- **Mahādeva Thera:** Mahisamaṇḍala (Mysore)
- **Rakkhita Thera:** Vanavāsī (North Kanārā in South India)
- **Yonaka Dhammarakkhita Thera:** Aparantaka (modern northern Gujarat Kathiavar, Kachcha and Sindh)
- **Mahādhamma Rakkhita Thera:** Mahāraṭṭha (parts of Maharashtra around the source of Godavari)
- **Mahā Rakkhita Thera:** Yonakaloka (ancient Greece)
- **Majjhima Thera:** Himavanta Padesa Bhāga (Himalayan region)
- **Soṇa and Uttara Theras:** Suvaṇṇa Bhūmi (Burma)
- **Mahinda Thera and others:** Tambapaṇṇidīpa (Sri Lanka)[1]

Nhìn vào lịch sử Phật giáo, lời tiên đoán của A La Hán Moggaliputtatissa Maha Thera đã đúng theo thời gian. Sri Lanka hay Sīhaladīpa như tên gọi khi đó là một trong chín điểm mà thánh tăng Arahat Maha Mahinda đã đến cùng phái đoàn của mình, tất cả đều thuộc dòng họ hoàng gia. Các sứ giả không bao giờ trở về quê hương và hoàn thành nghĩa vụ truyền pháp của mình một cách xuất sắc, trước sự hài lòng và mang ơn của toàn thể dân tộc Sinhalese (Sri Lanka) trên đảo Ceylon.

1. The Spread of Dhamma
https://www.vridhamma.org/The-Spread-of-Dhamma

Về sự truyền bá toàn cầu của Phật giáo, Sri Lanka đã đóng một vai trò quan trọng khó có một quốc gia Phật giáo nào có thể sánh được. Sri Lanka được xem là quê hương của Phật giáo Nguyên thủy, nơi Tam tạng nguyên thủy được viết vào khoảng thế kỷ I. Sau này, Luận tạng Sihala có tên là Sihalaṭṭhakathā được bảo tồn trong Mahāvihāra ở Anuradhapura, cố đô của Sri Lanka. Sau đó, chúng được dịch sang tiếng Pāli, ngôn ngữ mà Tam tạng được lưu giữ, bởi nhà bình luận nổi tiếng đại sư Phật Âm (Buddhaghosa) đến từ Ấn Độ. Mặc dù Sri Lanka phải đối mặt với vô số thách thức trong suốt lịch sử nhưng đất nước này vẫn đứng vững và bảo vệ di sản Phật pháp vô giá của mình, Tam tạng Pali (Pāli Tipiṭaka), những lời dạy cốt lõi của Đức Phật trong truyền thống Nguyên thủy được xem là những thuật từ nguyên thủy, nếu không muốn nói là gần nhất với ngôn ngữ của Đức Phật. Pāli Tipiṭaka mà chúng ta có ngày nay trên thế giới được phiên âm thành các loại chữ viết khác nhau như ngôn ngữ Miến Điện, Thái, Campuchia, Devanagari và PTS (chữ viết La Mã) đều có nguồn gốc từ phiên bản chữ viết Sinhala được bảo quản tốt trong các bản viết tay trên lá cọ. Đã có lúc Sri Lanka đánh mất truyền thống quý báu không gián đoạn của cộng đồng Tăng già. Tuy nhiên, nó đã được tái lập với sự bảo trợ của những người cai trị và với sự hướng dẫn đầy hiểu biết của những người con Phật tận tâm.

Chỉ riêng việc bảo tồn Kinh điển Pāli đã là đóng góp độc đáo của Sri Lanka vào việc truyền bá Phật giáo toàn cầu.

Hội thảo Phật học này sẽ củng cố và hỗ trợ việc bảo tồn di sản cao quý đó.

Xin Cảm ơn!

Your No }
ART/DO/SEC
20/09/2023
Faculty of Arts, University of Peradeniya, Sri Lanka
ශාස්ත්‍ර පීඨය, පේරාදෙණිය විශ්වවිද්‍යාලය, ශ්‍රී ලංකාව
கலைப்பீடம், பேராதனைப் பல்கலைக்கழகம், இலங்கை
081-2392507
081-2388933
dean@arts.pdn.ac.lk

THE WELCOME ADDRESS

Dean, Faculty of Arts, University of Peradeniya

DIỄN VĂN KHAI MẠC

Tiến sĩ E.M.P.C.S. Ekanayake,
Trưởng khoa Nghệ thuật, Đại học Peradeniya
Email: deanarts@pdn.ac.lk

Kính thưa chư tôn Thiền đức Tăng từ Sri Lanka, quý chư Ni từ California, Hoa Kỳ, Trưởng Khoa Giáo dục, Khoa Pali và Phật Học, Đại học Peradeniya, tất cả các quan khách và những thuyết trình viên!

Tôi đang đứng đây tại Đại học Peradeniya với tấm lòng tràn đầy cảm kích và phấn khởi khi chúng ta cùng thảo luận về sự truyền bá của Phật giáo trên khắp thế giới. Tôi muốn tỏ lòng biết ơn chân thành đến Hội Quốc tế Dharmadutha Maha Mahinda và các Khoa Giáo dục, Khoa Pali và Phật học tại Đại học Peradeniya đã tổ chức buổi hội thảo sâu sắc này, một sự hợp tác thực sự giữa các lĩnh vực giáo dục và nghiên cứu Phật giáo. Tôi phát biểu thay mặt cho toàn thể giảng viên và nhân viên. Sự kiện này đánh dấu sự khởi đầu của mối quan hệ hợp tác bền vững giữa hai tổ chức uy tín, một tổ chức mà tôi hy vọng sẽ phát triển và mở rộng khi chúng ta làm việc cùng nhau. Bằng cách khuyến khích các mối quan hệ đối tác này, chúng tôi củng cố tổ chức cho sự hòa bình và hiểu biết trên quy mô toàn cầu, được hướng dẫn bởi lòng từ bi và trí tuệ mà Phật giáo đề cao.

Với sự nỗ lực chân thành, đức hạnh tôn quý của tất cả các vị đại biểu và chư tôn đức Ni đã đến từ Califonia, Hoa Kỳ, đều được nồng nhiệt chào đón. Chào mừng quí vị đến với trường đại học nổi tiếng với vẻ đẹp bình yên và sự yên tĩnh đáng ngạc nhiên này, và tôi khuyến khích quý Ngài nên dành chút thời gian để hòa mình vào môi trường đặc biệt ở đây.

Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng việc theo đuổi học tập và phát triển tinh thần của quý vị sẽ được khơi dậy hơn nữa bởi khung cảnh xung quanh của Đại học Peradeniya. Chúng tôi đặc biệt muốn bày tỏ lòng biết ơn đến diễn giả khách mời chính, Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương, Trụ trì Chùa Hương Sen ở California, Hoa Kỳ. Hội thảo này sẽ không thể thực hiện được nếu không có sự hiện diện của Ni sư và sự hỗ trợ mà Ni sư đã cúng dường. Tất cả chúng tôi đều được truyền cảm hứng từ sự làm việc không mệt mỏi hoằng truyền giáo pháp và khích lệ sự giao thoa giữa hai nền văn hóa. Ngoài ra, tôi cũng muốn cảm ơn đến Hòa thượng Giáo sư Medagama Nandawansa Thero và Hòa thượng Tiến sĩ Kahawatte Siri

Sumedha đã giúp thực hiện sự kiện này qua việc liên lạc với Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương.

Cuối cùng, tôi muốn gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến tất cả quý vị đang hiện diện ở đây và bày tỏ hy vọng rằng buổi hội thảo này sẽ không chỉ mở rộng kiến thức của bạn mà còn tạo ra những mối quan hệ đối tác lâu dài.

"Namo Buddhaya-නමෝ බුද්ධාය"
INDO-SRI LANKA INTERNATIONAL BUDDHIST ASSOCIATION
Address : Jambudvipa Sri Lanka Buddhist Temple
Isipatana Deer-Park, Sarnath, Varanasi, 221007, U.P., India
ඉන්දු-ශ්‍රී ලංකා ජාත්‍යන්තර බෞද්ධ සමාගම
ලිපිනය : ජම්බුද්වීප-ශ්‍රී ලංකා බෞද්ධ විහාරය
ඉසිපතන මිගදාය, සාරානාත්, වාරානසි, 221007, ඉන්දියාව
Tel./ දුරකතනය : 0091-542-2595003, 0091-9169503938, E-mail : indosrilankaiba@gmail.com, jambudvipatemple@yahoo.com
A religious and Charitable Trust Registered Under Indian Registration Act 1908, Registered Under Foreign Contribution Regulation Act-2010 (FCRA) and Under Section 12AA of Income Tax Act 1961.

DIỄN VĂN HỘI NGHỊ

Hòa thượng Tiến sĩ Kahawatte Siri Sumedha

Chủ tịch hội Phật giáo quốc tế Indo Sri Lanka,

Trụ trì chùa Jambudvipa Sri Lanka, Varanasi, Ấn Độ

Ngày 16 tháng 8 năm 2023

Thay mặt Chùa Jambudvipa Sri Lanka, Sarnath, Varanasi, tôi rất vui mừng khi Ni Sư đến thăm Sri Lanka từ ngày 10 đến ngày 18 tháng 7 năm 2023, cùng với quý sư cô và Phật tử, phái đoàn Chùa Hương Sen. Ni Sư đã đứng ra tổ chức buổi hội thảo vào ngày 14 tháng 7, năm 2023,

tại Đại học Peradeniya, Kandy và cúng dường tài trợ. Mặc dù đang hành hương cùng với phái đoàn của chùa, Ni Sư đã thể hiện những hành động tận tâm và nhiệt tình khi tổ chức buổi hội thảo về chủ đề "*Phật giáo toàn cầu đặc biệt liên kết với Sri Lanka."*

Bản thân chủ đề này nhằm tôn vinh Phật giáo Theravada ở Sri Lanka và Tam tạng kinh điển. Sự tín nhiệm thuộc về Sri Lanka cho sự hồi sinh của Phật giáo ở Nepal, Nhật Bản, Thái Lan, Việt Nam, Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Đại học Peradeniya là trường đại học lớn nhất lâu đời nhất ở Sri Lanka. Trường được thành lập vào năm 1954 với sự hiện diện của Nữ hoàng Elzabeth II tọa lạc ở khu vực lân cận Đền thờ Xá lợi Răng thiêng, Kandy.

Trường đại học được liên kết với Tổng Giám đốc Khảo cổ học đầu tiên của Sri Lanka, Giáo sư Senerath Paranavitarana (Biên tập viên Bách khoa toàn thư Phật giáo), Giáo sư G. P. Malalasekera, Giáo sư Anuruddha Seneviratne, Giáo sư Senaka Bibile, Giáo sư Nandadeva Wijesekara, Giáo sư Ediriwira Saratchandra và nhiều vị khác, đều là những cựu học giả lỗi lạc. Các học giả như ông Lakshman Kadiragamar, Giáo sư J. B. Dissanayake, Tiến sĩ Gunadasa Amasekera, nhà cựu ngoại giao Tiến sĩ Jayantha Dhanapala, các chính trị gia như W.J.M. Lokubandara và Neelam Thiruchellam là những nghiên cứu sinh học giả nổi bật.

Hội thảo Phật giáo này sẽ mở ra một kỷ nguyên mới trong mối quan hệ học thuật và truyền bá Phật giáo thông qua các hoạt động học thuật giữa Sri Lanka và Chùa Hương Sen, Hoa Kỳ và Cộng đồng Phật giáo Việt Nam.

Chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác của Giáo sư Prabath Ekanayake - Trưởng khoa Nghệ thuật, Giáo sư Walter Senaviratne - Trưởng Khoa Giáo dục, Giáo sư Prasad Sethunga - Điều phối viên hay MC của Hội thảo, cùng các

giảng viên và học giả nghiên cứu đã tham gia trình bày các bài viết cho sự kiện Phật giáo này.

Các bài thuyết trình trong hội thảo sẽ được Ni sư Tiến sĩ T.N. Gioi Hương (Trụ trì Chùa Hương Sen, Hoa Kỳ) kết tập thành tập sách nghiên cứu Phật học. Điều này sẽ mở ra cánh cửa hiểu biết và trao đổi tư tưởng mới giữa các Tăng Ni học giả của thế giới Phật giáo giúp truyền bá Phật giáo đến các quốc gia mới. Tôi xin gửi những lời chúc tốt đẹp nhất cho sự thành công này.

Nguyện việc xuất bản những tư tưởng tiêu biểu của Hội thảo thông qua việc xuất bản có thể hướng dẫn các thế hệ mai sau.

Nguyện cho tất cả chúng sinh được hạnh phúc.

Bhavatu Sabba Mangalam.

Nam mô A Di Đà Phật.

DEPARTMENT OF PALI AND BUDDHIST STUDIES
FACULTY OF ARTS, UNIVERSITY OF PERADENIYA
PERADENIYA, SRI LANKA

Telephone: ++94-81-2392520 / 2392521 Fax: 081-2388933
Email:palibuddhist@pdn.ac.lk Website: http://www.arts.pdn.ac.lk/pali/

THÔNG ĐIỆP LIÊN KẾT

Giáo sư H.M. Mahinda Herath
Trưởng Khoa Pali và Phật Học,
Trường Đại học Peradeniya, Kandy

Tôi bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới tất cả Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni, các học giả, nhà nghiên cứu và những vị tham dự đã cam kết và nhiệt tình làm cho các cuộc hội thảo trở nên phong phú hơn và sự kiện này đã thành công tốt đẹp. Ý kiến đóng góp của quý vị đã mở ra những con đường hiểu biết mới làm sáng tỏ khả năng áp dụng các khái niệm Phật giáo trên tất cả các nền văn minh.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến Chùa Hương Sen ở California, Hoa Kỳ, sự hỗ trợ tận tình của quý Ni sư, quý Sư cô là nền tảng để thực hiện buổi hội thảo này. Sự cống

hiến của chư Ni trong việc thúc đẩy đối thoại liên văn hóa và lời dạy của Đức Phật thật đáng ngưỡng mộ và đầy động lực.

Nguyện cuốn sách hội thảo "*Phật giáo toàn cầu đặc biệt liên kết với Sri Lanka"* đóng vai trò như một lời nhắc nhở lâu dài về cuộc tìm kiếm trí tuệ và lòng từ bi được kết nối trong sự kiện gặp mặt này.

Hãy để nó trở thành nguồn động lực cho các thế hệ học giả và hành giả sắp tới khi họ ngày càng nghiên cứu sâu hơn về Phật giáo.

Tôi mong buổi hội thảo này sẽ thành công tốt đẹp và mong rằng quý vị sẽ thấy nó có kết quả với giáo lý Phật giáo và nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực theo chủ đề mở rộng Phật giáo.

Tôi hy vọng rằng quý vị sẽ thấy hội nghị này vô cùng hiệu quả và đầy cảm hứng.

HUONG SEN BUDDHIST TEMPLE – CHÙA HƯƠNG SEN
19865 Seaton Avenue, Perris, CA 92570, USA
Tel: 951-657-7272 Cell: 951-616-8620
Email: huongsentemple@gmail.com, Web: www.huongsentemple.com
Fanpage: Huong Sen

BAN BẢO TRỢ

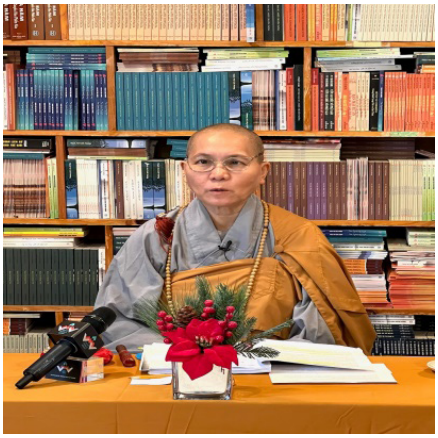

Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương

Trụ trì Chùa Hương Sen, California, Mỹ

Giảng viên Anh văn Phật pháp tại

Học viện Phật giáo tại TP HCM, Việt Nam

Kính thưa Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni

Các vị Giáo Sư, Thuyết trình viên và quý Quan khách,

Chúc buổi chiều tốt lành đến tất cả mọi người,

Kính thưa Giáo sư Walter Senevirathne (Trưởng Khoa Giáo dục), Giáo sư H.M. Mahinda Herath (Trưởng Khoa Pali và Phật học), Giáo sư Prasad Sethunga (Giám đốc Bộ Giáo dục Quốc gia) là trưởng ban tổ chức hội thảo "*Phật giáo toàn cầu đặc biệt liên kết với Sri Lanka"* tại trường Đại học Peradeniya, Kandy, vào ngày 14 tháng 7 năm 2023. Buổi hội thảo phối hợp với Khoa Giáo dục, Khoa Pali và Phật học tại Đại học Peradeniya với sự tài trợ của Chùa Hương Sen, California, Hoa Kỳ.

Kính bạch Hòa thượng Giáo sư Medagama Nandawansa Thera, hòa thượng Tiến sĩ Kahawatte Siri Sumedha và tất cả các Giáo sư nổi tiếng tại Đại học Peradeniya, Kandy,

Kính thưa các vị khách quý trong nước/quốc tế, các học giả, nhà văn, diễn giả, và sinh viên đang có mặt tại đây,

Tôi là Bhikṣuṇī T.N. Giới Hương và quý sư cô cùng Phật tử Việt Nam đến từ chùa Hương Sen ở California, Hoa Kỳ. Thật vinh dự cho chúng tôi được có mặt tại đây để phát biểu với tư cách là Khách mời danh dự và là nhà tài trợ cho buổi hội thảo đầy ý nghĩa này tại Đại học Peradeniya, Sri Lanka này.

Kính thưa tất cả quý vị,

Tôi là cựu sinh viên Trường Đại học Delhi, Ấn Độ. Tôi may mắn có cơ hội để học Phật học tại Đại học Delhi, Ấn Độ trong 11 năm (1994–2005) tốt nghiệp Tiến sĩ Triết Học năm 2003, sau đó tôi định cư ở California, Hoa Kỳ, cho đến ngày nay.

Khi Phật giáo lan rộng ra ngoài biên giới Ấn Độ, một trong những quốc gia đầu tiên mà Phật giáo bén rễ là Ceylon, nay gọi là Sri Lanka. Nhìn lại lịch sử, Phật giáo gần như biến mất ở Ấn Độ trong nhiều thế kỷ. Có thể nói, truyền thống Phật giáo lâu đời nhất hiện nay được tìm thấy ở Sri Lanka. Vì vậy, Ấn Độ là quê hương của Phật giáo nhưng thực chất Ceylon mới là nơi tái sinh hay hồi sinh của Phật giáo, theo hiểu biết của tôi. Vì thế, là chư Ni, con gái và đệ tử của Đức

Phật, chúng tôi yêu đất nước Ấn Độ cũng như yêu quý Sri Lanka vì cả hai đất nước Phật giáo đều có mối liên hệ sâu sắc, có thể giúp truyền bá Phật giáo như một phương pháp sống sinh động cho Hoa Kỳ và thế giới.

Hiện nay, sự xuất hiện của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đã giúp xã hội loài người có nhiều tiến bộ về kỹ thuật[2], với sự hỗ trợ của Internet (IoT), Google, Gmail, Facebook, Fanpa, Twitter, YouTube , Instagram, Zalo, Viber, Whatsapp và nhiều hơn nữa, nên nội dung lời dạy của Đức Phật dễ dàng được tiếp cận ở mọi quốc gia.

Ưu điểm của internet là giúp kết nối mọi người trên thế giới, bất kể khoảng cách địa lý xa gần, tôi mong muốn tổ chức buổi hội thảo này tại Sri Lanka sẽ giúp kết nối với Chư tôn thiền đức Tăng Ni, các học giả Phật giáo, các nhà văn, trí thức đã chịu nhiều nỗi đau thương và hy sinh vì sự nghiệp hoằng dương chánh pháp.

Kính thưa tất cả các vị,

Nếu không có Hòa thượng Kahawatte Siri Sumedha ở Sarnath, Ấn Độ, tôi không thể biết đến Hòa thượng Giáo sư Medagama Nandawansa Thera ở Colombo.

- Không có Hòa thượng Giáo sư Medagama Nandawansa Thera ở Colombo, tôi không thể biết Giáo sư Prasad Sethunga ở Kandy.
- Không có Giáo sư Prasad Sethunga và nhiều vị nữa thì hội thảo Phật giáo ở Đại học Peradeniya không thể hình thành được.
- Cảm ơn tất cả trong mối thiện duyên thiện hữu tri thức này.

---

2. Bai, Chunguang; Dallasega, Patrick; Orzes, Guido; Sarkis, Joseph, Industry, "Đánh giá công nghệ 4.0: Quan điểm bền vững," T*ạp chí quốc tế về kinh tế sản xuất, 202*0, 229.

Cảm ơn quý vị đã cho tôi và chùa Hương Sen ở California, Hoa Kỳ có cơ hội cúng dường tài trợ cho quý vị trong cuộc hội thảo và ấn phẩm tri thức này. Cho phép chúng tôi được sử dụng tất cả các bài thuyết trình trong hội thảo này để xuất bản thành cuốn sách "*Phật Giáo Toàn Cầu đặc biệt liên kết với Sri Lanka.*"

Buổi hội thảo này là một sự kiện tuyệt vời trong cuộc đời tôi nhằm thúc đẩy sự kết nối Phật giáo giữa Sri Lanka, Việt Nam và Hoa Kỳ. Chúng ta đã được kết nối. Cuốn sách này sẽ là vô giá trong việc phục vụ Giáo Pháp vì lợi ích của nhiều người trên thế giới.

Xin Đức Phật gia hộ cho tất cả chúng ta.

Chúc buổi hội thảo thành công tốt đẹp.

Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật!

"Namo Buddhaya-නමෝ බුද්ධාය"
INDO-SRI LANKA INTERNATIONAL BUDDHIST ASSOCIATION
Address : Jambudvipa Sri Lanka Buddhist Temple
Isipatana Deer-Park, Sarnath, Varanasi, 221007, U.P., India
ඉන්දු-ශ්‍රී ලංකා ජාත්‍යන්තර බෞද්ධ සමාගම
ලිපිනය : ජම්බුද්වීප-ශ්‍රී ලංකා බෞද්ධ විහාරය
ඉසිපතන මිගදාය, සාරානාත්, වාරානසි, 221007, ඉන්දියාව
Tel./ දුරකථනකුම : 0091-542-2595003, 0091-9169503938, E-mail : indosrilankaiba@gmail.com, jambudvipatemple@yahoo.com
A religious and Charitable Trust Registered Under Indian Registration Act 1908, Registered Under Foreign Contribution Regulation Act-2010 (FCRA) and Under Section 12AA of Income Tax Act 1961.

LỜI TRI ÂN ĐẾN BAN BẢO TRỢ

Hòa thượng Tiến sĩ Kahawatte Siri Sumedha

Chủ tịch Hội Quốc tế Indo Sri Lanka

Trụ trì Chùa Jambudvipa Sri Lanka, Varanasi, Ấn Độ

Tôi thật hân hạnh được hợp tác với Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương và phái đoàn quý Sư cô cùng Phật tử Chùa Hương Sen, California, Hoa Kỳ.

Ni sư T.N. Giới Hương trong chuyến thăm Sri Lanka, đã đứng ra tổ chức và tài trợ buổi Hội thảo "*Phật Giáo Toàn Cầu đặc biệt liên kết với Sri Lanka*" tại trường Đại học Peradeniya, Kandy, ngày 14/07/2023 và Hội thảo "*Phật giáo Sri Lanka*

trong Thế kỷ XIX-XXI" tại Colombo, ngày 16/07/2023.

Chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn và trân trọng vì đã tài trợ cho hai buổi hội thảo ở Kandy và Colombo này, cũng như Ni sư đã tổ chức từ thiện cho người nghèo tại Chùa Koombiyangoda (Matale, Sri Lanka) và cúng dường phẩm vật cho Chư Tăng Ni ở nhiều chùa tại Sri Lanka. Vật phẩm cúng dường bao gồm các tác phẩm sách Phật giáo do Ni sư T.N. Giới Hương biên soạn, tịnh tài và thực phẩm. Rất tri ân Ni sư và phái đoàn trong việc truyền bá Phật giáo ra thế giới.

Thay mặt ban tổ chức, Hòa thượng Giáo sư Nandwana Maha Thero (Hội Quốc tế Dharmadutha Maha Mahinda) và cá nhân tôi đánh giá cao chí nguyện và hành động cao đẹp của Ni sư khi sưu tầm các bài thuyết trình trong hội thảo và xuất bản thành sách để tặng các thuyết trình viên, các chùa và thư viện trường.

Dưới đây xin gửi đến cả hai bài thuyết trình quan trọng được trình bày trong buổi hội thảo và đánh giá cao những thông điệp chúc mừng tốt đẹp sẽ được xuất bản trong thời gian sắp tới.

Chúc tác phẩm sách hội thảo "*Phật Giáo Toàn Cầu đặc biệt liên kết với Sri Lanka*" sẽ định hướng tốt cho các thế hệ mai sau.

Nguyện cho tất cả chúng sinh được hạnh phúc.

Bhavatu Sabba Mangalam

Phần II
CÁC BÀI THAM LUẬN

2.1.

PHẬT GIÁO TỪ ĐẢO QUỐC CEYLON ĐẾN HOA KỲ

Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương

Chùa Hương Sen, California, Hoa Kỳ

Giảng viên Anh Văn Phật Pháp,
Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM

Email: Hươngsentemple@gmail.com

1. PHẬT GIÁO TÍCH LAN THỜI CỔ ĐẠI

Ceylon (Sri Lanka ngày nay) là một quốc đảo nằm giữa Ấn Độ Dương rộng lớn. Hòn đảo này nằm ở tận cùng phía Nam của Ấn Độ nên đã ảnh hưởng rất nhiều từ nền văn hóa Ấn Độ, đặc biệt là từ thời Đức Phật.

Nhắc đến lịch sử Phật giáo, chúng ta thường nghĩ ngay đến Ấn Độ, bởi đây là nơi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giác ngộ, thành lập Tăng đoàn và Phật giáo. Tuy nhiên, theo thời gian, trong những giai đoạn khắc nghiệt, thì chính Tích Lan đã đóng góp to lớn trong việc bảo tồn và khôi phục Phật giáo sau sự suy tàn của Phật giáo trong nhiều thế kỷ bởi các thế lực hùng mạnh và các tôn giáo khác.

Hòn đảo hình giọt nước của Sri Lanka (Internet)

Khi Phật giáo suy tàn ở Ấn Độ, nhờ các tu sĩ Sri Lanka thông thạo giáo lý của Đức Phật; từ Ceylon đã trở về để truyền bá nguồn giáo lý kỳ diệu tại quê hương cổ xưa của Phật giáo, Ấn Độ. Ví dụ, vào thế kỷ XIX (1891), *Anagārika Dharmapāla* là một nhà phục hưng Phật giáo người Sri Lanka, Người đã đến khôi phục Phật giáo ở Ấn Độ và thành lập Hội Đại Bồ Đề (Maha Bodhi) ở nhiều bang của Ấn Độ, như Sarnath, Delhi, Kolkata, Câu-thi-na và những bang khác. Ngài là một trong những nhà truyền bá Phật giáo toàn cầu đầu tiên đưa Phật giáo đến Hoa Kỳ, Châu Âu và thế giới.

Ceylon tự hào có cây bồ đề cổ thụ lâu đời nhất trên đất của mình. Cây bồ đề hiện diện ở Bodhgaya tại Ấn Độ có nguồn gốc của một nhánh chiết từ cây bồ đề ở Ceylon. Khi con gái của vua Ashoka, Tỳ-kheo-ni *Sanghamitta*, đến Ceylon để

thành lập một Ni đoàn Phật giáo, Thánh tổ đã mang cành bồ đề sang và trồng ở thủ đô Anuradhapura. Sau này, khi cây bồ đề nơi Đức Phật đã đánh bại ma quân để đạt giác ngộ viên mãn bị đốn hạ, thì một nhánh của cây bồ đề tại Tích Lan đã được mang về trồng lại tại chính nơi đó.

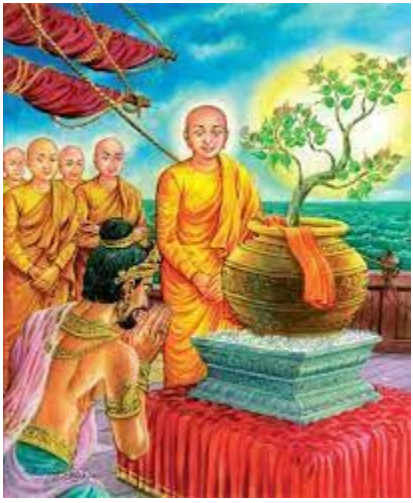

Tỳ kheo Ni Sanghamitta sang Tích Lan và mang theo nhánh Bồ Đề

Với 2.272 năm lịch sử Phật giáo (2.023 năm + 249 trước Công nguyên), Ceylon thực sự là huyền thoại của Phật giáo cổ đại, là một trong nhiều quốc gia có di sản Phật giáo cổ xưa nhất với nền văn hóa tâm linh phong phú. Do vậy, Ceylon được UNESCO công nhận là nơi có nhiều di sản Phật giáo thế giới. Các di sản[3] đó là:

3. Ven. S. Dhammika, Đảo thiêng: Hướng dẫn hành hương Phật giáo đến Sri Lanka (Sri Lanka, Champika Printers, 2008), http://www.buddhanet.net/sacred-island/.

1. Cây bồ đề lâu đời nhất (từ thế kỷ III trước Công nguyên)

Cây bồ đề Sri Maha ở Anuradhapura

2. Khu phức hợp các đền thờ ở thành phố Anurādhapura (thế kỷ III trước Công nguyên)

Chú tiểu và các Phật tử nơi cây bồ đề thiêng Sri Maha Bodhi, Anuradhapura, Bắc Trung Bộ, Sri Lanka.[4]

3. Đền đá Polonnaruwa (thế kỷ XII)

4. https://www.blaineharrington.com/image/I0000xrwXcmycqbY

4. Sigiriya Lion Rock và Thành sư tử nhiều màu sắc của Sigiriya (thế kỷ V)

5.Chùa vàng trong động Dambulla (thế kỷ I trước Công nguyên)

6. Thành pháo đài Galle (thế kỷ XV)

7. Đền Hoàng gia Sri Dalada Maligawa, bảo vật quốc gia là nơi đền thờ Răng Phật ở thành phố Kandy.

2. PHẬT GIÁO SRI LANKA TRONG THỜI HIỆN ĐẠI

Phật giáo Tích Lan thời kỳ đầu hiện đại là công cụ phục hưng Phật giáo và thiết lập lá cờ Phật giáo quốc tế.[5]

2.1. Sự hồi sinh Phật giáo hiện đại

Những đóng góp cho sự hồi sinh, giành sự tự do, dân chủ của Phật giáo phải kể đến như sau:

Cuộc tranh luận ở Panadura giữa Cơ đốc giáo (các mục sư Cơ đốc giáo) và Phật giáo (*các tu sĩ Migettuwatte Gunananda Thera và Hikkaduwe Sri Sumangala Thera*) được nhiều người coi là một thắng lợi của Phật giáo.[6]

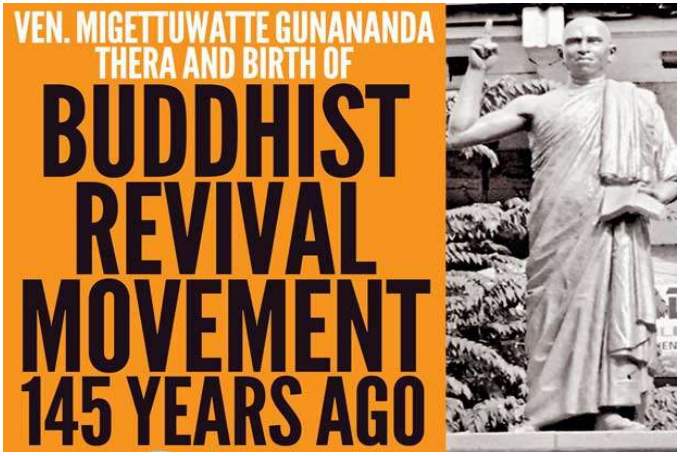

Đại tá Henry Steel Olcott (*người Mỹ đến Sri Lanka vào tháng 5 năm 1880*) đã đoàn kết nhiều nhà lãnh đạo Phật giáo Sinhalese để khởi xướng phong trào chấn hưng Phật giáo và tiên phong giáo dục Phật giáo. Họ thành lập Hội Thần học Phật giáo, xây 400 trường học và cao đẳng Phật giáo,

5. Phật giáo tại Sri Lanka, Piyadassi Mahāthera, Phạm Kim Khánh dịch.https://www.vomonthientu.org/a356/14-phat-giao-tai-sri-lanka-
6. Cuộc tranh luận Panadura giữa đạo Thiên chúa (các linh mục Cơ đốc giáo) và Phật giáo (Tỳ kheo Migettuwatte Gunananda Thera và Hikkaduwe Sri Sumangala Thera).https://en.wikipedia.org/wiki/Buddhism_in_Sri_Lanka

cũng như xây dựng tượng đài tôn giả Ananda, Mahinda và Dharmaraja ở Sri Lanka.

Hiệp hội có nhiều ấn phẩm quảng bá Phật giáo, chẳng hạn như tờ báo Sinhalese, Sarasavisandarasa, và phiên bản tiếng Anh, The Buddha. Kết quả của những nỗ lực này là Lễ Vesak đã trở thành một ngày lễ chung cho cộng đồng và tiếng nói của Phật giáo ngày càng thu hút được sự chú ý.

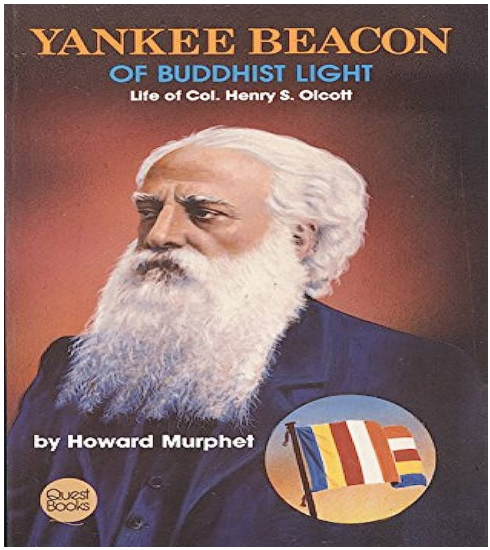

Anagarika Dharmapala là một nhà lãnh đạo trong số những người Sinhalese tham gia phong trào phục hưng Phật giáo chống lại ảnh hưởng của nước ngoài (cấm bắt chước người nước ngoài về tôn giáo, tên và phong tục). Ông đã thành lập nhiều tổ chức để thúc đẩy phong trào. Ban đầu, ông là thông dịch viên cho Đại tá Henry Steel Olcott, người đã đi khắp đảo quốc để diễn thuyết và viết sách. Sau đó, Anagarika Dharmapala du hành tới Ấn Độ và thành lập Hội Đại Bồ Đề ở Ấn Độ (năm 1891) để phục hưng Phật giáo ở Ấn Độ và Sri Lanka.Với kinh nghiệm làm thông dịch viên, ông đã đi đến nhiều châu lục như Úc, Mỹ, Châu Âu và Châu Á để kêu gọi xây dựng lại các thánh địa Phật giáo linh thiêng và truyền bá

lời dạy của Đức Phật. Gần cuối đời, Ngài xuất gia tại Sarnath, Varansai, nơi Ngài xây dựng Tu viện Mulgandha Kuti Vihara (năm 1930) với kiến trúc độc đáo dành cho Hội Đại Bồ Đề.

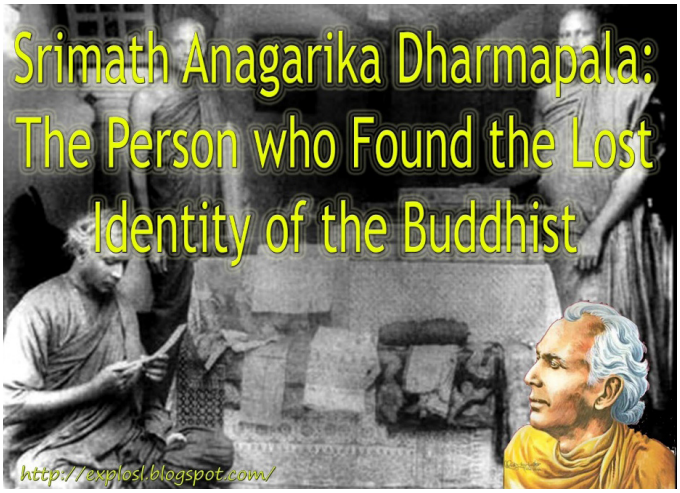

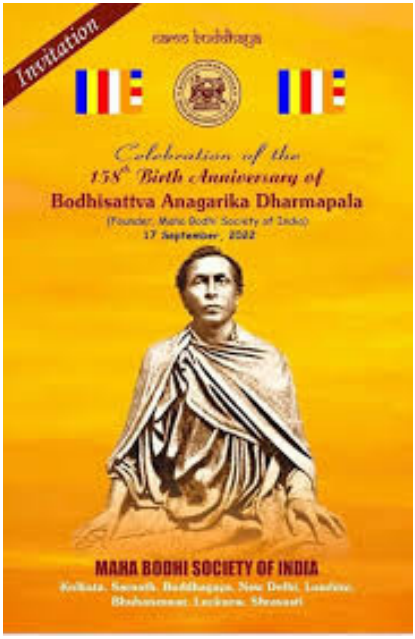

Đặc biệt ở Sri Lanka, Hòa thượng Anagarika cùng với các nhân vật lịch sử như Ngài D. B. Jayatillake, F. R. Somnayake, Valisinha Harishchandra, W. A. de Silva và nhiều vị khác đã trở thành những thành viên tích cực của các hội Phật giáo hàng đầu như Hiệp hội Thần học Phật giáo (thành lập năm 1880), Hội Phật giáo Thanh niên Colombo (1898), Hội Maha Bodhi (1891) và Hội Phật giáo Ceylon (1918).

Hội Phật giáo Ceylon

Các tổ chức này thúc đẩy giáo dục Phật giáo và xây dựng lại những ngôi chùa cổ ở các cố đô của Sri Lanka. Họ cũng thúc đẩy cải cách xã hội và phục hưng văn hóa để người dân Sri Lanka có thể nhận ra niềm tự hào về tôn giáo, ngôn ngữ và phong tục của mình.

Những nhân vật lịch sử này không chỉ tổ chức lại các hoạt động Phật giáo trong nước mà còn đi đầu trong việc gửi các tờ báo Dharmadutas (Sứ giả của Phật Pháp) ra nước ngoài. Năm 1950, Hiệp hội Phật giáo Thế giới được thành lập để gắn kết tất cả các quốc gia Phật giáo lại với nhau, và một số hội nghị đã được tổ chức trong những năm kế tiếp. Trong thời kỳ này, nhiều tác phẩm Pali, kinh điển, luận thuyết, văn thi ca đã ra đời, do các nhà sư Phật giáo nổi tiếng sáng tác. Chúng bao gồm Tam tạng (Tipitaka) được dịch sang tiếng Sinhalese và Bách khoa toàn thư về Phật giáo bằng tiếng Anh và tiếng Sinhalese.

Sự phục hưng của Phật giáo là sự phục hưng của dân tộc. Những nhân vật nổi bật này đã đi vào lịch sử Sri Lanka và thế giới. Năm 1948, Sri Lanka giành lại độc lập sau 133 năm bị thực dân Anh đô hộ. Các nhà lãnh đạo Phật giáo "đã làm việc không mệt mỏi vì sự nghiệp của Phật giáo cũng là những nhà lãnh đạo quốc gia Sinhalese."[7]

7. H.R. Perera, Phật giáo ở Sri Lanka: Lịch sử ngắn, 2007, (Access to Insight, BCBS Edition), ngày 1 tháng 12 năm 2013, https:/ /www.accesstoinsght.org/lib/authors/perera/wheel100.html#sect-47

2.2. Thiết lập lá cờ Phật giáo quốc tế

Vào những năm 1880, Ủy ban Colombo đã thành công trong việc thuyết phục chính quyền Anh công nhận Lễ Vesak Poya là một ngày nghỉ lễ chính thức. Các thành viên xuất sắc trong ban lãnh đạo Ủy ban Colombo như Hòa thượng Hikkaduwe Sri Sumangala Thera (chủ tịch), Thượng tọa Migettuwatte Gunananda Thera, Don Carolis Hewavitharana (cha của ngài Anagarika Dharmapala), Andiris Perera Dharmagunawardhana (ông nội của ngài Anagarika Dharmapala), Charles A. de Silva, Peter De Abrew, William De Abrew (cha của Peter), H. William Fernando, N.S. Fernando, và Carolis Pujitha Gunawardena (thư ký)[8] đặt ra mục tiêu phát triển một lá cờ Phật giáo để treo lần đầu tiên vào ngày rằm Vesak năm 1885.[9]

Lá cờ có sáu phần với năm màu: xanh lam (nila), vàng (pita), đỏ (lohita), trắng (odata), cam (manjestha), và phần cuối cùng là sự kết hợp của năm màu trên (prabaswara). Lá

8. Sự Phục Hưng Phật Giáo Tại Tích Lan - Nguyên Tác Đức Ngữ: Ernst Benz. - Chuyển Ngữ: H.t. Thích Trí Chơn https://thuvienhoasen.org/a14635/su-phuc-hung-phat-giao-tai-tich-lan-nguyen-tac-duc-ngu-ernst-benz-chuyen-ngu-h-t-thich-tri-chon.
9. The Maha Bodhi, January–March 1997, 22–23.

cờ tượng trưng cho màu sắc của hào quang phát ra từ thân vàng của Đức Phật khi Ngài đạt được giác ngộ dưới gốc cây bồ đề. Lá cờ là tổng thể tượng trưng cho tất cả người con Phật (không phân biệt màu da) cũng như tất cả chúng sinh có cùng tiềm năng Phật tánh. Lá cờ Phật giáo được thiết kế như vậy và được kéo lên lần đầu tiên bởi Hòa thượng Migettuwatte Gunananda Thera tại Deepaduththaramaya, Kotahena, vào ngày rằm tháng Vesak (28 tháng 5 năm 1885).

Đại tá Henry Steel Olcott, một nhà báo người Mỹ, người sáng lập và chủ tịch đầu tiên của Hiệp hội Thần học, cảm thấy rằng hình dạng dài ban đầu của lá cờ không thuận tiện cho việc sử dụng thông thường. Vì vậy, ông đề nghị sửa đổi lá cờ để có kích thước và hình dáng giống quốc kỳ.Năm 1889, lá cờ sửa đổi này được Anagarika Dharmapala và Olcott giới thiệu cho Hoàng đế Meiji của Nhật Bản và sau đó là Miến Điện.

Tại cuộc họp của Hiệp hội Phật giáo Thế giới (WFB) tổ chức tại Kandy vào ngày 25 tháng 5 năm 1950, Giáo sư Tiến sĩ Gunapala, P. Malalasekera, Tiến sĩ B.R. Ambedkar (Ấn Độ) và U Chan Htoon (Miến Điện) đã giúp biến nó thành lá cờ của thế giới Phật giáo bằng cách yêu cầu hội nghị chấp nhận và công nhận nó là Lá cờ Phật giáo Quốc tế. Điều này

đã trở thành một điểm lịch sử nổi bật trong thế giới Phật giáo.

Hiệp hội Phật giáo Thế giới (WFB) được thành lập bởi Giáo sư nổi tiếng người Sri Lanka, G. P Malalasekera vào năm 1950.[10] Hội nghị WFB lần thứ hai được tổ chức tại chùa Hongwanji (Tokyo, Nhật Bản) vào năm 1952, lá cờ Phật giáo đã được treo lên và tung bay trước sự hoan nghênh của mọi người trong xã hội.

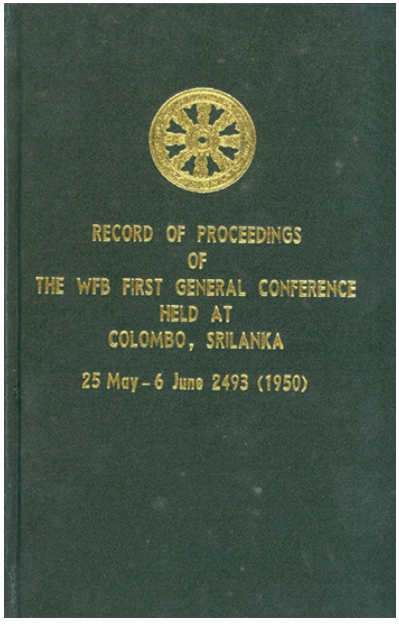

Kể từ đó, lá cờ ngũ sắc đã được tất cả các truyền thống và trường phái Phật giáo trên khắp thế giới sử dụng làm biểu tượng thiêng liêng chính thức của Phật giáo. Ceylon chính là

10. Hiệp hội Phật tử Thế giới (WFB) là một tổ chức Phật giáo quốc tế được thành lập bởi giáo sư nổi tiếng người Sri Lanka, G. P Malalasekera ở 1950 tại Colombo, bởi đại diện của 27 quốc gia. Mặc dù Phật tử Nguyên thủy có ảnh hưởng lớn nhất trong tổ chức (trụ sở chính ở Thái Lan và tất cả các chủ tịch đều đến từ Sri Lanka hoặc Đông Nam Á), các thành viên của tất cả các trường phái Phật giáo đều hoạt động trong WFB. Hiện nay nó có các trung tâm khu vực ở 35 quốc gia, bao gồm Ấn Độ, Hoa Kỳ, Úc, và một số quốc gia ở Châu Phi và Châu Âu, bên cạnh các quốc gia có truyền thống Phật giáo. (https://en.wikipedia.org/wiki/World_Fellowship_of_Buddhists).

nơi sản sinh ra lá cờ Phật giáo năm màu, được công nhận trên toàn thế giới.

Với di sản của Kinh tạng Pali, Sri Lanka đã trở thành một trung tâm quan trọng của học thuật Phật giáo. Một trong những vị Tỳ khưu phương Tây đầu tiên, Nyanatiloka Mahathera, người đã từng tu học ở Sri Lanka, "đã thành lập tu viện trên Đảo quốc, và truyền giới cho một số tu sĩ phương Tây."[11] Các tu sĩ phương Tây từng tu học tại các tu viện trên đảo như Thầy Bhikkhu Nanamoli và Thầy Nyanaponika (người thành lập Hội Xuất bản Phật giáo cùng với Tỳ kheo Bodhi) chịu trách nhiệm về nhiều bản dịch quan trọng của Kinh điển Pali và các văn bản Phật giáo khác bằng tiếng Anh và tiếng Đức.

2.3 Việc phục hồi các Tu Nữ Nguyên Thủy được thọ giới thành Tỳ kheo Ni

Sau thời kỳ Phục hưng, Phật giáo bắt đầu được củng cố và phát triển. Những Tu Nữ thọ trì mười giới truyền thống được khuyến khích thọ Đại giới với 348 giới để trở thành Tỳ kheo Ni theo truyền thống Phật giáo Đại thừa.

11. Wikipedia, "Phật giáo Sri Lanka," truy cập ngày 15 tháng 3 năm 2023, https://vi. wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Sri_Lanka

Ở Ceylon, có một phong trào được gọi là *Dasasilmata* có thể được đánh dấu bằng những nỗ lực tiên phong của Nữ tu Sudhammacari (1885–1937), "Cô sinh ra trong một gia đình đạo Thiên Chúa nhưng khao khát phương pháp giải thoát khoa học do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng dạy, cô đã muốn xuất gia để học Phật. Vào thời điểm đó, ở Tích Lan không có Tu Nữ nào, cũng không có một vị Tỳ kheo Tăng nào có thể truyền đạt mười giới cho cô, nên cô đã đến Miến Điện. Thông qua việc tu tập, cô đã thọ mười giới với *Daw Ni Chari* và được ban pháp danh là S*udhamacar*i."[12]

Các Tu Nữ Sri Lanka. (Nguồn: Sakyadhita)[13]

Trở về Ceylon vào năm 1903, cô thành lập Ni viện Lady Blake ở Katukele, Kandy, và kể từ đó, nhiều phụ nữ đã nương tựa vào Ni viện để tìm đường giải thoát và tuân giữ mười giới.

Một số thành viên lãnh đạo của Tăng đoàn Vận động Phụ nữ Sri Lanka đã có thể thọ đại giới Tỳ kheo Ni ở các quốc gia theo Phật giáo Đại thừa như Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc và Việt Nam, những nơi vẫn duy trì truyền thống của các Ni viện.

12. Senarat Wijayasundara, "Sự phục hồi của các nữ tu trong truyền thống Nguyên thủy," do Hiếu Liên dịch, truy cập ngày 2 tháng 4 năm 2023, http ://daophatkhatsi.vn/su-phuc-hoi-ni-doan-trong-truyen-thong-theravada.html.
13. https://www.sakyadhita-srilanka.org

Trong kinh điển Phật giáo, một lần nói chuyện với Ma Vương, Đức Phật nhớ lại lời hứa sẽ nhập Niết-bàn khi "*bốn chúng đệ tử đã tu tập đầy đủ các pháp cần thiết được thành lập, đó là: Chư Tăng, Chư Ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ.*"[14]

Thời gian trôi qua với nhiều ý kiến khác nhau và đặc biệt với sự hỗ trợ của Hiệp hội Nữ Phật tử Thế giới Sakyadhita, các nữ tu ngày nay đã theo truyền thống Nguyên thủy ở Ceylon, Thái Lan, Miến Điện và Hoa Kỳ, nơi việc thọ đại giới đã được khôi phục cho các Tỳ kheo Ni được phát triển rộng rãi.

Dưới sự bảo trợ của Sư trưởng Ayya Khema (ở Berlin, Đức) vào năm 1996, Ni sư Kusuma Mahatheri được biết đến là vị Tỳ-kheo-ni Ceylon đầu tiên trong thời hiện đại.

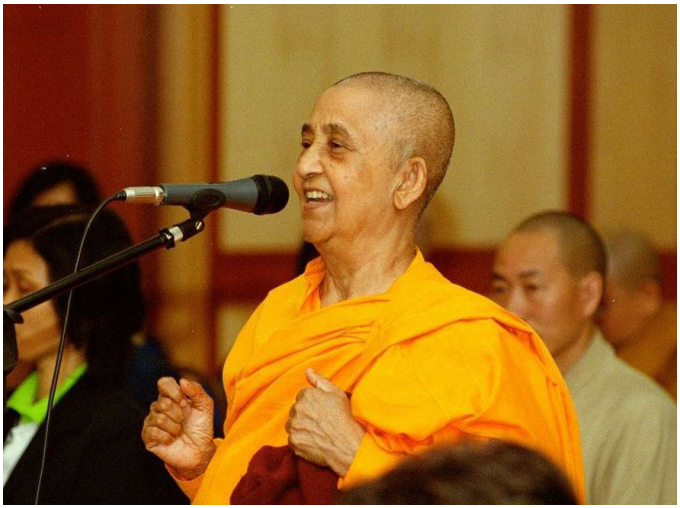

Ni sư Tiến sĩ Tỳ-kheo-ni Kusuma Mahatheri

Sau khi xuất gia, Ni sư đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc cải cách chư Ni, thành lập trung tâm thiền và viết sách để chia sẻ Phật pháp trên khắp thế giới. Ni sư đã đại diện cho

14. Mahaparinibbana Sutta, Digha Nikaya, Phần 2 (PeradeNiya, Sri Lanka: BJE, 1967), 162–166

Tích Lan tham dự nhiều hội nghị Phật giáo thế giới và được vinh danh là tấm gương sáng cho các Tỳ-kheo-ni Theravada trên thế giới. Ngày nay, các Tỳ kheo Ni ở Tích Lan đã được thọ Đại giới, giảng dạy và truyền bá kinh nghiệm nghiên cứu Phật pháp cho mọi người ở khắp nơi, cùng nhau hợp tác với Tăng đoàn để xây dựng một ngôi nhà Phật giáo trên thế giới.

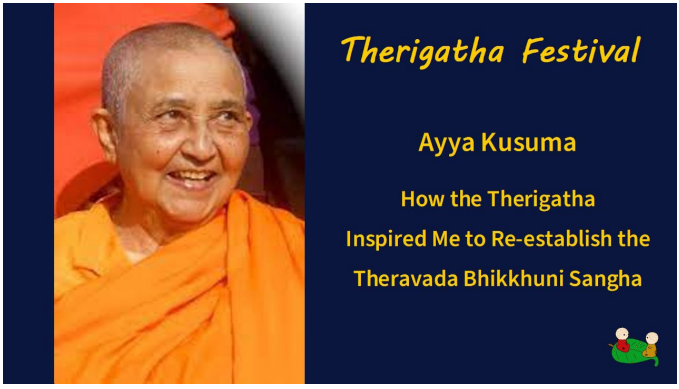

3. PHẬT GIÁO SRI LANKA HIỆN ĐẠI Ở HOA KỲ

3.1. Phật giáo Ceylon được du nhập vào Hoa Kỳ

Trong thời hiện đại, do phương tiện đi lại dễ dàng và nhu cầu thực hành tôn giáo, thương mại, giáo dục, du học, người tị nạn Sri Lanka (nội chiến những năm 1990), hôn nhân và định cư ở các nước khác, các Tu sĩ, Phật tử và Cư sĩ đã truyền bá hình ảnh chùa chiền, Tu sĩ và văn hóa Phật giáo Tích Lan ở nhiều nước trên thế giới như Mỹ, Canada, Nga, Úc, Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippines, Thái Lan… trên khắp năm châu.

Hoa Kỳ là một đất nước trẻ, chỉ mới 300 tuổi nhưng là vùng đất tràn đầy sức sống có đủ điều kiện để ươm mầm những hạt giống năng lượng, và được hưởng quyền tự do tôn giáo. Mọi công dân đều có quyền làm việc và phúc lợi như nhau, nhưng do sự nỗ lực lao động, tài năng, trình độ xã hội

nên chất lượng hưởng thụ vật chất có khác nhau.

Tịnh xá Dharma Vijaya ở Los Angeles, California, Hoa Kỳ

Phật giáo được du nhập vào Hoa Kỳ vào thế kỷ XIX bởi những người nhập cư từ Châu Á. Ngôi chùa đầu tiên được thành lập ở San Francisco là chùa Trung Hoa (1853). Người Mỹ đầu tiên quy y Phật giáo là "đại tá là nhà báo nổi tiếng, Henry Steel Olcott."[15] Chính nhà lãnh đạo Sri Lanka, Anagarika Dharmapala, và cư sĩ Olcott, là người đã giới thiệu lá cờ Phật giáo cho Hoàng đế Meiji (Nhật Bản) vào năm 1950, kể từ đó lá cờ này đã được nhiều nhà lãnh đạo Phật giáo quốc tế công nhận là "biểu tượng của Phật giáo Quốc tế."[16]

Tại Hoa Kỳ, cư dân Sinhalese tập trung rất nhiều ở các bang như New York, New Jersey, Los Angeles, Chicago và Florida. Các tu sĩ và Phật tử Sri Lanka đã thành lập nhiều ngôi chùa mang kiến trúc Sri Lanka, với nhiều hoạt động đa dạng như các lớp thiền, lớp Phật pháp, dạy tiếng Sinhalese để phục vụ nhu cầu tâm linh của Phật tử hải ngoại cùng bảo tồn Phật

15. Đại học Harvard, Dự án Đa nguyên, Phật giáo ở Mỹ, truy cập tháng 5 năm 2023, https://pluralism.org/buddhism-in-america.
16. George D Bond, Sự hồi sinh Phật giáo ở Sri Lanka – Truyền thống tôn giáo, diễn giải lại và phản hồi, Columbia, Nam Carolina: Nhà xuất bản Đại học Nam Carolina, 1988.

giáo cũng như văn hóa Sinhalese.

Henry Steel Olcott, người Mỹ đầu tiên quy y Phật giáo[17]

Các ngôi chùa Sinhalese có mặt trên khắp nước Mỹ như Trung tâm Thiền Phật giáo Quốc tế (Los Angeles), Tu viện Phật giáo Sambuddhaloka (Thung lũng Moreno, California), Trung tâm Phật giáo Quốc tế Sri Ratana (Anaheim, California), Trung tâm Thiền và Chùa Jethavana (Los Angeles, California), Trung tâm Thiền Siri Pannaseeha (Palmdale, California), Tu viện Dharma Vijaya (Los Angeles, California), Hiệp hội Phật giáo Sri Lanka Hoa Kỳ (New York), Thiền Viện Phật giáo Chicago (Oswego, Chicago), Tu viện Minnesota (Minneapolis)[18]…

17. https://www.google.com/.
18. Deeptha Leelarathna, Các ngôi chùa Phật giáo Sri Lanka ở Hoa Kỳ và Canada, truy cập ngày 2 tháng 4 năm 2023, https://hettiarachchi.tripod.com/temple. Html

3.2. Hội nhập đa văn hóa

Để tồn tại ở Hoa Kỳ, các Tu sĩ và Phật tử Sri Lanka phải sáng tạo và hòa nhập văn hóa châu Á với văn hóa phương Tây, đồng thời phát huy vai trò mới của các ngôi chùa Sri Lanka trên đất Mỹ.

Tu sĩ Sri Lanka ở Hoa Kỳ

Vào thời Đức Phật, ngôi chùa lý tưởng là nơi tu tập của các Tăng, Ni và Phật tử tại gia đạt đến các bậc thánh, giác ngộ, giải thoát để tiếp tục truyền bá Phật pháp. Tuy nhiên, Phật giáo thế kỷ XXI là Phật giáo đã hoà nhập vào lòng xã hội đa văn hóa, nên ngôi chùa Ceylon ở Hoa Kỳ này không chỉ là nơi thực hành sự giải thoát tâm linh của tôn giáo mà còn là nơi giao lưu văn hóa, giáo dục và xã hội. Các hoạt động dành cho các cộng đồng đa văn hóa và đa sắc tộc như người Mỹ da trắng, người Mỹ gốc Phi, người Mỹ Latinh, người Mỹ gốc Á và người Mỹ gốc Sri Lanka.

3.3. Sứ mệnh và công tác Phật giáo của các Tu sĩ Tích Lan tại Hoa Kỳ và nước ngoài rất đa dạng nên sự cống hiến cũng rất phong phú.

Ngoài việc nói và giảng dạy bằng tiếng Sinhalese, các tu sĩ Phật giáo Sri Lanka còn trao đổi văn hóa cộng đồng, các hoạt động xã hội với các ngôi chùa và tôn giáo khác gần đó để tạo ra một cấu trúc liên tôn giáo.

Vị trụ trì hay Tăng Ni phải thông thạo ngôn ngữ địa phương để có thể tham gia nghiên cứu tôn giáo, đến các bệnh viện, viện dưỡng lão, nhà tù để giảng dạy Phật pháp bằng tiếng địa phương và thực hành thiền định để giúp Phật tử vững mạnh về mặt tinh thần theo đúng lời dạy của Đức Phật. Đây là những lời nguyện cứu độ thế giới của Bồ tát và giúp Phật giáo tạo được chỗ đứng vững chắc trong lòng xã hội nước Mỹ cũng như các tôn giáo khác. Phật giáo Sri Lanka ở Hoa Kỳ không chỉ hướng dẫn người Sinhalese mà còn nhiều dân tộc khác.

Lễ kỷ niệm Jubilee của Tu viện Phật giáo Washington – Bộ Ngoại giao – Sri Lanka[19]

19. https://mfa.gov.lk/golden-jubilee-celebration-of-washington-buddhist-vihara/.

Các ngôi chùa Sri Lanka ở Hoa Kỳ giảng dạy Phật giáo bằng song ngữ Anh-Sinhalese để các giá trị văn hóa Phật giáo đến với mọi người và đặc biệt là giới trẻ Mỹ gốc Sri Lanka. Các phương tiện tiên tiến của công nghệ thông tin hiện đại đã làm cho việc giảng dạy Phật pháp bằng các lớp học trực tuyến, các trang web phổ biến các hoạt động của chùa và các thư viện Phật giáo trực tuyến ở tất cả các truyền thống trở nên hiệu quả với tốc độ nhanh chóng đáng kể. Internet khiến khoảng cách giữa năm châu không còn là vấn đề. Một vị Tỳ kheo Ni dù chỉ giảng dạy ở một nơi, nhưng với sự trợ giúp của các công cụ truyền thông như YouTube, Facebook, PalTalk, Twitter và nhiều công cụ khác, thì các giáo viên dạy Pháp từ mọi nơi trên trái đất đều có thể được nghe và nhìn thấy. Một bài kinh được đăng trên một trang web có thể được đọc và in ra bởi tất cả các Phật tử ở bất kỳ nơi nào trên thế giới. Ngôi chùa hiện đã hoạt động trực tuyến, vì thế khả năng truyền giáo của chùa không chỉ giới hạn ở các Phật tử địa phương mà còn cho các Phật tử toàn cầu.

Sự tụng kinh cầu nguyện của tu sĩ Sri Lanka

Đây là một hiện tượng khoa học với công nghệ tiên tiến,

hiếm có của thế kỷ XXI mà nhiều ngôi chùa Ceylon ở Hoa Kỳ đã sử dụng để chia sẻ Phật Pháp.

Vì vậy, ngày qua ngày, số lượng thành viên và cộng đồng sẽ tăng lên. Người tại gia sẽ đến chùa quy y Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng) làm chỗ dựa tinh thần cân bằng cuộc sống. Họ đến một ngôi chùa Sri Lanka để học Phật giáo, tụng kinh và thiền định, điều này tạo ra năng lượng giúp họ vượt qua căng thẳng và thách thức hàng ngày. Dạy thiền là phương pháp chính để các tu sĩ Sri Lanka tham gia vào xã hội và có tác động lớn. Các vị tu sĩ Sri Lanka đang sử dụng công nghệ để tiến hành các lớp học và dịch vụ qua mạng. Sự cống hiến của Tăng Ni chủ yếu về các mặt giáo dục, tâm linh và tâm lý. Nhiều cư sĩ Phật tử có trải nghiệm tích cực trong nhiều địa phương và các thành phố. Các ngôi chùa cũng hướng dẫn những người mới đến từ Sri Lanka cách xin thị thực, thẻ xanh và quốc tịch Mỹ. Nhiều ngôi chùa làm công tác từ thiện trong những nơi tạm trú cho người vô gia cư ở địa phương và cả ở Sri Lanka.

4. KẾT LUẬN

Hải đảo Sri Lanka tuy nhỏ bé nhưng là một quốc gia đang phát triển trên thế giới, ủng hộ Phật giáo khắp năm châu với nhiều dự án như bảo tồn và phát huy việc tu học kinh điển bằng tiếng Pali và tiếng Phạn. Sri Lanka là nơi ra đời của lá cờ Phật giáo quốc tế và là nơi lưu giữ hai báu vật thiêng liêng của Phật tử thế giới: cây bồ đề thiêng lâu đời nhất thế giới (Anuradhapura) và Xá lợi Răng Phật (Kandy). Sri Lanka đã có nhiều đóng góp để chấn hưng Phật giáo ở Ấn Độ, Sri Lanka và nhiều quốc gia khác.

Trong thời Đức Phật cách đây hơn 2.600 năm, thông điệp từ bi và trí tuệ của Ngài đã thấm sâu vào hòn đảo Sinhalese. Việc thực hành tâm linh trí tuệ thiền định được Đức Phật giảng

dạy là một phần rất quan trọng và không thể thiếu trong đời sống hàng ngày của người Sri Lanka. Phật giáo Sri Lanka là một sức mạnh tôn giáo, chính trị và xã hội anh hùng. Đầu tiên là ở Ấn Độ, đi qua quê hương nguyên thủy của Phật giáo, sau đó là ở Sri Lanka, nhiều nơi khác ở Hoa Kỳ và trên toàn cầu. Sri Lanka vẫn phát triển những đóng góp của mình ở khắp mọi nơi trên thế giới, vẫn là một sức mạnh tôn giáo, chính trị và văn hóa hùng mạnh ở nhiều nơi trên thế giới ngày nay.

Thripitakabhiwandana: Chương trình Hoằng pháp được tổ chức bởi Tổng Lãnh sự quán Sri Lanka, Los Angeles, Ngày 16 tháng 3 năm 2019[20]

Nguồn Tham Khảo

- Berkmoes, Ryan Ver, et al, *Lonely Planet*, Sri Lanka, 2018.
- Bond, George D. *The Buddhist Revival in Sri Lanka –*

20 https://mfa.gov.lk/thripitakabhiwandana-dhamma-program-Organization-by-the-consulate-general-of-sri-lanka-los-angeles-march-16-2019/.

Religious Tradition, Reinterpretation, and Response. Columbia, South Carolina, University of South Carolina Press, 1988.

- Boyle, Emma. *The Essence Guide to Custom and Culture, Culture Smart.* London: Kuperard, 2016.
- Dhammika, S. *Sacred Island: A Buddhist Pilgrim's Guide to Sri Lanka*. Sri Lanka, Buddhist Publication Society, 2008, http://www.buddhanet.net/sacred-island/ http://www.buddhanet.net/sacred-island/introduction.html
- Dhammika, S. *Sri Pada: Buddhism's Most Sacred Mountain, A Pilgrim's Guide,* accessed May 2023, http://www.buddhanet.net/e-learning/buddhistworld/sri-pada.htm
- Holt, John Clifford. *The Sri Lanka Reader: History, Culture, Politics*. North Carolina, Duke University Press, 2011.
- Lee, T. Y. *Island of Light:Buddhism in Sri Lanka: A Concise History and Guide to its Sacred Sites.* Foreword by Ven. P. Gnanarama Ph.D., Singapore: KepMeadia International Pte. Ltd. 2010.
- Malalgoda, Kitsiri, *Buddhism in Sinhalese Society 1750–1900*, Berkeley, Los Angeles, London: University of California Press, 1976, accessed May 2023, https://www.degruyter.com/document/doi/10.1525/9780520324466/html?langen
- Perera, H.R. *Buddhism in Sri Lanka: A Short History*, 2007, accessed May 2023, https://www.accesstoinsight.org/lib/authors/perera/wheel100.html
- Phật Giáo Tích Lan. Trần Quang Thuận. Nhà xuất bản: NXB Tôn Giáo https://nhasachvanhanh.com/

shop/nghien-cuu-khao-luan/phat-giao-tich-lanTu viện, Tháp Phật ở Tích Lan: http://www.phatgiaohue.vn/news.aspx?KenhID=68&ChuDeID=0&TinTucID=1233

- Piyadassi, Mahāthera. Buddhism in Sri Lanka. Translated by Pham Kim Khanh, https://www.vomonthientu.org/a356/14-phat-Giao-tai-sri-lanka-Sự Phục Hưng Phật Giáo Tại Tích Lan - Nguyên Tác Đức Ngữ: Ernst Benz. - Chuyển Ngữ: H.t. Thích Trí Chơn, https://thuvienhoasen.org/a14635/su-phuc-hung-phat-giao-tai-tich-lan-nguyen-tac-duc-ngu-ernst-benz-chuyen-ngu-h-t-thich-tri-chon Phật giáo tại Sri Lanka. Piyadassi Mahāthera, Phạm Kim Khánh dịch, https://www.vomonthientu.org/a356/14-phat-giao-tai-sri-lanka

2.2.

SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC GIẢ NGHIÊN CỨU PALI: TRUYỀN BÁ PHẬT PHÁP TẠI SRI LANKA

Giáo sư H.M. Mahinda Herath
Trưởng khoa Pali và Phật Học
Trường Đại học Peradeniya, Sri Lanka
Email: mahindaherat@gmail.com

Các văn bản kinh điển được dịch vì nhiều lý do. Tam tạng kinh điển được dịch với mục đích truyền bá Giáo pháp hoặc như một phần của công việc học thuật. Khi dịch giả tập trung vào các bản dịch theo nghĩa đen, họ quan tâm đến ngữ pháp tiếng Pali và khi cố gắng dịch tự do, họ đang hướng tới công việc dành cho những người mới bắt đầu nghiên cứu Giáo pháp. Mục đích của bài viết này là xác định những vấn

đề mà dịch giả gặp phải khi họ dịch kinh điển sang bất kỳ ngôn ngữ nào. Niềm tin vào tính chính xác của bản dịch chủ yếu là luôn dựa vào niềm tin của chính người dịch vào Phật, Pháp và Tăng. Tuy nhiên, những dịch giả thiên vị, những người không tin chắc vào tính giá trị của những lời giảng dạy, có thể bị ảnh hưởng bởi thái độ dịch thuật tôn giáo cực đoan của chính họ, một cách có ý thức hoặc vô ý thức. Kỹ năng ngôn ngữ, kiến thức về cách sử dụng ngôn ngữ, mô hình, thành ngữ, cú pháp, ví von, ẩn dụ đều rất quan trọng khi dịch các văn bản thiêng liêng này. Cả hai ngôn ngữ, tiếng Pali và ngôn ngữ mỗi địa phương, mỗi đất nước đều rất quan trọng. Trong bối cảnh này, dịch giả phải đối mặt với những khó khăn về cách dịch các thuật ngữ vốn có trong Tam Tạng. Người dịch thường phải quyết định liệu các thuật ngữ có thể được dịch chính xác hay không hoặc có nên giữ nguyên chúng hay không. Ở đây, ít nhất, người dịch cần hiểu được những đặc điểm riêng biệt của cả hai ngôn ngữ. Kiến thức về giáo lý Phật giáo đóng một vai trò quan trọng trong quá trình này. Bản dịch như vậy không nên là bản dịch từng chữ mà là bản dịch có ý nghĩa về mặt thành ngữ và ý nghĩa của tư tưởng.

Thông điệp của dịch giả nên được truyền đạt tới người nghe hoặc người đọc một cách chân thực nhất có thể. Bản dịch phải gần gũi với người đọc như người bản xứ. Trong hoàn cảnh này, người dịch cần thấy rằng ngôn ngữ cũng như học thuyết, chuẩn mực, văn hóa, bối cảnh và truyền thống đều nhất quán trong cả hai ngôn ngữ. Đôi khi người dịch bận tâm đến quan điểm cá nhân của mình và vi phạm nghĩa gốc. Việc dịch Tam Tạng đặt ra những thách thức lớn, bao gồm việc tìm kiếm các học giả không thiên vị có năng lực trong cả hai ngôn ngữ, thành lập một nhóm học giả để thảo luận các vấn đề phức tạp phát sinh từ bản dịch, tính giá trị của bản dịch và xác nhận tính chính xác của bản dịch.

Giới thiệu

Những lời dạy của Đức Phật trong Tam Tạng đều bằng tiếng Pali. Vì vậy, ngôn ngữ Pali và Tipitaka có mối liên hệ với nhau. Cho nên, thật khó để hiểu được lời dạy của Đức Phật nếu không có kiến thức về ngôn ngữ Pali. Cần phải học ngôn ngữ Pali thì mới có thể đọc và hiểu được những lời chân thật của Đức Phật. Trong bối cảnh này, kinh điển Phật giáo được dịch vì nhiều lý do. Tam tạng được dịch với mục đích truyền bá Giáo pháp hoặc là một phần của một số tác phẩm học thuật. Khi dịch giả tập trung vào các bản dịch theo nghĩa đen, thì vị đó cần quan tâm đến ngữ pháp tiếng Pali và với các bản dịch tự do, vị đó đang hướng công việc đến những người mới bắt đầu nghiên cứu Giáo pháp. Trong bối cảnh này, tôi sẽ thảo luận về nền tảng của các bản dịch Kinh điển Sinhala hiện có ở Sri Lanka.

Bản dịch Kinh tạng Sinhala

Bản dịch tiếng Sinhala của Tam tạng kinh điển đã được khởi xướng bởi nhiều ủy ban, hội đồng và các học giả ở Sri Lanka. Các bản dịch Tipitaka của Buddha Jayanti (BJTS), Series Tipitika của Đại hội Phật giáo (BCTS) và các bản dịch A.P. de Zoysa (APDZ) Tipitaka là những bản dịch hàng đầu hiện có, là những bản dịch được người Sinhalese sử dụng để hiểu giáo Pháp. Trong bối cảnh này, những nghiên cứu về dịch thuật và các phương pháp dịch thuật mà các tác giả trước đây áp dụng rất hữu ích cho các học giả Phật giáo và người học Pháp.

1. BUDDHA JAYANTI TIPITAKA SERIES (BJTS)

Vì vào năm 624 trước Công nguyên là năm của Đức Phật Jayanti (đức Phật đản sinh), nên chính phủ Sri Lanka đã tạo

điều kiện thuận lợi cho nhiều hoạt động của Phật giáo để truyền bá lời dạy của đấng toàn giác. Đầu tiên, chính phủ Sri Lanka thành lập một tổ chức Phật giáo có tên là "Hội Phật giáo Lanka (Laïkā Sogata Maïdalaṃ) để tập hợp tất cả các học giả là Tăng sĩ và Cư sĩ nhằm bảo tồn và truyền bá Giáo pháp. Hoạt động chính của hội là dịch Tipitaka Pali sang tiếng Sinhala. Do đó, Thủ tướng Sri Lanka, Ngài John Kotalawala, đã tặng các bản văn kinh điển bằng tiếng Pali cho các thành viên Ủy ban Dịch thuật Tam Tạng cho dự án dịch thuật.

Một ban biên tập cũng được thành lập để trao quyền cho dự án dịch thuật này. Nỗ lực lớn đã được thực hiện để giữ đúng ngôn ngữ của bản dịch mà không làm mất đi giá trị vốn có của những văn bản thuộc loại này. Trong phần giới thiệu của Pacittiyapali (Phần II), có đề cập rằng Ban biên tập đã dịch theo nghĩa đen từng chữ sang tiếng Sinhala. Trong bối cảnh này, họ đã thảo luận và xem xét tính chính xác của các từ được dịch trong khi so sánh ý nghĩa và mục đích của các từ này với các bài bình luận bằng tiếng Pali và văn học Sinhala. Họ đã kiểm tra ngữ pháp với các văn bản ngữ pháp có sẵn bằng cả tiếng Pali và tiếng Sinhala. Trong bản dịch này, Ban biên tập không ưu tiên nghĩa trừu tượng (bhāva nghĩa) của từ Pali.

Trong các bản dịch của BJTS, Ban biên tập không đưa ra cách giải thích từ ngữ để tránh cản trở việc hiểu lời chân thật của Đức Phật. Nhưng trong một số ngữ cảnh, người dịch đề cập đến nghĩa của từ trong ngoặc mà không làm ảnh hưởng đến nghĩa gốc. Trong Tam Tạng, các từ dựa trên ý nghĩa giáo lý rất khó hiểu khi nghe hoặc nhìn thấy từ Pali trong văn bản. Do đó, Ban biên tập đã dịch Tam tạng bằng tiếng Pali sang tiếng Sinhala dựa trên các chú giải và chú giải phụ bằng tiếng Pali cũng như các văn bản kinh điển khác.

Các bản dịch của BJTS là một công việc tuyệt vời được thực hiện bởi những Sư Phật giáo Sinhala Maha Theros nổi tiếng, người có khả năng dịch thuật và kiến thức về Phật pháp

nâng cao chất lượng của các bản dịch kinh điển. Ban biên tập gồm có:

- Chuyên gia tư vấn (Upadesako)
- Chủ tịch (Sabhāpati)
- Trưởng biên tập (Padhānasampādako)
- Ban biên tập (Sampādako)
- Thư ký (Lekhako)

Bản dịch BJTS được sử dụng trong tiếng Sinhalese, nhưng có một số khó khăn trong việc dịch thuật này.

i. Trong bản dịch này, tiếng Sinhala rất khó hiểu vì nó không phải là một ngôn ngữ Sinhala đơn giản nó bao gồm nhiều từ tiếng Phạn. Có thể nói đó là "tiếng Phạn-Sinhala". Các dịch giả đã chuyển từ tiếng Pali sang tiếng Phạn thay tiếng Sinhala. Đôi khi, mục đích của các dịch giả BJTS là họ mong muốn quảng bá ngôn ngữ Pali và đọc các văn bản Pali thay vì các bản dịch tiếng Sinhala.

ii.Người dịch BJTS không dịch văn bản lặp lại. Hiện chưa rõ phương pháp peyyāla được áp dụng ở mức độ nào vào thời Buddhaghosa. Đây là ý nghĩa của lời bình luận về Kinh Brahmajāla, trong đó trích dẫn một phần văn bản (*tena bhagavatā jānatā passatā arahatā sammā-sambuddhena sattānaṃ nānādhimuttikatā suppaviditā*) ở dạng súc tích cùng với lời giải thích về phương pháp viết tắt *(tena bhagavatā... pr... suppaviditāti ettha ayaṃ saïkhrpattho*). Ngay cả khi điều này gợi ý khả năng rằng phương pháp viết tắt peyyala đã được Buddhaghosa giới thiệu, có lẽ từ truyền thống Theriya ở miền Nam Ấn Độ, và không được biết đến trước đó trong truyền thống Mahavihara, chúng ta có thể cho rằng hệ thống peyyala ít nhất đã được biết đến trong truyền thống này vào thế kỷ V, do đó việc đưa nó vào một ấn bản quan trọng của một văn bản kinh điển bằng tiếng Pali không phải là không có cơ sở. Thực

sự, đây là một điều cần thiết trong thực tế, vì không có sẽ dài đến mức không thể thực hiện được.[21] Trong văn bản, các dịch giả đã tránh hệ thống peyyala khi họ dịch văn bản.

2. BỘ KINH ĐIỂN CỦA HỘI PHẬT GIÁO (BCTS)

Hội Phật giáo toàn Ceylon đã thông qua một nghị quyết tại Đại hội thường niên lần thứ 21, được tổ chức tại Đại học Trung tâm Maliyadeva, Kurunegala, vào ngày 25 tháng 12 năm 1939, rằng "*Quốc hội nên thực hiện các bước để in các kinh Tam tạng Pali bằng chữ Sinhala, cùng với bản dịch sang tiếng Sinhala."*[22]

Bằng cách này, BCTS đã ra đời. Các điều khoản và quy tắc được thông qua trong cuộc họp tiếp theo của ban chấp hành đại hội, sáu ủy viên và một ban quản trị gồm bảy thành viên đã được bổ nhiệm để thực hiện các điều khoản của nghị quyết. Sáu ủy viên được bổ nhiệm như vậy đã được thành lập dưới tên gọi "Hội Phật giáo Công Chứng Tipitaka". Một tiểu ban được bổ nhiệm vào năm 1940 để xây dựng kế hoạch cho công việc dịch thuật và xuất bản đã đệ trình một báo cáo trong đó đưa ra các khuyến nghị về việc thiết lập:

Ban cố vấn (anugrāhika maṇóala)

Một ban dịch thuật gồm các học giả lỗi lạc bao gồm cả những người đứng đầu các pirivenas (parivartaka meaṇóala)

Một hội đồng xét lại để đảm bảo tính nhất quán trong các bản dịch và sự thống nhất trong các vấn đề về học thuyết và truyền thống (Sodhaka Maṇóala)

Ban biên tập chọn lọc các dịch giả và đảm bảo sự thống nhất trong phương pháp biên tập và dịch thuật (sampādaka maṇóala)

21. Dīghanikāya I. Dharmachai Tripitaka Edition. Nước Thái Lan. 2013. p xiv.
22. D.N. Wimaladhamma, Ven. Palannoruwe và Malalasekara G.P., ed. Đại hội Phật giáo Tam Tạng. 1948. Xiii.

Một ban quản lý chịu trách nhiệm quản lý các chi tiết về xuất bản, thu tiền và xử lý sách (kiccādhikāri maṇóala)[23]

Tại cuộc họp của tiểu ban Dịch Tipitaka, những đề nghị sau đây đã được đưa ra:

A. Quyết định in văn bản tiếng Pali ở trang bên trái và bản dịch tiếng Sinhala ở trang bên phải.

B. Trong quá trình dịch thuật, bắt buộc phải tuân thủ các quy ước viết tiếng Sinhala, kết hợp các thành ngữ và cách diễn đạt địa phương, đồng thời duy trì sự cân bằng giữa tính đơn giản và cách sử dụng ngôn ngữ chuẩn.

C. Sử dụng các thuật ngữ chuyên môn được các dịch giả trước đây sử dụng để chỉ ra giáo lý.

D. Quyết định dịch toàn bộ các bài giảng có sự trùng lặp (peyyala).

E. Quyết định thêm nhiều chi tiết hơn của một từ cụ thể bằng chú thích cuối trang hoặc phụ lục.

F. Khi bản dịch hoàn tất, nên được in càng sớm càng tốt.

Mục đích của Ban Quản lý là văn bản tiếng Pali và bản dịch tiếng Sinhala phải trùng khớp với nhau nhất có thể trong cách đánh số trang. Phải thừa nhận với một chút thất vọng rằng họ đã không hoàn toàn thành công trong việc đạt được mục tiêu đó trong tập đầu tiên. Họ đã thử nghiệm xem làm thế nào tốt nhất có thể thực hiện được điều đó. Những cuốn sách khác nhau dường như đòi hỏi những cách xử lý khác nhau tùy theo bản chất của chủ đề và sự sắp xếp của chúng. Trong bản dịch tiếng Sinhala, mục đích là giữ sát bản gốc tiếng Pali nhất có thể mà không làm cho bản dịch có vẻ quá cứng nhắc và không quá căng thẳng đối với thành ngữ Sinhala. Trong quá khứ, nhiều bản dịch tiếng Sinhala của các văn bản tiếng Pali đã phải chịu đựng nỗi lo sợ rằng ngôn ngữ của chúng không

23. Ibid.

tự nhiên và giả tạo - một loại tiếng Sinhala "Palicised" thay vì ngôn ngữ thành ngữ thông thường của văn học Sinhala. Họ (dịch giả của BCTS) đã cố gắng hết sức để tránh những khiếm khuyết tương tự và họ tin rằng ít nhất họ đã thành công khi làm được điều đó ở một mức độ khả quan. Tuy nhiên, người ta cũng gặp khó khăn trong việc giữ cho ngôn ngữ của bản dịch càng đơn giản càng tốt mà không làm mất đi phẩm giá đáng lẽ phải gắn liền với các văn bản có tính chất đó. Ở đây, để làm cho bản dịch dễ hiểu hơn, cần thiết phải đưa vào những từ và cụm từ không có đối nghĩa trong tiếng Pali tương ứng, chúng được đặt trong ngoặc.[24]

Trong bối cảnh này, các biên tập viên đã thu thập tất cả các văn bản in sẵn có và chỉ quyết định các bài đọc cuối cùng sau khi đã sưu tập xong. Trong bản dịch này, họ rất coi trọng việc quyết định giữa các cách đọc khác nhau được tìm thấy trong phần bình luận liên quan. Xét cho cùng, điều đó thể hiện truyền thống Ceylon đích thực nhất vốn là nỗ lực chính của họ.

Giáo sư G.P. Malalasekara là tổng biên tập của Bộ Tam tạng Hội Phật giáo (BCTS). Ông đề cập đến tình hình các văn bản và bản dịch có sẵn ở các quốc gia Phật giáo cũng như các bản dịch tiếng Sinhala của họ:

Hiệp hội Văn bản Pali của nước Anh hiện đã gần như hoàn thành chương trình xuất bản các văn bản tiếng Pali của Tam Tạng và các bản dịch tiếng Anh của chúng, cùng với bộ sách Bổn phận của Phật tử. Trước chiến tranh, phần lớn văn bản và bản dịch đã được xuất bản ở Pháp, Đức ở một mức độ thấp hơn là ở Ý. Các ấn bản hoàn chỉnh của Tam tạng Pali đã xuất hiện ở cả Miến Điện và Xiêm (tên cũ của Thái lan) và một số cuốn sách đã được xuất bản ở Campuchia. Ngoài ra, còn có bản dịch bốn bộ Nikāya chính của Kinh Tạng (Sutta Piṭaka)

24. D.N. Wimaladhamma, Ven. Palannoruwe & Malalasekara G.P., ed. Đại hội Phật giáo Tam Tạng. 1948. Xiii.

sang tiếng Miến Điện.

Ceylon, nổi tiếng là quê hương của Phật giáo Theravada thuần túy, có Tam tạng Pali, quốc gia mà tiếng Pali đạt đến thành quả trọn vẹn nhất, tuy nhiên, không thể tự hào về một phiên bản hoàn chỉnh của văn bản bằng ký tự Sinhala, mặc dù có rất nhiều cuốn sách và các phần của cuốn sách đã được xuất bản theo thời gian. Một số nỗ lực gần đây cũng đã được thực hiện để xuất bản các bản dịch. Từ thời xa xưa, dường như người ta đã thừa nhận rằng bản thân các văn bản kinh điển phải được giữ nguyên vẹn bằng tiếng Pali và không nên cố gắng dịch nó. Lý do cho điều này rõ ràng là mong muốn duy trì sự thuần túy của Giáo Pháp."[25]

Chúng tôi tìm thấy một số bản dịch trong dự án dịch thuật này như:

Bản dịch Tipitaka Sinhala của Tiến sĩ A.P. de Soyiza

Tiến sĩ A.P. de Soyiza bắt đầu dự án dịch thuật Kinh điển Sinhala Tipitaka vào những năm 1950. Ông đã đề cập đến quan điểm của mình về bản chất của các bản dịch trong lời nói đầu của Trường Bộ Kinh (Dīgha Nikāya).[26] Ông dự định bắt đầu bản dịch Tipitaka Sinhala này để giảm bớt khoảng cách giữa độc giả Sinhala và Tipitaka Pali, cũng như khuyến khích việc đọc Tipitaka Pali của người Sinhalese. Bản dịch này cũng được giám sát bởi các nhà sư Phật giáo nổi tiếng và hai học giả cư sĩ.

Mục đích của ông là dịch Tipitaka Pali sang ngôn ngữ Sinhala đơn giản. Tiến sĩ Soyiza đã thực hiện các bản dịch Kinh điển Sinhala Tipitaka riêng lẽ bắt đầu từ những năm 1950. Trong dự án dịch thuật của mình, Ông gặp khó khăn về kinh phí. Vì vậy, ông đã xuất bản các bản dịch của mình với sự hỗ trợ của các Tu sĩ và Cư sĩ có thể tránh được các vấn đề

25 Dīgha Nikāya Phần 1. Bộ Tam tạng Đại hội Phật giáo. Lời nói đầu.
26 Dīghanikāya Vol. 1, chuyển dịch. A. P. de Soyiza. 1950." Lời nói đầu"

tài chính cho việc xuất bản và các chi phí khác. Ông đã dịch và xuất bản tất cả các văn bản của Tam Tạng. Trong các bản dịch của mình, Ông không dịch những đoạn lặp lại. Ông đã sử dụng ngôn ngữ đơn giản để dịch Tipitaka Pali sang tiếng Sinhala, vì vậy, rất dễ hiểu và quen thuộc với nhiều độc giả ở Sri Lanka.

Những thách thức và giải pháp

Trong bối cảnh này, tôi có thể hiểu được những thách thức mà các dịch giả Tam Tạng phải đối mặt. Độ tin cậy của bản dịch chủ yếu dựa vào niềm tin của chính người dịch vào Phật, Pháp và Tăng. Tuy nhiên, những dịch giả thiên vị, những người không tin chắc vào tính giá trị của những lời dạy, có thể đi đến những thái cực tôn giáo khác, một cách có ý thức hoặc vô ý thức. Kỹ năng ngôn ngữ, kiến thức về cách sử dụng ngôn ngữ, mẫu câu, thành ngữ, cú pháp, so sánh, ẩn dụ, v.v. rất quan trọng trong việc dịch cả hai ngôn ngữ (tiếng Pali và ngôn ngữ dịch.) Trong bối cảnh này, người dịch gặp khó khăn trong cách dịch thuật ngữ kỹ thuật. những thuật ngữ vốn có trong Tam Tạng. Người dịch thường phải quyết định liệu các thuật ngữ có được dịch chính xác hay không hoặc có nên giữ chúng ở trạng thái ban đầu hay không. Ở đây, ít nhất, người dịch cần hiểu được đặc điểm khác biệt của cả hai ngôn ngữ. Sự hiểu biết giáo lý Phật giáo đóng một vai trò quan trọng trong quá trình này. Bất kỳ bản dịch văn bản nào cũng không nên là bản dịch từng chữ mà phải là bản dịch có ý nghĩa về mặt thành ngữ. Thông điệp của vị thầy nên được truyền đạt tới người nghe hoặc người đọc một cách chân thực nhất có thể. Bản dịch phải gần gũi với người đọc như người bản xứ. Trong bối cảnh này, người dịch cần quan tâm đến việc ngôn ngữ cũng như học thuyết, chuẩn mực, văn hóa, bối cảnh và truyền thống có nhất quán trong cả hai ngôn ngữ hay không. Đôi khi người dịch bận tâm đến quan điểm cá nhân của mình nên vi phạm nghĩa gốc. Việc dịch Tam Tạng đặt ra những

thách thức lớn. Chúng bao gồm việc tìm kiếm các học giả không thiên vị có năng lực và đủ trình độ ở cả hai ngôn ngữ, thành lập một nhóm học giả để thảo luận các vấn đề phức tạp phát sinh từ bản dịch, tính hợp lệ của bản dịch đối với đối tượng và xác nhận tính chính xác của bản dịch.

Mục tham khảo

- Dīghanikāya I. Dhammachai Tipitaka edition. Thailand. 2013.
- Dīghanikāya, Ven. Palannoruwe Wimaladhamma and Malalasekara, G.P. ed. Buddhist Congress Tipitaka Series. 1948.
- Dīghanikāya Vol. 1. Translated by A. P. de Soyiza. 1950. Preface.

2.3.

TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ CỦA PHẬT GIÁO: PHÂN TÍCH VỀ SỰ TÁC ĐỘNG CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO VÀ SỰ TRUYỀN BÁ NHANH CHÓNG CỦA PHẬT GIÁO TẠI SRI LANKA

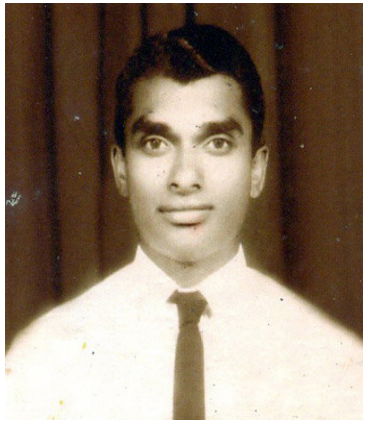

Tiến sĩ Samarakoon Banda

Giảng viên Khoa Giáo dục và Đào tạo Đại học Peradeniya

Email: drsamarakoonbanda@gmail.com

Giới thiệu

Khái niệm hoằng dương chánh pháp có lịch sử lâu đời từ thế kỷ VI trước Công nguyên. Vào Ngày Trăng

tròn Poson Poya [27], 236 năm sau khi Đức Phật nhập diệt, Thánh Tăng Maharahat Mihindu (con trai của Hoàng đế A-dục) đã đến Sri Lanka dưới thời trị vì của Vua Devanampiyatissa (247–207 trước Công nguyên). So với sự truyền bá song song của Phật giáo ở mười sáu thuộc địa của Ấn Độ (Solos Maha Janapada), tôn giáo này lan truyền rất nhanh trong cộng đồng Sri Lanka. Phật giáo đã trở thành hệ thống cốt lõi của văn hóa đất nước này vì nhiều lý do bao gồm sự mở rộng của Tăng đoàn Sasana ở Sri Lanka, sự chấp nhận Phật giáo của nhà vua theo đạo Phật, việc xây dựng các ngôi chùa, tượng Phật, kiến trúc, giáo dục, lễ hội *piriwen*[28] và các trường Phật học, sách Phật giáo, lễ hội Bodhi Puja, Tăng đoàn Sasana, vv... Có nhiều lý do khiến Phật giáo đã phát triển nhanh chóng ở hải đảo Ceylon này, hơn hẳn các quốc gia khác trên thế giới. Trong số đó, các yếu tố nhân quả tồn tại trong triết học Phật giáo có ảnh hưởng đặc biệt và những lời dạy đạo đức của Phật giáo đã chiếm một vị trí quan trọng. Theo đó, sự phân tích này sẽ xem xét những đặc điểm dân chủ độc đáo có trong Phật giáo đã ảnh hưởng như thế nào đến sự lan truyền nhanh chóng của nó ở Sri Lanka. Ở đây, những đặc điểm độc đáo có trong triết học Phật giáo Nguyên thủy sẽ được xem xét bằng phương pháp phân tích nội dung.

Giải thích nghiên cứu

Phật giáo có thể được coi là lan rộng trên toàn cầu như một triết lý phổ quát. Tại sao Phật giáo lan truyền nhanh chóng ở Sri Lanka? Các đặc tính phẩm chất của Phật giáo được xem xét trong nghiên cứu này.

---

27. Poson hay còn gọi là Poson Poya là lễ hội thường niên được tổ chức bởi các Sri Lanka nhằm kỷ niệm sự xuất hiện của Phật giáo tại Sri Lanka vào thế kỷ III trước Công nguyên

28. Piriwen là một cơ sở giáo dục truyền thống đã hoạt động ở Sri Lanka trong nhiều thế kỷ

Mục tiêu và đối tượng của nghiên cứu

- Xác định bản chất của sự truyền bá Phật giáo ở Sri Lanka
- Nhận diện những đặc tính cơ bản của Phật giáo
- Nhận thức được tầm quan trọng của những phẩm chất này
- Xác định những đặc tính này là nguyên nhân truyền bá Phật giáo ở Sri Lanka như thế nào.

Những phẩm chất chính của Phật giáo là gì?

- Phật giáo là một chân lý phổ quát
- Có khả năng nhận biết bản thể của vũ trụ
- Có thể hiểu được chính mình
- Sự tồn tại của quy tắc đạo đức con người
- Là một sự định hướng cho lối sống
- Có ích cho việc phát triển tính cách
- Hướng dẫn phát triển sức khoẻ
- Hướng dẫn phát triển cảm xúc
- Xây dựng cuộc sống năng động
- Tạo ra một con người hoàn chỉnh
- Là một triết lý sống dân chủ
- Là một cách để tạo ra hòa bình và đoàn kết hòa hợp
- Định hướng phát triển kinh tế
- Là tầm nhìn xóa bỏ nỗi buồn và tăng thêm hạnh phúc
- Phẩm chất đạo đức của con người

Quyền lãnh đạo tự do và truyền bá Giáo pháp

- Việc thực hành tôn giáo mà không bị ảnh hưởng

- Chịu trách nhiệm về bản thân
- Sự hiểu biết là chủ đề chính
- Đức tính dân chủ
- Tâm lý tự do
- Động cơ thúc đẩy bản thân (Kinh Kalama)

Tư tưởng triết lý đạo đức siêu việt

- Triết lý đạo đức
- Sự tôn trọng lẫn nhau
- Lối sống vô hại
- Bất bạo động
- Những mối quan hệ có chất lượng của con người
- Không phạm tội
- Là một triết lý hoàn thành nhiệm vụ và trách nhiệm
- Bát Chánh Đạo

Tám con đường Chân Chánh thể hiện những phẩm chất đạo đức của Phật giáo như sau:

- Chánh kiến (hiểu Tứ Diệu Đế)
- Chánh tư duy
- Chánh ngữ
- Chánh nghiệp
- Chánh mạng
- Chánh tinh tấn
- Chánh niệm
- Chánh định

- Nền dân chủ
- Dân chủ là một trong những phẩm chất chính của triết học Phật giáo

Sự Phát triển kinh tế

- Nâng cao chất lượng tiết kiệm
- Chất lượng tiêu thụ
- Tận dụng tối đa nguồn lực
- Tăng trưởng đầu tư
- Giảm thiểu chất thải
- Văn hóa làm việc
- Cách tiêu tiền như thế nào
- Cách kiếm tiền như thế nào
- Cách sử dụng tiền như thế nào
- Cách thức phát triển sản xuất như thế nào
- Làm thế nào để bảo vệ tài nguyên cho tương lai

Sự Hoằng pháp thực tế

- Sự khởi đầu của Tăng đoàn Sasana
- Xây dựng chùa
- Thành lập các trường Phật học piriven
- Các trường đại học
- Trở thành môn học trong trường phổ thông, đại học
- Sự khởi đầu xây dựng của chùa và tịnh xá
- Lưu hành bài giảng
- Thiết kế tác phẩm điêu khắc

- Lễ hội tôn giáo

Tôn giáo truyền bá Phật Pháp theo tất cả những cách này bởi vì những phẩm chất nêu trên đều được bao gồm trong Phật giáo.

Xin Cảm ơn!

Tham khảo

- Aggarwal, J.C. (2003:10) Teacher and Education in a Developing Society. Vikas Publishing H Pvt. Ltd.
- Chuhan, S.S. (1996). Advanced Educational Psychology. Vikas Publishing House Pvt. Printed at Sajay Printers, Delhi.
- Numeyer, M.H. (1963(79). "Juvenile Delinquency in Modern Society". New Jercy.
- Kalra, R.M. (1995). Drug Addiction in Schools, Sterling Publishers Private Limited, L 10, Green Park Extension, New Delhi.
- King, R. (1973). "School Organization and Pupil Involvement : A Study of Secondary Schools." London, Routledge, Kegan Paul. Harabambos, M. & Holborn, M. (1990).
- Sociology: Themes and Perspectives. Unwin, Hyman Ltd., London

2.4.

VAI TRÒ CỦA GIỚI LUẬT THERAVADA TRONG TRỊ LIỆU TÂM LÝ HÀNH VI

Tiến sĩ D.M.K. Dharmasiri[29]

Giảng viên Khoa Pali và Phật học
Trường Đại học Peradeniya

Email: kdhammasiri@yahoo.com

29. Tiến sĩ D.M.K. Dharmasiri [D.M.K. Dharmasiri là nghiên cứu viên Khoa nghiên cứu tiếng Pali và Phật giáo tại Đại học Peradeniya, Sri Lanka. Dharmasiri nhận bằng Cử nhân, Đại học Peradeniya; MA, Viện nghiên cứu sau đại học về tiếng Pali và Phật giáo, Đại học Kelaniya và M. Phil, Đại học Peradeniya, trong lĩnh vực Nghiên cứu tiếng Pali và Phật giáo. Ông lấy bằng tiến sĩ tại Đại học Hồng Kông. Lĩnh vực nghiên cứu của ông là tâm lý học Phật giáo, Phật giáo và dưỡng học xã hội đương đại. Hiện tại, ông là người điều phối sau đại học về Nghiên cứu Phật giáo tại Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn sau đại học thuộc Đại học Peradeniya. Liên hệ kdhammasiri@yahoo.com, kasun@pgihs.ac.lk

Tóm Tắt

Theo quan điểm của Phật giáo Nguyên thủy, giới luật là một trong những công cụ thiết yếu nhất để kiểm soát quá trình suy nghĩ bên trong và hành vi bên ngoài của một người. Theo quan điểm của các học giả hiện tại, các quy tắc kỷ luật đóng vai trò như một phương tiện để quản lý hành vi bên ngoài hơn là quá trình suy nghĩ bên trong. Luật tạng không trình bày một mô tả thực tế hay chân lý tối hậu mà đóng vai trò như một bộ quy tắc được ban hành và chấp nhận để một cộng đồng cụ thể có thể ứng xử trôi chảy có trật tự (Prebish 2003).

Học giả Holt (1982) gợi ý rằng trong Luật tạng, vai trò của Đức Phật không phải là vai trò của một nhà lập pháp mà là một cố vấn (Vināyaka) để đạt được kỷ luật nghiêm ngặt trong hành vi của các đệ tử của mình. Theo đó, có thể lưu ý rằng Đức Phật đã ban hành những giới luật (Vinaya) để trau dồi những điều thiện cả bên trong lẫn bên ngoài. Vượt ra ngoài cách tiếp cận của các học giả trước đây, nghiên cứu này sẽ cố gắng xem xét từ góc độ sửa đổi hành vi trị liệu tâm lý, tầm quan trọng của quy tắc kỷ luật và các hành vi của giáo hội tu viện như hành vi khiển trách (tajjanīyakamma), hành vi xin ân xá (nissayakamma), hành động phục tùng (pabbājanīyakamma), hành động khôi phục quan hệ thân thiện (paṭisāraṇīyakamma) và hành động diệt tẩn (ukkhepanīyakamma). Hơn nữa, nghiên cứu này sẽ tìm hiểu các phương pháp trị liệu tâm lý hành vi và các phương pháp giới Luật Giáo hội Nguyên Thủy như: (parivāsa), thời gian thử thách hoặc sống dưới sự sám hối, (mānatta) trải qua thời gian sáu đêm sám hối, sám hối trước một nhóm người của các Tỳ khưu, và (abbhāna) sự hồi phục sau các tội giao thoa và bổ sung cho nhau. Vì vậy, bằng cách kết hợp các biện pháp kỷ luật tu viện của Phật giáo vào các phương pháp điều trị tâm lý trị liệu hành vi, các thành viên của cộng đồng tu sĩ sẽ có thể chuyển hóa bản thân một cách

lành mạnh cả bên trong lẫn bên ngoài. Theo đó, các phương pháp tâm lý được áp dụng trong Luật tạng Nguyên thủy có thể được coi là góp phần vào việc trau dồi các khía cạnh đạo đức và tâm linh của con đường giải thoát Phật giáo.

Giới thiệu

Các học giả nổi tiếng đã tiến hành nhiều nghiên cứu tâm lý về Kinh Tạng (Suttapiṭaka). Nội dung, cấu trúc và phương pháp nghiên cứu của họ chủ yếu dựa trên quan điểm của phương Tây. Ví dụ, nỗ lực đầu tiên dịch văn bản *Abhidhamma Dharmasaigani* từ tiếng Pāli sang tiếng Anh được thực hiện bởi học giả Rhys Davids. Nỗ lực của Ông đã có đóng góp độc đáo trong việc giới thiệu giáo lý Phật giáo vào lĩnh vực tâm lý học, cũng như tạo ra tác động to lớn giúp mở rộng phạm vi giáo lý Phật giáo sang một hướng mới. Điều rất rõ ràng là nỗ lực của Ông đã tạo ra ngọn hải đăng soi sáng cho các học giả giải thích Phật giáo dưới góc độ tâm lý học. Bản dịch của Rhys David có thể đã ảnh hưởng đến các học giả tập trung vào việc xem xét lại các văn bản Phật giáo trong lĩnh vực tâm lý học.

Theo ghi nhận của N.R. Reat, "*Cách Đức Phật sử dụng trong một số trường hợp đã chuyển đổi các thuật ngữ và khái niệm tâm lý sẵn có của Ngài thành học thuyết tâm lý mới mẻ và tài tình của riêng Đức Phật...*"[30]

Lịch sử chuyển đổi giáo lý Phật giáo sang tâm lý học bắt nguồn từ thời kỳ đầu của Phật giáo. Chúng ta có thể nhận định rằng nguồn gốc của Phật giáo cũng chính là sự đáp ứng tích cực trước nhu cầu tâm lý của xã hội vào thế kỷ VI trước Công nguyên. Xã hội lúc này đang suy tàn do thiếu tự do tâm lý. Với sự ủng hộ của quan điểm nêu trên, chúng ta có

30. N.R. Reat, *Nguồn gốc Tâm lý học Ấn Độ,* (Berkeley: Nhà xuất bản Nhân văn Châu Á, 1990), 282.

thể hiểu thực tế là các học giả đã tiến hành nghiên cứu tập trung chú ý vào khía cạnh triết học và tâm lý của các văn bản Phật giáo dựa trên Kinh Tạng (Suttapiṭaka) hơn là Luật Tạng (Vinayapiṭaka).

Nền tảng tâm lý của Kinh Tạng và Tạng Abhidhamma

Những lời dạy của Đức Phật theo truyền thống được chia thành ba phần: Kinh, Luật và Vi Diệu Pháp. Các học giả đã cố gắng nghiên cứu Kinh Tạng (Suttapiṭaka) từ những quan điểm khác nhau để mang lại giá trị học thuật cho giáo lý Phật giáo. Giáo lý Phật giáo trong Kinh Tạng sử dụng nhiều định nghĩa về tâm lý học. Theo ghi nhận của Rune E.A. Johansson, "*Mục đích duy nhất của Phật giáo Nguyên thủy là một sự biến đổi nhất định về tính cách cá nhân con người...khía cạnh năng động trong tâm lý của Đức Phật có lẽ phải cực đoan và lan rộng hơn nhiều so với những gì người ta thường tin ngày nay. Yếu tố chính trong tâm lý của Ngài dường như là nhận thức, và cách giải thích của Đức Phật thực sự năng động và không khoan nhượng*…"[31] Những nhận xét của ông gợi ý rằng toàn bộ giáo lý Phật giáo thời kỳ đầu có thể được hiểu như một hệ thống chức năng tâm lý học. Luật Tạng (Vinayapiṭaka) là phần thứ hai trong phân loại Phật giáo gồm ba Tạng (Tipiṭaka). Abhidhammapiṭaka là phần thứ ba của Tipiṭka. Lời dạy của Abhidhammapiṭaka minh họa mức độ cao cấp của chức năng ý thức con người. Khi nhìn vào nghiên cứu đương đại về Nghiên cứu Phật giáo, chúng ta có thể hiểu rằng hầu hết các nghiên cứu của các học giả Phật giáo đều dựa trên Kinh tạng (Sutta Piṭaka) và Luận tạng (Abhidhamma Piṭaka). Những học giả đó ít chú ý đến việc nghiên cứu Luật

31. Runne E. A. Johansson, *Tâm lý năng động của Phật giáo sơ khai*, (1985), Curzon Press, 8–9.

Tạng (Vinaya Piṭaka). Xem xét các giá trị tâm lý và tâm lý trị liệu được trình bày trong Sutta Piṭaka và Abhidhamma Piṭaka, Phật giáo cho thấy bản sắc tâm lý độc đáo của nó. Ngoài hai tạng (Piṭaka) đó, Vinaya Piṭaka còn cung cấp thêm nhiều tài liệu tham khảo về tâm lý và trị liệu tâm lý tương tự như Sutta và Abhidhamma Piṭaka.

Tại sao chúng ta cần hỗ trợ trị liệu tâm lý?

Những trải nghiệm hàng ngày của chúng ta cho chúng ta thấy rằng chúng ta đang sống dưới áp lực của các vấn đề tâm lý, dù chúng ta đi đâu, làm gì, sống ở đâu, chúng ta đều phải đối mặt với những khuôn mẫu hành vi của mình. Con người bị mắc vào lưới khổ (dukkha) (sự bất toại nguyện của cuộc sống). Bất cứ khi nào chúng ta trải qua bất kỳ hình thức lạc thú nào trong một khoảnh khắc vi tế của cuộc sống, nó có thể bị biến thành vô số đau khổ vào cùng khoảnh khắc vi tế đó. Do đặc tính nhất thời này của sự tồn tại, Đức Phật đã hướng dẫn con người cố gắng chấm dứt và hiểu được nguyên nhân thực sự của nguồn gốc sự bất toại nguyện. Cụ thể, thuật ngữ "*dukkha*" theo quan điểm tâm lý học Phật giáo có thể được coi là căn bệnh tâm lý lớn nhất liên quan đến vòng luân hồi. Vì vậy, giáo lý Phật giáo thường chỉ ra thực tế rằng sự tồn tại gắn liền với những thú vui trần tục gây ra một số vấn đề tâm lý. Do đó, để khắc phục các vấn đề tâm lý, lời dạy của Đức Phật có thể được áp dụng như một công cụ trị liệu tâm lý. Bằng cách này, Phật giáo hiểu thực tế bản chất con người từ quan điểm tâm lý học trong khi cung cấp hỗ trợ trị liệu tâm lý. Ví dụ, Đức Phật liệt kê một số phiền não trong Kinh Vatthūpama (Kinh Trung Bộ, Majjhima Nikaya, số 7) *để minh họa một tâm trí không được rèn luyện có thể dễ bị ảnh hưởng bởi vô số phiền não như thế nào*. Hơn nữa, Kinh Vitakkasaṇṭhāna (Kinh Trung Bộ, Majjhima Nikaya, số 20) và Kinh Sabbāsava (Kinh Trung Bộ, Majjhima Nikaya, số 2) *minh họa kỹ thuật*

các phương pháp thực hành sửa đổi hành vi khác nhau phù hợp với mức độ hiểu biết của mỗi cá nhân. Từ quan điểm trên, có thể đi đến quan điểm rằng các bài giảng Phật giáo thời kỳ đầu đang cố gắng thể hiện rất hiệu quả những tác động tâm lý trị liệu. Đặc biệt, theo con đường phát triển đời sống tâm linh, các bài kinh bàn về ý tưởng giới luật được lấy làm cơ sở cho sự phát triển tâm linh của người đệ tử. Con đường giới luật, đạo đức và sự thanh lọc tâm hồn là một thực hành thiết yếu.

Vinaya liên quan đến tâm lý trị liệu như thế nào?

Các văn bản Luật Tạng Nguyên thủy đã được lịch sử công nhận là tạng thứ ba trong giáo lý của Đức Phật. Theo truyền thống, sự phân chia này được chia thành năm bản văn trong đó có 227 điều luật dành cho (các chư tăng) Tỳ-kheo (*bhikkhus)*[32] và 311 điều luật dành cho các vị Tỳ-kheo-ni (*bhikkhunis*)[33]. Ngoài các quy định về kỷ luật, Luật tạng còn trình bày những ghi chép lịch sử về nguồn gốc của Tăng đoàn Phật giáo và sự phát triển của cộng đồng Tăng già theo thời

32. Toàn bộ giới luật dành cho các Tu sĩ theo truyền thống được chia thành các phần sau: Pārājika 4, Saṅghādisesa 13, Nissaggiya Pācittiya 30, Pācittiya 92, Pāṭidesaniya 4, Aniyata 2, Sekhiya 75, Adhikaranasamathas 7.

33. Frank Reynolds, Phật giáo và Luật pháp, phát biểu trong Lời nói đầu quan điểm cho rằng Phật giáo chân chính là một tôn giáo chiêm nghiệm thế tục , hay – trong những hình thức ít cực đoan hơn – một tôn giáo quan tâm đến các cá nhân nhưng không quan tâm đến các vấn đề trật tự xã hội, chính trị và kinh tế, đã tạo ra một tình huống trong đó việc nghiên cứu luật thế tục của Phật giáo thậm chí còn ít được quan tâm hơn so với việc nghiên cứu luật xuất gia. . . Oscar Von Hinuber xem xét hệ thống pháp luật tu viện có thể được phân biệt trong và thông qua các văn bản Luật tạng Nam Á đầu tiên liên quan đến quy định và quản lý trật tự tu viện, và Andrew Huxley. . . mô tả truyền thống của luật pháp thế tục Nguyên thủy có thể được rút ra từ việc nghiên cứu Giáo pháp và các văn bản pháp lý liên quan…Tạp chí của Hiệp hội Nghiên cứu Phật giáo Quốc tế, Tập. 18, Số 1, Mùa hè năm 1995, "Phật giáo và Pháp luật," trang 3-4. Các học giả này đã tập trung sự chú ý của họ vào Luật tạng Phật giáo và Luật tạng Phật giáo ảnh hưởng như thế nào đến đời sống cộng đồng và hệ thống pháp luật của Miến Điện, Thái Lan, Campuchia và Lào.

gian. Tất cả những giới luật này được Đức Phật ban hành dựa trên sự phát triển hành vi bên trong và bên ngoài của cộng đồng Tu sĩ. Mục đích cuối cùng của các giới luật tu viện Phật giáo là tập trung vào việc trau dồi đời sống tâm linh. Để hỗ trợ cho các nghiên cứu hiện có, một số học giả đã xem xét giá trị của Luật tạng Nguyên thủy từ góc độ pháp lý. Chúng ta sẽ nghiên cứu sâu hơn để hiểu mục đích và chức năng của Luật tạng từ quan điểm tâm lý học và trị liệu tâm lý.

Bằng chứng từ các nghiên cứu hiện tại có liên quan đến Luật tạng, có thể hiểu được một khoảng trống rộng hơn của các nghiên cứu liên quan đến liệu pháp tâm lý Phật giáo dựa trên Luật tạng Nguyên thủy. Vì vậy, từ công trình này, người nghiên cứu mong muốn tìm hiểu vai trò và chức năng của các giới luật trong tu viện Phật giáo dưới góc độ tâm lý trị liệu.

Thuật ngữ "Vinaya" theo quan điểm kinh viện đã được dịch với nhiều ý nghĩa khác nhau.[34] Bất kể các học giả giải thích thuật ngữ "Vinaya" như thế nào, thì truyền thống Phật giáo Nguyên thủy phác thảo vai trò của Luật tạng theo cách sau.[35] Sự làm sáng tỏ này cho thấy chức năng của Luật tạng

34. Luật tạng (Vinayapiṭaka) đề cập đến nhiều quy tắc kỷ luật khác nhau. Trong hầu hết các trường hợp, thuật ngữ "Vinaya" đã được dịch sang tiếng Anh là kỷ luật tu viện (Gethin 2014), luật pháp (Edwina 1988) và hành vi hướng ngoại của các nhà sư (Horner 2006), Luận án tiến sĩ chưa xuất bản D.M.K. Dharmasiri, Đại học Hồng Kông, tr. 5, 2022.

35. (vi + nī, vineti) có nghĩa là loại bỏ hoặc loại bỏ tính chất "tôi" niệm (asmimānassa) cũng như sự tiêu diệt các ý nghĩ bất thiện: giận dữ, thù hận, khát khao... dính mắc và ảo tưởng. Như đã chỉ ra tại Vin. III 3, Luật tạng đã được mô tả như một công cụ để tiêu diệt phiền não như sau: vinayāya dhammaṃ desemi rāgassa dosassa mohassa. Anekavihitānaṃ pāpakānaṃ akalānaṃ dhammānaṃ vinayāya dhammaṃ desemi. Như đã được trình bày chi tiết ở (Vin. I 235), vai trò của Đức Phật đã được miêu tả là kiềm chế những người không kiềm chế (venayiko samaṇo gotamo, vinayāya dhammaṃ deseti, tena ca sāvake vinetīti). Hơn nữa, quan điểm trên còn được minh họa thêm ở (SN I 40), và trong Từ điển Pāli-Anh (1921) cũng bởi Holt (1982).Vì vậy, dựa trên những minh họa này, có thể kết luận rằng mục đích cuối cùng của Luật tạng là phục vụ như một hệ thống trị liệu tâm lý để loại bỏ phiền não. Vì vậy, Luật Tạng hy vọng sẽ có tác động đến sự chuyển hóa hành vi hướng nội và hướng ngoại. Người ta biết rõ rằng

như một phương pháp thanh lọc hành vi. Do đó, để ủng hộ quan điểm này, Luật tạng có thể được áp dụng như một hệ thống chuyển hóa nội tâm thông qua việc loại bỏ các phiền não như tham, sân và si. Ngoài cách diễn đạt này, Phật giáo còn khẳng định Luật tạng là một sự thực hành cần thiết để đạt được đỉnh cao của việc chứng ngộ Niết-bàn. Vì vậy, Luật tạng được cho là nền tảng cốt lõi của toàn bộ tông phái Phật giáo. Về vấn đề này, I.B. Horner gợi ý, "*Thật là một sự mô tả hợp lý khi nói rằng Pháp liên quan đến đời sống nội tâm của các đệ tử của Sa môn Gotama, lương tâm của họ, sự rèn luyện tinh thần và quan điểm của họ, sau đó, đại diện cho nội dung giáo lý mà họ phải tin và tuân theo; Luật tạng đó là kỷ luật quản lý và điều chỉnh đời sống bên ngoài của các tu sĩ nam nữ đã xuất gia.*"[36]

Vinaya Piṭaka được dành để minh họa các phương thức khác nhau của các quy tắc kỷ luật hỗ trợ việc thiết lập một hệ thống cai trị được thể chế hóa. Cơ chế chính của hệ thống quản lý tu viện Phật giáo dựa trên giới luật tu viện của Phật giáo. Những giới luật trong luật tạng được xây dựng nhằm đạt được những mục đích khác nhau của các tổ chức tu viện Phật giáo. Nếu chúng ta nghiên cứu một cách có hệ thống các giới luật của tu viện Phật giáo, chúng ta hiểu rằng hầu hết các hoạt động tu tập của tu viện Phật giáo được xây dựng như một hình thức tâm lý học và trị liệu tâm lý. Do đó, một phương thức trị liệu tâm lý xuất hiện trong Vinaya Piṭaka có thể được biết đến như một phương pháp thực hành phục hồi độc đáo hành vi nhân cách. Việc thực hành trị liệu tâm lý này được điều

Luật Tạng bao gồm các quy tắc kỷ luật để hạn chế hành vi hướng ngoại. Những quy tắc kỷ luật này cung cấp hướng dẫn hiệu quả trong đào tạo. Động từ gốc √nī về cơ bản có nghĩa là "dẫn dắt hoặc—kết thúc với‖ vi+√nī," bởi vì nó có nghĩa là chấm dứt sự hối hận [tâm lý] của một người. Vì vậy, Luật tạng đóng vai trò như một phương tiện để thoát khỏi phiền não tâm lý... Luận án tiến sĩ chưa được công bố, D.M.K. Dharmasiri, Đại học Hồng Kông, tr.6, 2022.

36. Sách giới luật (Vinayapiñaka), Tập. Suttavibhaïga, Dịch bởi I.B. Horner, do Pali Text Society xuất bản, trang. vii, 2006.

chỉnh bởi các phương thức hành vi khác nhau của các nhà sư. Những tình huống như khi các tu sĩ dùng đồ ăn thức uống, quần áo, chỗ ở, thể lực, bệnh tật, v.v.—tất cả những kiểu hành xử này đều được dành cho việc tu tập đời sống phạm hạnh (brahmachariya). Với những tiêu chuẩn cao về hành vi cộng đồng này, chúng ta hiểu rằng Đức Phật muốn thể hiện cách hành xử của các tu sĩ như một nhóm xã hội lý tưởng và một cộng đồng kiểu mẫu, trái ngược với các cộng đồng tôn giáo vào thời của Ngài.

Vinaya Piṭaka trong Phật giáo Nguyên thủy nêu bật một số đặc điểm tâm lý và trị liệu tâm lý. Một số đặc điểm gợi nhớ đến khía cạnh tâm lý được tìm thấy trong Suttapiṭaka. Mặt khác, một số cách trình bày tâm lý trong Vinaya Piṭaka còn cao cấp hơn so với cách trình bày trong Sutta Piṭaka. Một trong những khía cạnh quan trọng trong các giới luật của tu viện có thể được xác định theo cách sau: Khi một tu sĩ thọ giới cao hơn vi phạm các giới luật cụ thể của tu viện như pārājika (vi phạm nghiêm trọng) và saṅghādisesas (các quy tắc đòi hỏi cuộc họp đầu tiên và sau đó của Tăng đoàn), trong số này thứ hai, bất cứ khi nào một tu sĩ phạm tội nghiêm trọng, vị ấy phải từ bỏ sự thọ giới cao hơn của mình. Đồng thời, nếu một tu sĩ vi phạm các quy tắc kỷ luật tăng thân, vị ấy phải chịu một loạt các hình phạt đạo đức để được thanh lọc. Về vấn đề này, Dhirasekera (2007) tiếp tục nói rằng tất cả các hành vi phạm tội đều có thể được khắc phục thông qua việc thực hiện các hình phạt cụ thể và các hình phạt tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Tuy nhiên, trong trường hợp phạm tội Ba-la-di (pārājika), được xem là những tội nghiêm trọng không thể sám hối. Theo tội Tăng tàn (Saṅghādisesas), có thể được sám hối thông qua việc yết ma của Tăng đoàn. Trong trường hợp này, Dhirasekera trình bày một tường thuật chi tiết (2007, 229–230). Nếu chúng ta quan sát rất kỹ về bản chất của các phương pháp sám hối như

tajjaniya: hành vi khiển trách, *nissaya:* hành vi phục tùng, *pabbājaniya:* hành vi trừng phạt đuổi người phạm giới ra khỏi nơi cư trú, *paṭsāraṇiya:* hành động hòa giải, *ukkhepaniya:* hành động đình chỉ (xem Dhirasekera 230). Tất cả những phương pháp sám hối mang tính đạo đức này không có xu hướng làm tổn hại đến thể chất của con người, nhưng chúng có thể là những phương pháp nghiêm khắc có hiệu quả về mặt tinh thần. Hơn nữa, trong Cullavagga trình bày chi tiết về các bước trừng phạt, chẳng hạn như *parivāsa:* tránh xa cộng đồng tu sĩ trong vài ngày cho đến khi vị tu sĩ đó biết sửa chữa lỗi lầm. *Mānatta:* rất có thể là sáu ngày xa cách cộng đồng Tăng già, và *abbhāna:* hồi phục sau hành vi phạm tội. Vì vậy, không có hành vi phạm giới nào góp phần vào sự phân biệt đối xử đối với cá nhân. Bất cứ khi nào người phạm giới phải chịu đựng thời kỳ parivāsa của mình, vị ấy sẽ được các thành viên Tăng đoàn còn lại trong tu viện hỗ trợ về mặt tinh thần. Điều hiển nhiên từ những phương pháp sám hối như vậy là người phạm giới phải cảnh giác trước mọi hành vi vi phạm (āpatti). Mặt khác, tất cả các phương pháp sám hối này về mặt đạo đức, tâm lý và tinh thần đều góp phần phục hồi con người và sẽ hỗ trợ ngăn ngừa các rối loạn cảm xúc.

Vì vậy, phương pháp sám hối sẽ được thực hiện như một thực tiễn của quá trình cải tạo. Mục đích của quá trình phục hồi chức năng này tập trung vào việc trau dồi sự thanh lọc bên trong hành vi của các nhà sư. Khi kết thúc quá trình này, nó làm phong phú thêm đời sống độc cư của các tu sĩ trên con đường tâm linh. Một trong những điểm quan trọng là các phương pháp sửa đổi hành vi nói trên chỉ dành riêng cho Luật tạng. Khi chúng ta xem xét thông tin liên quan đến việc ban hành các quy định kỷ luật, chúng ta thấy rằng hành vi của các nhà sư thường bị ảnh hưởng bởi các vấn đề thế tục. Vì thế, để kiểm soát chúng, Đức Phật đã ban hành những giới luật. Trong trường hợp này, điều trở nên rõ ràng đối với chúng tôi

là các quy tắc kỷ luật có thể được áp dụng để quản lý các kiểu hành vi tiêu cực. Để đưa ra quan điểm này, *Parivārapāli*[37] thể hiện như sau:

"*Giới luật vì mục đích kiềm chế, kiềm chế vì mục đích không hối hận, không hối hận vì niềm vui, tận hưởng với niềm vui thích , niềm vui vì sự yên tĩnh, sự yên tĩnh vì mục đích hạnh phúc, hạnh phúc là vì mục đích của sự tập trung, sự tập trung là vì sự hiểu biết và cái nhìn thấy về những gì đã xảy ra như nó thực sự là, sự hiểu biết và cái nhìn thấy về những gì đã xảy ra như nó thực sự là nhằm mục đích từ bỏ, để đạt được sự bình thản, bình thản là vì tự do, tự do là vì kiến thức và tầm nhìn về tự do, kiến thức và tầm nhìn về tự do là vì Niết-bàn cuối cùng đạt được với sự không chấp thủ."* (Horner 2004, 267)

Với sự hỗ trợ của trích dẫn trên trong *Parivārapāli*, mỗi quy tắc kỷ luật đều kết nối về mặt tâm lý với việc trau dồi sự thanh tịnh bên trong. Sự thanh tịnh bên trong hỗ trợ việc trau dồi hành vi bên ngoài. Bằng cách này, có thể xác định được giá trị tâm lý và trị liệu tâm lý đã kết hợp trong pháp môn Phật giáo. Hơn nữa, chức năng của các giới luật tu viện Phật giáo có thể được thừa nhận như một hình thức đạt được các mục đích nhị phân:

Những giới luật của Phật giáo hỗ trợ việc trau dồi những tư tưởng thiện lành và chúng là những yếu tố hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện con đường Niết Bàn.

37. vinayo saṃvaratthāya, saṃvaro avippaṭisāratthāya, avippaṭisāro pāmujjatthāya, pāmujjaṃ pītatthāya, pīti passaddhatthāya, passaddhi sukhatthāya, sukhaṃ samādhatthāya, samādhi yathābhūtañā ṇadassanatthāya, yathābhūtañāṇadassanaṃ nibbidatthāya, nibbidā virāgatthāya, virāgo vimuttatthāya, vimutti vimuttiñāṇadassanatthāya, vimuttiñāṇadassanaṃ anupādāparinibbānatthāya (Vin. V 164)

Nguồn Tham Khảo

- *The Book of the Discipline* (Suttavibhaṅga), Vol. I. Translated by I.B. Horner, Oxford: PTS, 2006.
- *The Book of the Discipline* (Suttavibhaṅga), Vol. II.Translated by I.B. Horner, Oxford: PTS, 1969.
- *The Book of the Discipline* (Suttavibhaṅga), Vol. III. Translated by I.B. Horner, Oxford: PTS, 1969.
- *The Book of the Discipline* (*Mahāvagga*), Vol. IV. Translated by I.B. Horner, Oxford: PTS, 1971.
- Dharmasiri, D.M.K. Unpublished PhD thesis, D.M.K. Dharmasiri, the University of Hong Kong, 2022.
- Johansson, Runne, E. A. *The Dynamic Psychology of Early Buddhism*. London: Curzon Press, 1979.
- Johansson, Runne E. A. *The Dynamic Psychology of Early Buddhism*. London: Curzon Press, 1985.
- Jotiya, Dhirasekera. *Buddhist Monastic Discipline*. Buddhist Cultural Centre, Dehiwala, Sri Lanka, 2007.
- Reat, N. Ross. *The Origins of Indian Psychology*, Berkeley, California: Asian Humanities Press, 1990.
- *The Vinaya Piṭaka* (*Suttavibhaṅga*, Part I), Vol. III. Ed. Hermann Oldenberg, Oxford: PTS, 1993.
- *The Vinaya Piṭaka* (*Suttavibhaṅga*, Part II), Vol. IV. Ed. Hermann Oldenberg, Oxford: PTS, 1993.

2.5.

SỰ TRUYỀN BÁ PHẬT GIÁO TOÀN CẦU TỪ CHÂU Á ĐẾN SRI LANKA

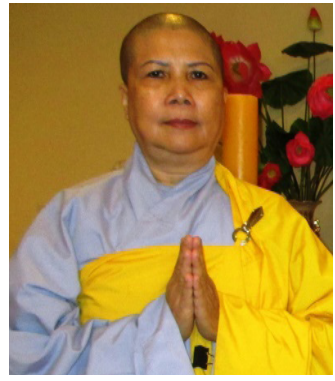

Sư cô TN Viên An

Giảng viên Anh Ngữ Chùa Hương Sen
và Điều Ngự, California, Hoa Kỳ

Email: thichnuvienan814@gmail.com

1. GIỚI THIỆU

Phật giáo thể hiện những lời dạy của Đức Phật Gautama sống ở miền Bắc Ấn Độ trong thế kỷ VI và V trước Công nguyên, những người theo lời dạy của Đức Phật được gọi là Phật tử. Từ Phật có nghĩa là "Người thức tỉnh" hay "Người giác ngộ", nhưng trong giáo lý Phật giáo, nó đề cập đến Đức Phật Gautama, người còn được gọi là Phật

Siddhartha Gautama. Trên thực tế, Đức Phật Gautama không phải là vị Phật đầu tiên xuất hiện trên thế giới vì một số trường phái Phật giáo đã đặt tên cho ít nhất 28 vị Phật trước đây, bao gồm cả Đức Phật Gautama. Trong kinh Di Lặc Hạ Sanh Thành Phật cũng nói rằng có một vị Phật tên là "Di Lặc" sẽ xuất hiện trong tương lai và các kinh điển Đại thừa đã nói về vô lương chư Phật với vô lượng danh hiệu.

Phật Gautama sinh ra là Hoàng tử Siddhartha vào ngày trăng tròn tháng 5 năm 563 trước Công nguyên tại một vùng thuộc tiểu lục địa Ấn Độ ngày nay được gọi là Lumbini ở Nepal. Hoàng tử được hưởng nền giáo dục và sự xa hoa dành cho một hoàng tử vào thời điểm đó và được bảo vệ khỏi những thăng trầm bình thường của cuộc sống theo lệnh của phụ vương, theo lời tiên đoán của các nhà chiêm tinh hoàng gia rằng một ngày nào đó hoàng tử sẽ rời đi để trở thành một ẩn sĩ. Tuy nhiên, ở tuổi hai mươi chín và lần đầu tiên trong đời phải đối mặt với những thực tế của cuộc sống như bệnh tật, tuổi già và cái chết, Thái tử Tất-Đạt-Đa đã từ bỏ cuộc sống vương giả của mình, trở thành một ẩn sĩ không nhà để tìm kiếm con đường thoát khỏi đau khổ của con người.

Sau đó là sáu năm khổ hạnh hành xác khắc nghiệt, nhưng điều đó không đưa đến gần hơn với chân lý mà Ngài đang tìm kiếm. Nhận ra rằng cả việc tự hành xác khổ hạnh cũng như những thú vui nhục dục trong hoàng cung là những cực đoan, không đưa đến thoát khỏi đau khổ của kiếp người, Ngài quyết định đi theo Con đường Trung đạo.

Sau đó, Bồ tát Gautama ngồi dưới gốc cây bồ đề (Ficus religiosa) tại một nơi ngày nay được gọi là Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhgaya, Bihar) ở miền Bắc Ấn Độ, với quyết tâm giác ngộ, thà chết chứ không đứng lên. Ngài thiền định về chánh niệm hơi thở (anapanasati), vào đêm trăng tròn tháng năm, ở tuổi ba mươi lăm, nhà khổ hạnh Gautama đã giác ngộ hoàn toàn sau khi nhận ra Tứ Diệu Đế về khổ, nguyên nhân của

khổ, sự chấm dứt khổ đau và con đường đưa đến sự chấm dứt khổ đau bằng nỗ lực của chính mình, Ngài được biết đến với cái tên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Trong bốn mươi lăm năm tiếp theo cho đến khi viên tịch ở tuổi tám mươi vào ngày rằm tháng năm, Đức Phật Gautama, vì lòng từ bi đối với chúng sinh, đã du hành từ nơi này đến nơi khác, chủ yếu ở vùng Đông bắc Ấn Độ để giảng dạy con đường thoát khỏi đau khổ. Đức Phật đã thâu nhận rất nhiều đệ tử và nhiều người trong số họ đã đạt được Niết-bàn, chấm dứt đau khổ không còn tái sinh. Tăng đoàn Phật giáo cũng phát triển, tiếp tục tồn tại cho đến ngày nay. Đức Phật Gautama luôn khẳng định rằng cả Ngài và bất kỳ đấng cao hơn nào khác đều không thể giải thoát cho bất kỳ ai khác khỏi đau khổ hoặc khỏi vòng luân hồi của cái chết và tái sinh. Mỗi người phải tự giải thoát bằng nỗ lực của chính mình. Do đó, Đức Phật Gautama luôn được coi là vị thầy đạt được giác ngộ bằng nỗ lực của chính mình. Ngài chia sẻ con đường giải thoát mà chính Ngài đã trải nghiệm khám phá ra để những người khác cũng có thể tự giải thoát bằng chính nỗ lực của mình.

Vào thế kỷ III trước Công nguyên, một hoàng đế Mayuran ở Ấn Độ tên là A-dục (Ashoka) trong cuộc chiến bành trướng bờ cõi ở Kalinga, vua bỗng hối hận trước sự tàn sát vố số dân vô tội, vua sám hối, quy y và chuyển sang tu tập theo Phật giáo. Vua dùng giới luật thập thiện. lục hòa và lời dạy của Đức Phật, nhất là tinh thần bất bạo động để cai trị dân, nên Vua A-dục được gọi là Vua Pháp. Hoàng đế Ashoka muốn truyền bá thông điệp hòa bình của Phật giáo nên cử các sứ giả Phật giáo đến khắp các vùng của Ấn Độ, cũng như các nước lân cận như Ceylon (nay là Sri Lanka), Miến Điện (nay là Myanmar), Thái Lan, Campuchia, Lào và Việt Nam. Người ta tin rằng các sứ giả Phật giáo cũng được gửi đến các nước khác như Syria, Iran, Ai Cập và Hy Lạp.

2. SỰ TRUYỀN BÁ PHẬT GIÁO TOÀN CẦU

2.1. Phật giáo ở Ấn Độ

Phật giáo tiếp tục phát triển ở Ấn Độ sau khi Đức Phật Gautama viên tịch vào năm 544 trước Công nguyên. Sau kỳ Kiết Tập Phật giáo lần thứ hai được tổ chức một trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt để giải quyết một số vấn đề kỷ luật tu viện và có sự chia rẽ trong cộng đồng Phật giáo thành Thượng tọa Bộ (Sthaviravadins), bao gồm các tu sĩ chính thống và Đại chúng bộ / Ma Ha Tăng Kỳ Bộ (Mahasanghikas) bao gồm các tu sĩ tự do hơn. Phật giáo đã trở thành quốc giáo ở Ấn Độ vào thế kỷ III trước Công nguyên với sự bảo trợ của hoàng gia bởi Vua A-dục (Ashoka). Sau kỳ Kiết Tập Phật giáo lần thứ ba, Vua Ashoka đã cử các nhà truyền giáo Phật giáo đến khắp Ấn Độ, xây dựng 84.000 bảo tháp trên khắp vương quốc của mình và cũng sắp xếp để khắc các lời dạy của Đức Phật trên các cột đá. Thượng tọa Bộ (Sthaviravadins) tiếp tục là truyền thống lâu đời nhất và chính thống nhất, cuối cùng trở thành Phật giáo Nguyên thủy, trong khi Đại chúng bộ (Mahasanghikas) trải qua một quá trình biến đổi nhiều lần, cuối cùng đã xuất hiện dưới dạng Phật giáo Đại thừa vào khoảng thế kỷ I. Phật giáo Kim Cương thừa phát triển từ Phật giáo Đại thừa giữa thế kỷ III và VII. Các trường đại học Phật giáo được xây dựng bao gồm Đại học Nalanda gần thành Vương Xá (Rajagaha) ở miền Đông Ấn Độ và các trường khác ở miền Bắc Ấn Độ với sự bảo trợ của hoàng gia, nơi Phật giáo Đại thừa được giảng dạy.

Tuy nhiên, các trường đại học này đã bị phá hủy và hàng nghìn tu sĩ Phật giáo đã bị quân xâm lược giết chết trong khoảng thời gian từ thế kỷ X đến thế kỷ XIII. Phật giáo bắt đầu suy tàn ở Ấn Độ do một số lý do bao gồm sự cạnh tranh từ Ấn Độ giáo, mất sự bảo trợ của hoàng gia cũng như các cuộc xâm lược của White Hunts từ Trung Á vào thế kỷ VI, và bởi

người Hồi giáo vào thế kỷ XI. Những yếu tố này là nguyên nhân dẫn đến sự tiêu diệt thực sự của Phật giáo ở Ấn Độ vào thế kỷ XIII. Năm 1891, một nhà lãnh đạo Phật giáo Sri Lanka, Anagarika Dharmapala, đến Ấn Độ thành lập Hội Đại Bồ Đề để phục hưng Phật giáo. Ông đã xây dựng các ngôi chùa Phật giáo ở những địa điểm tôn giáo Phật giáo như Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhgaya) và Sarnath, Varanasi. Một lần nữa, trong thế kỷ XX đã có sự hồi sinh của Phật giáo ở Ấn Độ, đặc biệt là sau năm 1956, ngày kỷ niệm 2500 năm ngày nhập diệt của Đức Phật Gautama.

Một nhân vật nổi bật khác trong công cuộc phục hưng Phật giáo vào những năm 1950 là Tiến sĩ Ambedkar, người đã đấu tranh chống lại hệ thống đẳng cấp và sự bất công xã hội mà cộng đồng Dalit hay tầng lớp tiện dân phải đối mặt. Ông chuyển sang Phật giáo vào tháng 10 năm 1956 cùng với 380.000 người Dalit trong một buổi lễ quy y lớn tại Nagpur. Theo điều tra dân số năm 2001 của Chính phủ Ấn Độ, có gần 8 triệu Phật tử ở Ấn Độ tương đương với 0,80% dân số. Số lượng Phật tử ngày càng tăng ở Ấn Độ được cho là bao gồm bốn loại chính:

1. Những Phật tử theo truyền thống kế thừa tôn giáo từ tổ tiên của họ ở Orissa, Bengal, Ladakh và một phần của Himachal Pradesh.
2. Những Phật tử mới thuộc cộng đồng Dalit là Phật tử của Tiến sĩ Ambedkar.
3. Những người trở thành Phật tử nhờ học vấn và niềm tin.
4. Cư dân Phật giáo phi Ấn Độ ở Ấn Độ, chủ yếu là người Tây Tạng lưu vong và cả những người đến từ các quốc gia Phật giáo châu Á khác.

2.2. Phật giáo Indonesia

Phật giáo được du nhập vào Indonesia vào cuối thế kỷ II và được xem là tôn giáo lâu đời thứ hai sau Ấn Độ giáo. Dưới thời trị vì của triều đại Srivijaya, Indonesia đã trở thành vương quốc Phật giáo lớn nhất ở Đông Nam Á, trong khi dưới triều đại Sailendra vào thế kỷ VIII và IX, ngôi chùa Borobudur nổi tiếng thế giới đã được xây dựng. Với sự du nhập của Hồi giáo vào thế kỷ XIII, Phật giáo bắt đầu suy tàn cho đến khi hồi sinh trở lại khi một tu sĩ Phật giáo Sri Lanka, Thượng tọa Narada đến thăm Indonesia vào những năm 1930 và một nhà sư Nguyên thủy khác, Ashin Jinarakkhita, đã du hành khắp Indonesia vào những năm 1950 để truyền bá Phật giáo. Theo điều tra dân số năm 2010, khoảng 1,7 triệu người Indonesia (0,7% dân số) là Phật tử, hầu hết là người gốc Hoa với một số ít Phật tử bản địa. Phật giáo là một trong năm tôn giáo được công nhận chính thức ở Indonesia, nơi hiện nay cả hai truyền thống Phật giáo Đại thừa và Nguyên thủy đều được thực hành với số lượng tu sĩ và chùa Phật giáo Nguyên thủy ngày càng tăng.

2.3. Phật giáo ở Myanmar

Theo truyền thuyết Miến Điện, người ta tin rằng Đức Phật Gautama đã đến thăm Miến Điện trong bốn dịp khác nhau và Xá lợi Tóc được Đức Phật tặng cho hai thương gia Thapassu và Bhalluka được cho là đã được cất giữ trong một ngôi chùa có tên là Chùa Shewdagon ở Miến Điện.

Truyền thống Phật giáo Nguyên thủy cho là sau kỳ Kiết Tập Phật giáo lần thứ ba vào thế kỷ III trước Công nguyên, các nhà truyền giáo Phật giáo do Vua Asoka cử đi, đã đến miền Nam Miến Điện này. Vào khoảng thế kỷ V, truyền thống Đại thừa cũng được những người di cư Ấn Độ mang đến du nhập vào miền Bắc Miến Điện. Trong thế kỷ XI, Vua Anawratha trở thành người cai trị cả miền Nam và miền Bắc

Miến Điện. Ông chuyển sang Phật giáo Nguyên thủy và biến Phật giáo thành quốc giáo. Bắt đầu từ thời kỳ đó đã có sự trao đổi khá thường xuyên về thực hành Phật giáo Nguyên thủy giữa Miến Điện và Sri Lanka nhằm mang lại lợi ích cho cả hai nước. Trong thế kỷ XVII, một số văn bản Phật giáo bao gồm Vi Diệu Pháp của Luận Tạng đã được dịch sang tiếng Miến Điện và từ đó trở đi việc nghiên cứu Vi Diệu Pháp đã trở nên phổ biến đối với người Miến Điện được cho là vẫn tiếp tục cho đến nay. Hai Đại hội Phật giáo,Đại hội lần thứ năm vào năm 1871 và lần thứ sáu từ năm 1954 đến năm 1956 đã được tổ chức tại Miến Điện. Có khoảng 89 phần trăm dân số Miến Điện tức khoảng 55 triệu người là Phật tử của truyền thống Phật giáo Nguyên thủy.

2.4 Phật giáo ở Thái Lan

Sau kỳ Kiết Tập Phật giáo lần thứ ba vào thế kỷ III trước Công nguyên, Vua A-dục (Ashoka) đã cử hai tu sĩ Phật giáo tên là Sona và Uttara làm nhà truyền giáo Phật giáo đến Suvarnabhumi (Vùng đất vàng), vị trí chính xác của vùng đất này còn chưa xác định, một số học giả cho rằng có thể bao gồm khu vực Thái Lan ngày nay, nơi họ đã thiết lập truyền thống Phật giáo Nguyên thủy. Phật giáo Đại thừa được du nhập vào Thái Lan vào khoảng thế kỷ VI-VII do các nhà sư Phật giáo từ Ấn Độ đem vào. Vào khoảng thế kỷ XI, miền Bắc Thái Lan nói riêng chịu ảnh hưởng của cái được gọi là Phật giáo Miến Điện (Pagan) do khu vực này gần gũi với Miến Điện. Sau sự suy yếu của Phật giáo Nguyên thủy, Phật giáo lại được du nhập lại vào thế kỷ XIII do các nhà sư Thái Lan đã từng học ở Sri Lanka, trở về Thái Lan cùng với các nhà sư Sri Lanka. Vì vậy, có vẻ như Phật giáo dưới bốn hình thức khác nhau đã đến Thái Lan như sau:

1. Phật giáo Nguyên thủy

2. Phật giáo Đại thừa
3. Phật giáo Miến Điện (Pagan)
4. Phật giáo Sri Lanka (Lankavamsa)

Phật giáo tiếp tục là quốc giáo ở Thái Lan theo hiến pháp của họ, vua Thái Lan phải là một Phật tử ủng hộ Phật giáo. Hiện tại, khoảng 94% dân số được cho là Phật tử của Phật giáo Nguyên thủy với khoảng 32.000 tu viện Phật giáo. Một số ít Phật tử ở Thái Lan là những người thực hành Đại thừa, phần lớn là Phật tử gốc Hoa. Truyền thống sống trong rừng của Phật giáo Theravada, ở đó các nhà sư tuân theo quy tắc kỷ luật nghiêm ngặt cũng thực hiện các thời gian đi du hành khất thực gọi là "tudong" đã trở nên phổ biến cả trong và ngoài Thái Lan.

2.5 Phật giáo ở Việt Nam

Việt Nam có thể là nơi đầu tiên tiếp nhận các nhà truyền giáo Phật giáo từ Ấn Độ do vua A-dục (Ashoka) cử đến vào thế kỷ III trước Công nguyên. Một lần nữa, trong hai thế kỷ đầu Công nguyên, Phật giáo được truyền vào Việt Nam bởi các học giả Phật giáo từ Ấn Độ và những người nhập cư từ Trung Quốc. Truyền thống Đại thừa là truyền thống chiếm ưu thế, trong khi một số ít các vị sư thực hành theo truyền thống Nguyên thủy chủ yếu ở khu vực phía Nam. Phật giáo trở nên phổ biến từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV, trở thành quốc giáo từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIII nhưng có sự suy tàn từ thế kỷ XV do Nho giáo có ảnh hưởng to lớn đến những người cai trị vào thời điểm đó. Hiện nay, Phật giáo Đại thừa dưới hình thức kết hợp giữa Tịnh độ và Thiền tông là hình thức Phật giáo chiếm ưu thế được thực hành ở Việt Nam, nơi có 85% dân số được biết là Phật tử nhưng chỉ có 8% được cho là hành giả chính thức.

2.6 Phật giáo ở Malaysia

Dường như Phật giáo dưới hình thức truyền thống Theravada lần đầu tiên được du nhập vào Malaysia từ Ấn Độ sau Kỳ Kiết Tập kinh điển lần thứ ba vào thế kỷ III trước Công nguyên dưới thời trị vì của vua A-dục (Ashoka). Trong thời đế chế Sri Vijaya từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XIII, Phật giáo tiếp tục phát triển với nhiều di tích Phật giáo được xây dựng. Truyền thống Đại thừa được du nhập vào Malaysia vào khoảng thế kỷ V và trở nên nổi bật hơn trong thời kỳ đó. Phật giáo là tôn giáo lớn thứ hai ở Malaysia sau Hồi giáo, quốc giáo, được gần 20% dân số thực hành. Phần lớn trong số này là người gốc Hoa theo Phật giáo Đại thừa. Phật giáo Theravada được theo chủ yếu bởi các Phật tử có nguồn gốc từ các quốc gia Nguyên thủy như Sri Lanka, Miến Điện và Thái Lan.

2.7 Phật giáo ở Campuchia

Có khả năng Phật giáo đã đến Campuchia thông qua các nhà truyền giáo Phật giáo do Vua A-dục (Ashoka) cử đến vào thế kỷ III trước Công nguyên. Trong một vài thế kỷ, Phật giáo vẫn đứng thứ hai sau Ấn Độ giáo, nhưng từ thế kỷ V Công nguyên, Phật giáo trở nên phổ biến như một sự kết hợp giữa Đại thừa Mật tông và Ấn Độ giáo. Từ thế kỷ XIII trở đi, Phật giáo Nguyên thủy trở nên thịnh hành, có lẽ là do ảnh hưởng từ Sri Lanka và Thái Lan. Nó vẫn là truyền thống chính của Phật giáo được thực hành ở Campuchia. Trong thời kỳ cầm quyền của Khmer Đỏ từ năm 1976 đến năm 1979, Phật giáo gần như bị tiêu diệt hoàn toàn khi họ cấm bất kỳ tôn giáo nào, họ đã phá hủy các chùa Phật giáo và giết hại hoặc buộc các nhà sư Phật giáo phải xả y hoàn tục. Sau đó, đã có sự hồi sinh của Phật giáo ở Campuchia, nơi có 96% dân số được cho là tu theo Phật giáo Nguyên thủy, trong khi chỉ 1%, bao gồm người

Trung Quốc và Việt Nam, thực hành Phật giáo Đại thừa.

2.8. Phật giáo ở Lào

Phật giáo lần đầu tiên được truyền đến Lào vào khoảng thế kỷ VIII do các tu sĩ Phật giáo người Mon từ vương quốc Phật giáo ở Campuchia đến. Trong thế kỷ XI và XII, Đại thừa đã trở thành hình thức Phật giáo chiếm ưu thế. Tuy nhiên, trong thế kỷ XIV, Phật giáo Nguyên thủy lại trở nên nổi bật khi người cai trị mới vào thời điểm đó, Vua Fangum, đã thành lập vương quốc Lào đầu tiên. Ông trở thành một Phật tử và đưa Phật giáo thành quốc giáo cho đến năm 1975. Đến năm 2005, khoảng 67% dân số được biết đến là Phật tử nhưng Phật tử ở Lào thường thực hành một số hình thức thuyết vật linh cùng với Phật giáo. Phần lớn Phật tử ở Lào, 90%, thực hành Phật giáo Theravada trong khi một thiểu số, đặc biệt là những người thuộc cộng đồng người Việt và Trung Quốc, thực hành Phật giáo Đại thừa. Ở Lào, nam giới, cả già lẫn trẻ, đều có một tục lệ phổ biến là dành một khoảng thời gian nào đó trong đời để đi tu (tu gieo duyên), tu báo hiếu cha mẹ, một thời gian rồi hoàn tục lại.

2.9. Phật giáo ở Singapore

Phật giáo được du nhập vào Singapore ban đầu bởi những người nhập cư Trung Quốc, sau đó là những người nhập cư từ các quốc gia Phật giáo châu Á khác như Thái Lan, Miến Điện và Sri Lanka. Năm 1949, Liên đoàn Phật giáo Singapore được thành lập với mục đích thống nhất Phật tử và các tổ chức Phật giáo ở Singapore. Theo điều tra dân số năm 2010, 33,3% dân số Singapore tuyên bố mình theo đạo Phật. Truyền thống Phật giáo chiếm ưu thế được thực hành chủ yếu bởi những người gốc Trung Quốc là truyền thống Phật giáo Đại thừa Trung Quốc, mặc dù các cộng đồng Phật giáo khá lớn

cũng thực hành Phật giáo Tây Tạng và Nguyên thủy. Một số ngôi chùa Phật giáo đã được thành lập ở Singapore đại diện cho các truyền thống Trung Hoa, Thiền tông, A Di Đà và Tây Tạng của Phật giáo Đại thừa. Ngoài ra, còn có một số ngôi chùa Theravada đại diện cho các quốc gia Phật giáo Theravada như Thái Lan, Miến Điện và Sri Lanka.

3. PHẬT GIÁO SRI LANKA TRONG SỰ TRUYỀN BÁ TOÀN CẦU CỦA PHẬT GIÁO CHÂU Á

Người ta tin rằng Đức Phật Gautama đã đến thăm đảo Ceylon, ngày nay gọi là Sri Lanka, vào ba dịp khác nhau. Vào năm 246 trước Công nguyên, thánh tăng Arahant Mahinda, con trai của Vua A-dục (Ashoka) đã đến Sri Lanka cùng với sáu đệ tử. Sau khi nghe lời giảng dạy của thánh tăng, vị vua địa phương, Devanampiya Tissa, đã chuyển hướng theo Phật giáo. Với sự bảo trợ của hoàng gia, Phật giáo đã trở nên vững chắc ở Sri Lanka, nơi Tăng đoàn (cộng đồng tu sĩ Phật giáo) được thành lập và hàng nghìn ngôi chùa Phật giáo được xây dựng trên khắp hòn đảo. Ngay sau đó, con gái của Vua Ashoka, thánh Tổ Ni Arahant Sanghamitta, đã đến Sri Lanka mang theo một cây bồ đề con mà Đức Phật Gautama đã ngồi thiền định và đạt được giác ngộ dưới gốc cây đó. Cây non được trồng ở thành phố Phật giáo Anuradhapura ngày nay vẫn còn tồn tại. Arahant Sanghamitta cũng thành lập Ni đoàn (cộng đồng Ni giới). Vô số xá lợi của Đức Phật Gautama, bao gồm cả xá lợi Răng, được cất giữ trong các ngôi chùa ở Sri Lanka được những người hành hương Phật giáo trong và ngoài nước tôn kính chiêm bái hàng năm. Vào thế kỷ I trước Công nguyên dưới thời trị vì của Vua Vattagamani Abhaya, đại hội Phật giáo lần thứ tư được tổ chức tại Sri Lanka và Kinh điển Pali lần đầu tiên được viết ra trên lá cọ.[38] Vào thế kỷ V,

38. Các kỳ kiết tập kinh điển theo Phật giáo Theravāda, Hòa thượng Rewata Dhamma - Đăng Nguyên dịch. Source: Nibbana.com

đại sư Phật Âm (Buddhaghosa), một học giả Phật giáo đến từ miền Nam Ấn Độ, đã đến thăm Sri Lanka và viết những bài bình luận về kinh điển Phật giáo.

Từ thế kỷ X trở đi, Phật giáo suy tàn chủ yếu do các cuộc xâm lược từ miền Nam Ấn Độ, sau đó là bởi người Bồ Đào Nha, người Hà Lan và người Anh. Người ta nói rằng những kẻ xâm lược Bồ Đào Nha đặc biệt đến vào năm 1505, với sự hỗ trợ của các vị vua địa phương, đã phá hủy các ngôi chùa, thư viện và các tác phẩm nghệ thuật Phật giáo, đồng thời cải đạo các Phật tử địa phương sang Công giáo. Mặc dù truyền thống Theravada đã được Arahant Mahinda mang đến Sri Lanka, nhưng đến thế kỷ VIII, có hai nhóm lớn trong số các tu sĩ Phật giáo, một nhóm thực hành Phật giáoTheravada và nhóm còn lại thực hành hỗn hợp giáo lý Theravada, Đại thừa và Kim Cương thừa. Tuy nhiên, vào thế kỷ XII với sự bảo trợ của hoàng gia, Theravada lại trở thành truyền thống Phật giáo chiếm ưu thế ở Sri Lanka. Kể từ thế kỷ XIX, Phật giáo đã hồi sinh ở Sri Lanka và hiện nay khoảng 70% dân số được cho là theo đạo Phật. Hiện nay, các tu sĩ Phật giáo ở Sri Lanka thuộc một trong ba giáo phái: Giáo phái Siyam, có nguồn gốc từ Thái Lan, Giáo phái Amarapura và Giáo phái Ramannya, cả hai đều đến từ Miến Điện. Cả ba giáo phái đều thực hành các nguyên tắc của Phật giáo Theravada mà không có sự khác biệt về giáo lý giữa chúng.

Nguồn Tham Khảo

- Bischoff, Roger. *Buddhism in Myanmar: A Short History*. BPS Online Edition 2011, The Wheel Publication No. 399/401. Sri Lanka:

https://giacngo.vn/cac-ky-kiet-tap-kinh-dien-theo-phat-giao-theravada-post22499.html

Buddhist Publication Society.

- CanadianEncyclopedia: *Buddhism*. www.thecanadian encyclopedia.ca/en/artcle/buddhism
- German Buddhist Union. *Aims and Brief History of the German Buddhist Union*. DBU). http://www. buddhismUSA-deutschland.de/basic-information-in-english/
- Government of India. 2001 Census Data, Ministry of Home Affairs. https://censUSAindia.gov.in/censUSA. website/
- Josh, L. M. *Aspects of Buddhism in Indian History*. Sri Lanka: Buddhist Publication Society, Wheel Publications.
- Kusalasaya, Karuna. *Buddhism in Thailand: Its Past and Its Present*. BPS Online Edition 2006, The Wheel Publication No. 85/86. Sri Lanka: Buddhist Publication Society.
- Pannasiri, Ashin. *Buddhism in Indonesia*. ashinpannasiri.blogspot.co.uk, March 2013.
- Perera, H. R. *Buddhism in Sri Lanka, A Short History*. Wheel Publication No.100, BPS Online Edition 2008. Buddhist Publication Society, Sri Lanka.
- Statistics from the Bureau of Cultural Affairs, Japan, 2002.
- Wikipedia. *Buddhism in the Middle East*. Accessed AugUSAt 30, 2023. wikipedia.org/wiki/Buddhism_ in_the_Middle_East.

2.6.

TÍNH NĂNG NỔI BẬT CỦA NỀN GIÁO DỤC TU VIỆN NGUYÊN THỦY Ở SRI LANKA

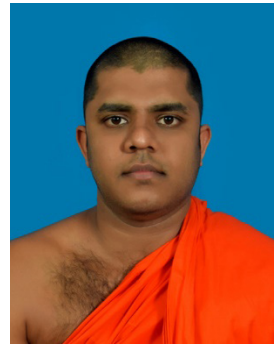

Đại đức **Madugalle Sudaththa**

Giảng viên Khoa Xã hội và Nghiên cứu So sánh,
Đại học Bhiksu Anuradapura

Email: Sudaththa12@gmail.com

Tóm tắt

Ở Ceylon (Sri Lanka), nền giáo dục tu viện đầu tiên có từ thế kỷ VI trước Công nguyên. Tuy nhiên, sự khởi đầu chính thức của hệ thống giáo dục tu viện đã được triển khai ở Ceylon với sự xuất hiện của Thánh Tăng Maha Mahinda Thero (con trai Vua A-dục). Trong môi trường tu

viện này, giáo dục chủ yếu dành cho một số ít người, chủ yếu là các tu sĩ Phật giáo. Chư tăng nghiên cứu Phật pháp và truyền dạy trong các tu viện, mở đường cho nền tảng giáo dục tu viện. Đọc, viết, nghiên cứu thần học và các kỹ năng thực tế hoặc kỹ thuật như dệt, xây dựng, hình học, nghệ thuật và hội họa được các tu sĩ dạy cho những người thuộc tầng lớp cao hơn trong xã hội. Theo thời gian, các tu viện và chùa chiền trở thành trung tâm cho cả tu sĩ Phật giáo và cư sĩ ở nông thôn. Thuật ngữ "piriven" hoặc "pirivenas" có thể đã được phát triển theo thời gian để chỉ những tu viện này. Theo Mendis và cộng sự (2006), có ba cơ sở giáo dục Phật giáo lớn phổ biến thông tin về nhiều chủ đề liên quan đến Phật giáo. Đó là Tịnh xá Jethavana (thế kỷ III), Tịnh xá Maha (thế kỷ III trước Công nguyên) và Tịnh xá Abhayagiri (thế kỷ I trước Công nguyên). Tuy nhiên, theo Maha Vansa, Kalapasada được xem là pirivena đầu tiên ở nước ta. Sự phát triển của "Ashta Mulayatana" cũng được xem là một phần mở rộng của nền giáo dục pirivena này. Có rất nhiều đặc điểm nổi bật của giáo dục tu viện thời kỳ đầu. Trường thực hiện một loạt nhiệm vụ, bao gồm sức khỏe, chính trị và ngôn ngữ. Trong khi đó, trường Phật học nhấn mạnh việc nghiên cứu tôn giáo để hiểu rõ hơn về Giáo pháp đưa ra những cách thức và hướng dẫn cho các cá nhân để củng cố đời sống tâm linh. Hơn nữa, trường Phật học còn đáp ứng các khả năng thực tế về chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp, thủ công, v.v., cũng như kiến thức về đọc viết và tính toán cơ bản. Nền giáo dục tu viện này đóng một vai trò quan trọng trong xã hội trong việc truyền tải kiến thức và di sản văn hóa. Theo báo cáo của Đại sư Trung Quốc Pháp Hiền (Fa Hien), người đã đến thăm quốc đảo này vào năm 412, Đại tự Maha Vihara là nơi tu học của khoảng 3.000 tu sĩ thường trú. Theo Ký sự Hành hương của ngài Huyền Trang từ thế kỷ VII, Mahavihara, Jethavanaya và Abhayagiriya đã được quốc tế công nhận là trung tâm nghiên

cứu Phật giáo chuyên sâu cao cấp.

1. GIỚI THIỆU

Ở Sri Lanka, hệ thống giáo dục địa phương ban đầu dựa trên các tu viện. Các học giả đồng ý rằng nó bắt đầu với sự xuất hiện của Thánh tăng Arahat Mahinda Thero (Mahindagamanaya). De Silva chỉ ra rằng so với các cơ sở giáo dục địa phương cũ khác, giáo dục tu viện được tổ chức một cách rất trang trọng (Ruwanpathirana, Udayanga, Lakmali, 2021). Giáo dục tu viện là việc học và giảng dạy giáo pháp cũng như phát triển cá nhân trong hệ thống giáo dục dựa vào tu viện. Đó là một đặc điểm độc đáo của hệ thống giáo dục tu viện, nó cung cấp cả giáo dục tôn giáo và thế tục. Giáo dục Pirivena, giáo dục tu viện, giáo dục Arama, giáo dục pansala (giáo dục chùa chiền) và giáo dục vihara là những thuật ngữ phổ biến được hầu hết các tác giả trong và ngoài nước sử dụng để giải thích nền giáo dục Phật giáo truyền thống từ xưa (Keerthirathne, 2020). Các tên "tu viện", "ashrama" và "vihara" được dùng để chỉ những nơi mà các nhà sư cư trú tu học. Tuy nhiên, chúng dần dần trở thành trung tâm giáo dục và cái tên "priven" cũng được sử dụng.

Các nhà sư lãnh đạo nền giáo dục tu viện ở Sri Lanka. Đặc điểm tương tự có thể được nhận thấy trong nền giáo dục của phương Đông và phương Tây. Các trường Phật học là cơ sở giáo dục quan trọng nhất và có nhiều nhất trong thời Trung cổ ở Tây Âu. Thuật ngữ "giáo dục tu viện" bao gồm rất nhiều hoạt động đa dạng theo một số lượng đáng kể (Shawal; Ruberu, 1998). Các tu sĩ được tôn trọng trong xã hội như những tri thức, và việc bắt đầu giáo dục cho cả Phật tử và tu sĩ đều dựa vào các tu viện (Adhikari, 1993).

Các nhà sư đã tham gia vào giáo dục và các vị cũng trở thành giáo thọ, dạy học một cách chuyên nghiệp. Theo nhiều

nguồn tài liệu khác nhau, rõ ràng là danh tiếng của các trung tâm giáo dục chính như Maha Viharaya và Abhayagiriya, thuộc về giáo dục tu viện ở Sri Lanka, đã lan rộng và nổi tiếng ngay cả ở nước ngoài.

Ananda Jayawardena (2020), Ranjith Ruberu (1998) và những người khác nói rằng các chương trình giảng dạy và phương pháp giảng dạy, bằng cấp danh hiệu, uy tín đều đạt tiêu chuẩn cao. Cũng có thể thừa nhận rằng trường Phật học vẫn ở vị thế ngày càng cao hơn cho đến thời kỳ thuộc địa ở Sri Lanka. Theo đó, bài viết nghiên cứu này dự kiến sẽ tìm hiểu những đặc điểm nổi bật và đặc thù có thể nhận diện được trong nền giáo dục tu viện cổ xưa của Sri Lanka.

2. TÁC PHẨM VĂN HỌC

Sự xuất hiện của người Aryan và sự thành lập vương quốc Sinhalese được coi là sự khởi đầu của nền văn minh Ceylon. Sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử giáo dục ở đất nước này sau khi thành lập Vương quốc Sinhalese là việc Mahinda thành lập Phật giáo vào khoảng giữa thế kỷ III (Ruberu, 1998). Nền giáo dục ở Sri Lanka bắt đầu như một di sản từ sự xuất hiện của Mahinda Thero (Mahindagamaya), và có thể được công nhận qua việc trường phát triển một cách có hệ thống. Nhưng Ruberu (1998) chỉ ra rằng Maha Vamsa cho thấy hệ thống giáo dục khởi đầu như thế này hoàn toàn giống với hệ thống giáo dục Phật giáo của Ấn Độ cổ đại. Ở Ấn Độ cũng như ở Tích Lan, giáo dục là đặc quyền của các nhà sư. Việc giáo dục Phật tử tại gia cũng được coi là một nhiệm vụ.

Theo Mahavamsa, Kalapasada Pirivena được vua Devanampiyatissa xây dựng vào thế kỷ I, được coi là pirivena lâu đời nhất ở Sri Lanka (Keerthirathne, 2020). Trong số những công trình kiến trúc khác do Vua Ema xây dựng có 68 hang động đá ở Mihintale. Tiến sĩ U.D. Jayasekara nói rằng

hang **động** Mihindu có thể là trung tâm giáo dục đầu tiên và nhóm các nhà sư Sri Lanka đầu tiên có thể đã được giáo dục tôn giáo ở đó (Vijithananda Thero, 2003).

Tuy nhiên, Đại Tịnh xá có thể được công nhận là nền tảng cho sự xuất hiện chính thức của truyền thống tu viện Sri Lanka. Maha Vihara có thể coi là trung tâm tôn giáo đầu tiên cũng như trung tâm giáo dục của truyền thống Nguyên Thủy.

Sau đó, Abhayagiriya cũng được bắt đầu theo truyền thống giáo dục Nguyên thủy. Ngay sau truyền thống tu viện Abhayagiri, trường Phật học đã trở thành một ngôi chùa thuộc truyền thống Đại thừa do tình hình khủng hoảng. Kể từ đó, các phương pháp giáo dục mới bắt đầu xuất hiện ở Sri Lanka **(***Wimalakhanthi Thero & Amitharathana Thero, 2021*). Những tổ chức đặt nền móng cho các tiêu chuẩn giáo dục đại học này đã tồn tại ở Anuradhapura trong nhiều thế kỷ cho đến thế kỷ XI (Wijeratne, 2008). Cũng có thể coi việc thành lập "AshtaMulayatana" là một sự phát triển của nền giáo dục tu viện này. Vijayaba Pirivena ở Kotte, tọa lạc tại Thotagamuva, có nguồn gốc từ Uttaramula, trong khi IrugalKulathilaka Pirivena có nguồn gốc từ Galathutrumula (Keerthirathne, 2020). Theo đó, nền giáo dục tu viện, bắt đầu với Mahindagamana, được phát triển với Sangamittagamana.

Trong lịch sử, có thể xác định một số giai đoạn phát triển quan trọng của nền giáo dục tu viện Sri Lanka, chẳng hạn như Thời kỳ Bình luận, viết Kinh điển *Pali* trên lá bối, ảnh hưởng của Phật giáo Đại thừa và nhiều cuộc xâm lược khác nhau. Theo thời gian, nền giáo dục tu viện đã trở nên rất tiên tiến. Những nơi có số lượng đáng kể các Tỳ kheo cư trú và nơi việc theo đuổi học thuật phát triển mạnh có thể được gọi là "*piriven*" hoặc "*pirivenas*". Chương trình giáo dục của tu viện cũng bao gồm các môn văn hóa và dạy nghề. Giáo dục tôn giáo có một vị trí quan trọng và chương trình giảng dạy bao gồm ngữ pháp, mỹ thuật, văn học, lịch sử, số học, chiêm

tinh và y học (*Ruberu, 1998*). Bằng cách này, rõ ràng là nền giáo dục tu viện truyền thống cổ xưa đã trở thành trung tâm giáo dục cho cả giáo dân và giáo sĩ. Cũng có thể thừa nhận mô hình giáo dục được thực hiện rất bài bản và xuất sắc.

3. MỤC TIÊU

Mục đích của bài viết này là nghiên cứu những đặc điểm độc đáo của giáo dục tu viện, được coi là sự khởi đầu của giáo dục địa phương cổ xưa ở Sri Lanka, và sự xuất sắc của hệ thống giáo dục ở đây.

4. PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Bài viết này được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu định tính và thuộc phương pháp nghiên cứu lịch sử. Theo đó, các nguồn sơ cấp và thứ cấp được sử dụng để thu thập dữ liệu. Dữ liệu được phân tích bằng phân tích bối cảnh.

5. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Giáo dục tu viện có thể được gọi là nền tảng phát triển duy nhất trong lịch sử Sri Lanka. Những kiến thức cơ bản và đầy đủ cần thiết cho thời đại đều có được từ sự giáo dục của các tu viện. Tu viện là nơi học tập của trẻ em hoàng gia cũng như dân thường. Mọi người đến chùa để học cao hơn mặc dù họ chỉ học cơ bản từ nhà làng.

Một số tòa nhà được gọi là Kalapasada Pirivena, Sunatha Pirivena, Digha Chankamana Pirivena, Phalagga Marugana Pirivena và những tòa nhà khác cũng tồn tại trong thời kỳ Anuradhapura. Tại những pirivena nhỏ này, có những tu sĩ được giáo dục về Phật Pháp và các ngành khoa học khác. Ngoài ra, trong khu vực còn có nhiều cơ sở giáo dục. (Ranasinghe, 2015). Mahavihara, Abhayagiriya, Jetavana,

Ashtamulayathana và nhiều nơi khác được coi là các cơ sở giáo dục lớn có thể được coi là những yếu tố trong vấn đề này. Rõ ràng từ nhiều nguồn văn học khác nhau rằng sự xuất sắc của nó đã được lan truyền ra nước ngoài.

Có thể xác định được nhiều đặc điểm nổi bật của nền giáo dục tu viện:

- **Sự tồn tại của nền giáo dục tu viện dưới sự hướng dẫn của các nhà sư trí thức học giả.**

Một đặc điểm nổi bật của nền giáo dục tu viện là được truyền đạt bởi các nhà sư (Ruberu, 1998). Kiến thức tôn giáo và các chủ đề trong đời sống sinh hoạt cần thiết cho cả người dân và Phật tử đều do các tu sĩ cung cấp. Tăng đoàn xem kiến thức, đạo đức và kinh nghiệm tích lũy được theo tuổi tác (hạ lạp) là những phẩm chất cơ bản của một giảng viên, giáo thọ. Theo đó, chỉ có các học giả trí tuệ uyên bác mới có thể trở thành giáo thọ. Các giáo thọ của tu viện được biết đến với cái tên upajjhaya và acharya (Upali, 2021). Những bậc giảng viên này đã cung cấp sự dạy học, truyền giáo miễn phí, cúng dường, mà không thu bất kỳ lợi ích tài chính lương bổng nào.

- **Giáo dục miễn phí**

Giáo dục tu viện cổ xưa là miễn phí (Ruberu, 1998). Giáo dục miễn phí được trao cho tất cả mọi người mà không có sự phân biệt giữa Phật tử **và** giảng sư, đây là một đặc điểm nổi bật của giáo dục tu viện.

Các vị giáo thọ được bảo vệ bởi các Phật tử của các ngôi tu viện. Các vị vua Sinhalese đã ban sự bảo trợ của hoàng gia cho các ngôi chùa bằng cách cúng dường đất đai. Ban hộ trì Tam bảo cũng thực hiện nhiều khoản quyên góp kêu gọi khác nhau. Việc bảo trì các ngôi tu viện Phật học có thể thực hiện

được nhờ những đặc tính này. Theo đó, giáo dục được cung cấp miễn phí và phổ biến cho tất cả mọi người.

- **- Bình đẳng**

Sự chênh lệch về giới tính, đẳng cấp hoặc giàu nghèo không ảnh hưởng đến giáo dục nên hệ thống giáo dục dựa trên bình đẳng đã được triển khai (Upali, 2021; Ruwanpathirana, Udayanga, Lakmali, 2021). Trẻ em hoàng gia và dân thường trong làng cũng tham gia vào việc học miễn phí về giáo dục tu viện. Mahavamsa đề cập đến những trường hợp trong đó con trai của các vị vua ngày xưa tham gia vào việc tu học trong các ngôi chùa và sau này trở thành vua. Cũng có thể thấy rằng những người bình thường được đào tạo từ các tu viện và trở thành những chuyên gia khác nhau, chẳng hạn như giáo viên và bác sĩ. Theo đó, điều đặc biệt là nền giáo dục dựa trên sự bình đẳng đã được thực hiện ở đó.

- **Tích hợp các chủ đề thế tục**

Có thể thừa nhận rằng có nhiều chương trình giảng dạy khác nhau trong giáo dục tu viện với cả khía cạnh trần tục và siêu thế.

1. Giáo dục tôn giáo
2. Ngữ pháp
3. Prosody
4. Hình thái lời nói
5. Pali và tiếng Phạn
6. Văn học
7. Lịch sử
8. Số học

9. Chiêm tinh học
10. Nghề y
11. Nghệ thuật
12. Điêu khắc
13. Ngành kim loại
14. Bắn cung
15. Công nghệ xây dựng
16. Ngành hàng hải
17. Nông nghiệp
18. Ngoại ngữ (Pali, Phạn, Tamil)
19. Ngành công nghiệp thủy lợi

Vì vậy, chương trình giảng dạy của tu viện cổ xưa đã được trải rộng trên một khu vực rộng lớn *(Ruberu, 1998; Jayawardene, 2020*). Giáo sư Ananda Jayawardena (2020) chỉ ra rằng phần lớn các môn học này có thể đã được thực hiện ở các cơ sở giáo dục đại học như Mahavihara, Abhayagiriya và Jetavanaya. Nên móng **tàn tích** của các trường Phật học này vẫn còn thấy cho đến ngày nay.

- **Giáo dục nghề nghiệp**

Việc đưa vào nhiều môn học chuyên môn khác nhau trong nền giáo dục tu viện cho thấy tính độc đáo của nền giáo dục tu viện này. Thực tế là người ta đã có kiến thức sâu rộng về những ngành nghề này rõ ràng từ những tàn tích còn sót lại cho đến ngày nay. Tất cả các đặc điểm kiến trúc bằng đá của các tu viện Phật giáo, chẳng hạn như cột, dầm, tấm, bài vị, cầu thang, đá bảo vệ, hàng rào, bồn tiểu và cửa ra vào đều có mức độ hoàn thiện cao về độ hoàn thiện, độ chắc chắn và trang trí (*Amarasekara, 2017).* Rõ ràng từ nhiều nguồn khảo cổ và văn

học khác nhau rằng nghề y cũng ở trình độ cao trong giáo dục nghề nghiệp của tu viện. Nhìn chung, bên trong tu viện này là các tòa nhà dân cư, tòa nhà dịch vụ, sân thượng, lối đi và các tòa nhà dịch vụ như nhà vệ sinh, bồn tiểu, nhà tắm nước nóng lạnh và ao hồ (*Amarasekara, 2017*).

Hồ Thisa và Hồ Basavakkulama là những ví dụ về nghành công nghiệp thủy lợi và các ví dụ về công nghệ xây dựng là *Ruwanvelisaya, Satmahala Prasadaya (tháp bảy tầng) và Lowamahapaya.* Những công trình này vẫn còn cho đến ngày nay.

Giáo dục văn học và học thuật cũng có thể được nhìn thấy trong các tác phẩm như *Sikhavalanda và Sikhavalanda Vinisa, Dharmapradipikawa, Dampiya Atuva Geta Padaya, Chandas và Alankara, cũng như qua thơ Sasandavata và Muwadevdavata. Chúng vẫn còn ở đó tới ngày nay.*

Như được thể hiện trong các ghi chép lịch sử như Mahavansaya, Hoàng tử *Tissa* tham gia vào nông nghiệp để đạt được mục tiêu tự cung tự cấp, góp phần thống nhất đất nước dưới sự cai trị của Vua Dutugemunu.

Sri Lanka được mệnh danh là Peradiga Dhanyagaraya (Vựa lúa phía Đông) trong số các quốc gia khác và nền nông nghiệp tự cung tự cấp như vậy đã tồn tại trong quá khứ. Sự tồn tại của nền nông nghiệp tiên tiến như vậy có thể được coi là kết quả của giáo dục.

Theo đó, người ta tiết lộ rằng nền giáo dục chuyên nghiệp cao hơn đã tồn tại trong nền giáo dục tu viện cũ và một nền giáo dục với nhiều môn học khác nhau đã được thực hiện.

- **Giáo dục tu viện và quan hệ đối ngoại**

Sinh viên nước ngoài đến tu học tại Sri Lanka, còn sinh viên Sri Lanka đi học ở nước ngoài. Đó là một đặc điểm nổi

bật của nền giáo dục tu viện.

Các nhà sư đã đến Đại học *Nalanda* ở Ấn Độ để học cao hơn sau khi hoàn thành chương trình giáo dục đại học tại *Abhayagiri (Jayawardene, 2020).* Theo đó, các tổ chức giáo dục đại học như *Abhayagiriya* đã được công nhận ở nước ngoài. Theo Đại sư Pháp Hiển, sau khi nghe một bài giảng của một hòa thượng nước ngoài tại Abhayagiriya, Ngài cho biết ngay cả những bài giảng của các nhà truyền đạo nước ngoài cũng đã được triển khai trong tổ chức giáo dục đại học (*Jayawardene,* 2020).

Có thể thừa nhận rằng các tu sĩ nước ngoài cũng đã đến Sri Lanka và theo học bậc cao hơn. Mối quan hệ đối ngoại được xác nhận bằng cách đề cập rằng những người như Buddhaghosa Thero, Visakha, Dharmapala, Peethimalla và Jappa Thero đã đến Sri Lanka, theo đuổi nền giáo dục đại học (*Jayawardene, 2020)*.

Ngoài ra, có thể nhận ra một số đặc điểm đặc biệt của hệ thống giáo dục tu viện cổ xưa ở Sri Lanka khi xem xét vai trò của nó.

Ưu tiên nghiên cứu tôn giáo, giáo dục tu viện ban đầu đặt trọng tâm đáng kể vào giáo lý tôn giáo và sự phát triển tâm linh. Văn học tôn giáo, Tam Tạng và các hướng dẫn tôn giáo khác thường được nghiên cứu như một phần của chương trình giảng dạy. Để nâng cao kiến thức về tôn giáo và hướng dẫn việc thực hành tâm linh của mình, các tu sĩ đã nghiên cứu giáo lý tôn giáo.

- **Phát triển toàn diện**

Phát triển toàn diện: Giáo dục tu viện tìm cách thúc đẩy không chỉ sự phát triển trí tuệ mà còn cả sự phát triển về tinh thần, đạo đức và cá nhân. Trường Phật học cố gắng phát triển

những đức tính như lòng từ bi, chánh niệm, tự chủ và vị tha rộng lượng. Bởi vì văn phòng Buddha Sasana phụ thuộc vào kỷ luật nên việc phát triển kỷ luật là rất quan trọng. Sự phát triển của đạo đức và việc tìm kiếm trí tuệ được nhấn mạnh, vượt ra ngoài kiến thức học thuật đơn thuần.

- **Đóng góp xã hội**

Các chương trình giáo dục tu viện đã mang lại lợi ích cho xã hội một cách rộng rãi hơn, cũng như cộng đồng tu sĩ. Trong quá khứ, các tổ chức tu viện đã thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau, bao gồm chăm sóc sức khỏe, sức ảnh hưởng chính trị và thậm chí cả nghĩa vụ quân sự. Ngoài ra, họ đã giúp các nền văn hóa tương ứng của họ phát huy các lý tưởng văn hóa và xã hội. Ngoài ra, giáo dục tu viện còn có tác dụng bên ngoài cộng đồng tu viện. Các cơ sở tu viện đã **đào** tạo ra những tu sĩ có học vấn tri thức cao và những người cư sĩ tiếp tục đảm nhận vai trò lãnh đạo có ảnh hưởng trong chùa và xã hội.

- **Kỹ năng thực hành và khả năng tự lập**

Kiến thức thực tế và tính độc lập là những phần thiết yếu của giáo dục tại các tu viện ở Sri Lanka cổ đại. Thuật ngữ "kỹ năng thực tế" và "sự tự lập" đề cập đến nhiều loại kỹ năng và kiến thức giúp con người trở nên tự chủ hơn có thể đáp ứng các yêu cầu của mình. Một số trong số họ được liệt kê dưới đây.

Các kỹ năng tự lập cơ bản đã được dạy trong các tu viện, chẳng hạn như cung cấp kiến thức về khái niệm lưu trữ thực phẩm, sản xuất lương thực, làm vườn và trồng lương thực cho riêng mình, các kỹ năng sống cơ bản như nấu ăn, vệ sinh, quản lý nước và thực hành môi trường như xử lý đất hữu cơ và thu gom nước mưa.

- **Nghiên cứu văn học**

Hệ thống giáo dục Sri Lanka cổ đại đặt ưu tiên cao cho nghiên cứu văn học như một phần của giáo dục tu viện. Các cơ sở giáo dục và tu viện đã bổ sung vào lịch sử văn hóa và trí tuệ phong phú của đất nước. Tôn giáo, văn học và nghệ thuật được nhấn mạnh trong các tu viện. Để cung cấp cái nhìn sâu sắc về thực tiễn văn học vào thời điểm đó, nghiên cứu đã kiểm tra xem liệu thư viện có tồn tại hay không và thư viện được sử dụng như thế nào ở Anuradhapura cổ đại. Điều này được xác nhận bởi các tác phẩm văn học như Sikavalanda và Sikhawalanda Vinisa, Dharmapradipikawa, Dhampiya Atuva Geta padaya, Amavathura, Butsarana, và những bài thơ khác như "Sasandavata" và Muwadevdavata" được viết trong thời kỳ tu học.

- **Bằng chứng về sự xuất sắc của nền giáo dục tu viện ở Sri Lanka**

Ký sự hành hương của Đại sư Pháp Hiền và Huyền Trang có thể được xem là một ví dụ về sự xuất sắc của nền giáo dục tu viện. Từ những báo cáo này, tình trạng giáo dục tu viện đã được phân tích kỹ lưỡng.

Báo cáo của Pháp Hiền, một nhà sư Trung Quốc đã đến thăm hòn đảo này vào năm 412, cho biết có khoảng 3.000 nhà sư thường trú sống ở Maha Vihara. Amarasekara nói rằng Silva đã đề cập đến nó trong cuốn sách của mình:

"*Thông tin này, do Pháp Hiền đưa ra, đã được kiểm chứng một cách khoa học dưới dạng chiếc xuồng chở cơm trong phòng khất thực của tịnh xá Abhayagiri bằng cách sử dụng thể tích của một chiếc bát khất thực vào thế kỷ V và bằng công thức toán học đổ rỗng chiếc bình nhiều lần đến mức đáp ứng được sức tải của ca nô chở lúa.*"

Kết quả thuyết phục nhất khi cuộc thử nghiệm được lặp lại tại Mahavihara có 3.000 tu sĩ và tại Mihinthale nơi có 2000 tu sĩ." (Amarasekara, 2017)

Theo ký sự của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang vào thế kỷ VII đề cập rằng danh tiếng của các trường đại học Phật giáo lan rộng khắp thế giới như những cơ sở giáo dục đại học với những ngôi chùa lớn.

"Acharyan Vahanse (vị thầy đáng kính nhất) biết rằng có một đất nước tên là Sinhala ở giữa đại dương. Hòn đảo đó đã trở nên xuất sắc vì có những vị sư uyên bác thuộc hệ phái Nguyên thủy và có những vị có thể giải thích các *Yoga Shastras"* (*Ruberu*, 1998).

6. KẾT LUẬN

Nền giáo dục tu viện cổ xưa ở Sri Lanka có từ thế kỷ III trước Công nguyên, bắt đầu với sự xuất hiện của Ngài A La Hán Maha Mahinda. Ngài đã thành lập Phật giáo ở Sri Lanka và nhiều người đã trở thành tu sĩ. Các vị sư được dạy và học giáo pháp trong tu viện, do đó tu viện trở thành một trung tâm giáo dục Phật giáo. Trường Phật học dần dần phát triển và các tổ chức giáo dục rất cao như *Mahavihara, Abhayagiriya và Jetavanaya* đã được thành lập. Theo thời gian, tên *piriven* sau đó đã được sử dụng. Hệ thống giáo dục được tổ chức thành giáo dục tiểu học, trung học và đại học. Có thể xác định một số giai đoạn phát triển quan trọng của nền giáo dục tu viện Sri Lanka, chẳng hạn như Thời kỳ học thuật sớ giải, viết Kinh điển Pali trên lá bối, ảnh hưởng của Phật giáo Đại thừa, vv… Sự tồn tại của giáo dục tu viện dưới sự hướng dẫn của các tu sĩ học giả, giáo dục miễn phí, bình đẳng, giáo dục trần tục và siêu thế, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục tu viện và quan hệ đối ngoại, phát triển toàn diện, đóng góp xã hội, kỹ năng thực hành, tự lập, đọc và nghiên cứu văn học có thể được chỉ ra

như là những đặc điểm nổi bật của nền giáo dục tu viện ban đầu ở Sri Lanka.

Nguồn tham khảo

- Abesinghe, Wickramanayake.1999. *Monastery Education in Ancient Sri Lanka.* Wijesooriya Grantha Kendraya. Mulleriyawa.
- Adhikari, A.1993. *Sri Lankāwē sambhāvya adhyāpanaya ha mahā sangana* [The intellectual education of Sri Lanka and the Buddhist Sangha]. Colombo: Sri Dhara Publishers.
- Amarasekara, S. 2017. "Buddhist Meditation Monasteries in Ancient Sri Lanka*." Journal of Arts and Humanities*, 6 (01), 59–68. Available. https://theartsjournal.org/index.php/site/article/download/1085/529/3942
- Dunuwila, Chandra. 2013. *Anurādhapura Yughayē Adyāpana Paddhathiya*. Colombo: Godage Publications.
- Jayawardene, Ananda. 2020. *Lankawe Perani Dēshiya Adyāpanaya.* Kottawa: Sara Book Publication.
- Keerthirathne, W.K.D. 2020. "A Study on Evolution of Pirivena as an Educational Institute from Past to the Present in the History of Traditional Education in Sri Lanka." *International Journal of Humanities and Social Science Invention*, https://www.ijhssi.org/papers/vol9(6)/Series-4/G0906044145.pdf
- Ranasinghe, S.K. 2015. "Perani Lakdiva Adyāpanaya: Pansal saha Pirivena Asrithava sidukerena

Aithihāsika Adyanayak." 10th National Conference on Buddhist Studies, University of Jayawardenepura, http://dr.lib.sjp.ac.lk/handle/123456789/1616/browse?order=ASC&rpp=20&sort_by=1&etal=-1&offset=60&type=title

- Ruberu, Ranjith 1998. *Sri Lankā Adyāpanaya, 1*. Colombo: S. Godage Publication.
- Ruwanpathirana, Nirosha, Udayanga, Samitha, Lakmali, BKD. 2021. "Living on Borrowed Identity: Negotiating the Challenges of Sri Lankan Pirivena Education and Upholding the Identity as Buddhist monks." *Journal of Social Sciences and Humanities Review* (JSSHR) Vol. 6, No. 1 (20-38) ISSN:2279–3933, https://www.hss.ruh.ac.lk/JSSHR/Articles/Vol6Iss1/Paper_2/Vol6Iss1P2.pdf
- Shawal, Malik. *Monasticism: Origin, Rules and Impact.* Retrieved from https://www.yourarticlelibrary.com/education/monasticism-origin-rules-and-impact/69159 on September 2, 2023.
- Upali, M.Madhuka Ruwanthi 2021. *Perani Sri Lankawe ārāmika Adyapanaya Pilibanda*
- *Vimarshanāthamaka Adyayanayak.* IBCPB 2020 Conference, University of Kelaniya. http://repository.kln.ac.lk
- Wimalakhanthi Thero, G. et al 2021. *Abhinandana Grantha Mālā - Issue 01*. Amitharathana thero, U and Wimalakhanthi, G. "Pariwena Sankalpaye Kūtaprāpthiaya sanituhan karana Ashta Mūlayathana Pilibanda Aithihāsika Adyayanayak.".Anuradhapura: Bhiksu University of Sri Lanka.

2.7.

LỜI DẠY CỦA PHẬT VỀ NỀN HÒA BÌNH TOÀN CẦU

Đại đức Kalubovitiyana Soratha

Trợ giảng Khoa Khoa học Xã hội và Nghiên cứu So sánh
Đại học Bhiksu Anuradapura, Sri Lanka

Email: sorathakalubovitiyana@gmail.com

Tóm Tắt

Nghiên cứu này được thực hiện theo phương pháp nghiên cứu định tính và được thực hiện dựa trên vấn đề liệu giáo lý Phật giáo có thể được áp dụng cho hòa bình toàn cầu hay không. Mục đích của nghiên cứu này là chỉ ra rằng hòa bình toàn cầu chỉ dựa trên sự thay đổi tư duy triết học của mỗi cá nhân. Con người trong thế giới hiện đại có xu hướng khám phá nhiều loại mô hình triết học khác nhau

và phát triển trí tuệ của mình bằng cách tiếp thu tinh hoa của những triết lý đó.

Triết lý Phật giáo dựa trên tinh thần bất bạo động và được xem là một trong những triết lý hòa bình vĩ đại nhất trên thế giới. Đức Phật ủng hộ các đệ tử của mình truyền bá lòng từ bi trên toàn thế giới là tấm gương mẫu mực trong việc lan tỏa lòng tốt ngay cả đến các vi sinh vật. Theo lời dạy của Đức Phật, chúng ta nên trải lòng nhân ái đến mọi chúng sinh giống như một người mẹ yêu thương đứa con trai duy nhất của mình vô điều kiện. Đức Phật đã chỉ rõ bản chất của tâm người chưa giác ngộ và dạy rằng hay tức giận khi bị người khác xúc phạm. Vì ham muốn vô tận nên chúng ta dễ dính mắc vào các vật chất và phi vật chất trên thế gian, trở nên hư hỏng do không làm chủ sự xấu xa của tâm buông lung. Vì vậy, Phật giáo nhấn mạnh rằng hòa bình là cách duy nhất để làm tâm trí chúng ta tĩnh lặng. Sự bình đẳng là một trong những giáo lý vĩ đại nhất của Phật giáo, và nó không bao giờ phân biệt đối xử với mọi người dựa trên tôn giáo và đẳng cấp của họ. Đức Phật mô tả con người dựa trên hành vi đạo đức của họ. Cuối cùng, một người đàn ông được đánh giá qua hành vi đạo đức của vị ấy, bất kể những đặc điểm thể chất nào mà vị ấy có. Theo đó, giải pháp duy nhất để thiết lập hòa bình toàn cầu trên thế giới là mang lại những thay đổi về mặt triết học trong tư duy. Đức Phật đã nêu ra nhiều phương pháp thiết thực để diệt trừ sân hận, hận thù, tham lam và khuyến khích các đệ tử của Ngài duy trì mối quan hệ lành mạnh với người khác. Những lời dạy đó rất hữu ích cho việc phát triển sự rộng lượng, hòa bình và từ bi. Tóm lại, những lời dạy của Đức Phật nêu trên có thể được áp dụng để xây dựng một xã hội hòa bình.

Hòa bình là gì?

Hòa bình có thể được xác định theo nhiều cách khác nhau;

do đó nó có nhiều hình thức khác nhau. Hầu hết mọi người nghĩ về hòa bình là sự vắng mặt của chiến tranh. Giáo dục hòa bình có nghĩa là tìm hiểu và học tập vì hòa bình. Vì vậy, học về hòa bình có nghĩa là đạt được kiến thức và hiểu biết về điều gì góp phần tạo nên hòa bình, điều gì gây tổn hại cho hòa bình, điều gì dẫn đến chiến tranh, "hòa bình" nghĩa là gì ở mỗi vai trò và các cấp độ khác nhau được kết nối với nhau như thế nào.

Học tập hòa bình có mức độ giá trị khác nhau. Học vì hòa bình có nghĩa là học các kỹ năng, thái độ và giá trị mà một người cần có để đóng góp và duy trì hòa bình. Ví dụ, điều này có nghĩa là học cách giải quyết các xung đột mà không cần đến bạo lực, học cách suy nghĩ sáng tạo, học cách áp dụng các phương pháp bất bạo động tích cực hoặc học cách giải quyết những khác biệt văn hóa một cách xây dựng và đúng đắn. Không thiếu những định nghĩa về hòa bình. Nó có thể được định nghĩa là sự vắng mặt của chiến tranh hoặc các hoạt động thù địch khác.

- Không tranh cãi và bất đồng; quan hệ hài hòa, tức là bạn cùng phòng sống hòa thuận với nhau.
- Trật tự an ninh công cộng, tức là "bị bắt vì tội gây rối trật tự công cộng."
- Sự hài lòng bên trong, sự thanh thản, tức là sự an tâm.
- Hạnh phúc là khi những gì bạn nghĩ, những gì bạn nói và những gì bạn làm đều hòa hợp với nhau." (Mahatma Gandhi)
- Không gì bằng quay trở lại một nơi không thay đổi để tìm ra con đường mà chính bạn đã thay đổi." (Nelson Mandela)

Những quan điểm khác nhau về hòa bình

Ban đầu, có hai khía cạnh khác nhau của hòa bình, hòa bình tiêu cực và hòa bình tích cực. Nó có thể được xây dựng như dưới đây:

- Hòa bình tiêu cực là sự vắng mặt của bạo lực trực tiếp (thể chất, lời nói và tâm lý) giữa các cá nhân, nhóm và chính phủ.

- Hòa bình tích cực không chỉ là sự vắng mặt của bạo lực; đó là sự hiện diện của công bằng xã hội thông qua cơ hội bình đẳng, phân phối quyền lực và nguồn lực một cách công bằng, bảo vệ bình đẳng và thực thi pháp luật một cách khách quan. Nói chung, khái niệm hòa bình tích cực liên quan đến việc loại bỏ các nguyên nhân sâu xa của chiến tranh, bạo lực, bất công và nỗ lực có ý thức nhằm xây dựng một xã hội phản ánh những cam kết này. Hòa bình tích cực giả định sự liên kết của mọi sự sống.

Phật giáo là gì?

Phật giáo là một tôn giáo dựa trên lời dạy của Đức Phật Thích Ca (Thái tử Siddhartha, Bồ tát Gautama), người sống cách đây 25 thế kỷ ở khu vực ngày nay là Nepal, Đông bắc Ấn Độ. Ngài được gọi là "Đức Phật", có nghĩa là "người thức tỉnh", sau khi Ngài trải nghiệm sự nhận thức sâu sắc về bản chất của sự sống, cái chết và sự tồn tại. Trong những năm còn lại của cuộc đời, Đức Phật du hành và giảng dạy. Tại sao Đức Phật không dạy cho mọi người điều mà Ngài đã giác ngộ khi chứng ngộ? Thay vào đó, Ngài dạy mọi người cách nhận ra sự giác ngộ cho chính tâm mình. Đức Phật dạy rằng sự thức tỉnh đến từ trải nghiệm trực tiếp của chính mình, không phải qua niềm tin và lời cầu nguyện của người khác.

Phật giáo nói gì về hòa bình và cách giải quyết xung đột một cách hòa bình

Nói chung so với các tôn giáo lớn trên thế giới, ý nghĩa cốt lõi của Phật giáo là tôn giáo hòa bình. Những câu kệ bằng tiếng Pali (*Theravadin*) trong Kinh Pháp Cú đã nói rõ điều này. "Hận thù không bao giờ được xoa dịu bằng hận thù. Hận thù chỉ được xoa dịu bằng tình thương yêu (hoặc không thù hận). Đây là một quy luật vĩnh cửu." (Kinh Pháp Cú, Bài kệ 5)

Thuật ngữ Pali cho "luật vĩnh cửu" ở đây là Pháp, hay giáo lý Phật giáo. Câu kệ về sự không thù hận này liên quan đến giáo lý cơ bản của đức tin Phật giáo – hòa bình và không gây hại.

Phật giáo dạy rằng chúng ta có hòa bình toàn cầu hay chiến tranh toàn cầu là tùy thuộc vào chúng ta vào mọi thời điểm. Tình hình không phải là vô vọng và nằm ngoài tầm tay của chúng ta. Nếu chúng ta không làm gì thì ai sẽ làm? Hòa bình hay chiến tranh là quyết định của chúng ta. Mục tiêu cơ bản của Phật giáo là hòa bình, không chỉ hòa bình trên thế giới này mà còn hòa bình trên khắp hành tinh. Đức Phật dạy rằng bước đầu tiên trên con đường đi đến hòa bình là hiểu được tính chất của hòa bình. Khi chúng ta hiểu điều gì tạo nên hòa bình, chúng ta biết phải hướng nỗ lực của mình vào đâu. Nói cách khác, chúng ta có thể thực hiện nhiều hành động hữu ích để tìm kiếm hòa bình. Nhưng nếu trước tiên chúng ta không giải quyết những vấn đề cơ bản thì mọi hành động khác sẽ chẳng có kết quả gì. Đức Phật dạy rằng tâm an lạc sẽ dẫn đến lời nói hòa bình và hành động hòa bình. Nếu tâm chúng sinh bình an thì thế giới sẽ bình an. Vì vậy, trước hết có thể nhìn vào quan điểm của Đức Phật về thế giới, kể cả tính chất hoạt động của nó. Cuối cùng, sau khi đã phát triển một khuôn khổ lý thuyết Phật giáo để hiểu bản chất của vấn đề và giải pháp của nó, chúng ta có thể cố gắng áp dụng những nguyên tắc cơ bản trong việc tìm kiếm những ứng dụng cụ thể nhằm tạo ra

hòa bình ở mọi nơi mà chúng ta có thể thực sự áp dụng vào đời sống hàng ngày của mình.

Các khía cạnh của thế giới quan Phật giáo

Đức Phật không thừa nhận bất kỳ sự phân chia thiết yếu nào về tình trạng tinh thần của con người và các dạng sống khác. Trên thực tế, theo giáo lý Phật giáo, sau khi chết, con người sẽ tái sinh, có thể tái sinh làm người hoặc có thể ở các cõi súc sinh hoặc các cõi khác. Tương tự như vậy, trong một số trường hợp, động vật có thể tái sinh thành con người. Tất cả chúng sinh được coi là đang trải qua vòng luân hồi bất tận của bánh xe tái sinh. Họ sinh ra, già đi, bệnh tật và chết. Họ tái sinh, già đi, bệnh tật và chết, hết lần này đến lần khác

Nghiệp: Mạng Lưới Nhân Quả

Điều quyết định việc chúng ta tái sinh như thế nào là nghiệp. Dù chúng ta có thân người, nam hay nữ, thân con vật hay một dạng sống nào khác đều là nghiệp. Dù thân thể khỏe mạnh hay đau yếu, dù thông minh hay ngu ngốc, dù gia đình bạn giàu hay nghèo, dù cha mẹ từ bi hay nhẫn tâm – tất cả đều là nghiệp. Nghiệp đề cập đến hoạt động - tinh thần, lời nói và thể chất được điều chỉnh bởi các mô hình nhân quả phức tạp. Có hai khía cạnh của nghiệp. Nghiệp cá nhân không bị giới hạn trong một đời. Những gì chúng ta đã làm trong kiếp trước sẽ quyết định hoàn cảnh của chúng ta trong cuộc sống hiện tại. Nếu chúng ta đã làm những việc tốt trong các kiếp trước, kết quả sẽ là một tái sinh tốt lành. Nếu những hành động của chúng ta trong các kiếp trước phần lớn là xấu, thì hoàn cảnh ở hiện tại sẽ không tốt lành. Nếu trong đời này hành động giống một con vật hơn là một con người, thì lần tái sinh tiếp theo sẽ là một con vật.

Phần kết luận

Tóm lại, bài viết này xem xét những lời dạy cơ bản của Đức Phật góp phần xây dựng và gìn giữ hòa bình trên thế giới. Một thế giới quan của Phật giáo dựa trên nguyên tắc duyên khởi, phân tích nguyên nhân của xung đột và bạo lực, cũng như các thủ tục ra quyết định có sự tham gia và giao tiếp cởi mở trong các tổ chức xã hội sẽ cung cấp thông tin và cung cấp những (bỏ:con đường)hướng đi hữu ích cho các phương pháp tiếp cận lý thuyết và ứng dụng dựa trên nghiên cứu trong hòa bình. Hơn nữa, Phật giáo có giá trị đích thực là bất bạo động và từ bi. Phật giáo cũng sẽ truyền cảm hứng cho mọi người trên con đường hòa bình. Xem xét những thực tế trên, sự sáng suốt, kiên trì và chủ động sáng tạo để nhận ra những khả năng vô hạn tiềm ẩn trong thực tại duyên khởi, hòa bình, từ quan điểm Phật giáo, là thực tế hơn và có thể đạt được. Điều này chắc chắn có thể được sử dụng để tạo ra hòa bình cho mọi người xung quanh chúng ta mà không có bất kỳ giới hạn nào.

Thư mục tham khảo

- Amaro, Ajahn. *Finding the Missing Peace*, UK: Amaravati Buddhist Monastery, 2015.
- Bronkhorst, Johannes. *Greater Magadha: Studies in the Cultures of Early India*. (Series: *Handbook of Oriental Studies*, Section 2, South Asia Series). The Netherlands: Brill Academic Publishers Inc., 2007.
- Buswell, Robert E., ed. *Encyclopedia of Buddhism*, New York: MacMillan Library Reference, 2004.
- Carrithers, Michael. *The Buddha*. Oxford: Oxford University Press, 1983.
- Crawford, S. Cromwell. Review of "Brahmanism,

Buddhism and Hinduism" by Lal Mani Joshi," *Philosophy East and West,* 1972.

- Gethin, Rupert. *Foundations of Buddhism*. Oxford: Oxford University Press, 1998.
- Gethin, Rupert. *Sayings of the Buddha*. Oxford: Oxford University Press, 2008.
- Gyatso, Geshe Kelsang. *How to Solve Our Human Problems*. A: Tharpa Publications, 2004.

2.8.

PHẬT GIÁO LÀ GÌ VÀ ĐỨC PHẬT LÀ AI?

Thượng tọa Panadure Dumindalankara

Giảng viên Khoa Pali và Phật học, Đại học Peradeniya

Email: dumindalankarap@gmail.com

Lời Giới thiệu

Thế giới là nơi có rất nhiều tôn giáo. Bao gồm Phật giáo, Nho giáo, Thần đạo, Kỳ Na giáo, Cơ đốc giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo và những tôn giáo khác. Vậy Phật giáo khác với các tôn giáo khác trên thế giới như thế nào? Phật giáo là một hệ thống trí tuệ thực tế, vì điều này, Phật giáo tiếp tục được phổ biến mở rộng phạm vi ảnh hưởng hàng ngày.

Phật giáo là một truyền thống tâm linh sâu sắc và cổ xưa bắt nguồn từ những lời dạy của Siddhartha Gautama, được gọi là Đức Phật. Phật giáo bao gồm một loạt các thực hành triết học, đạo đức và thiền định, hướng dẫn các cá nhân trên con đường chuyển hóa hướng tới giác ngộ và giải thoát khỏi đau khổ.

Phật giáo ngày càng bị đặt câu hỏi liệu đó là một tôn giáo hay một triết học? Bất kể danh xưng gì, Phật giáo vẫn tồn tại. Dù chúng ta có đặt tên gì đi nữa, Phật giáo sẽ luôn như vậy, nhãn hiệu không quan trọng.

Trong cuốn sách "*Đức Phật dạy những gì*", *Walpola Rahula* trích dẫn vở kịch Romeo và Juliet của Shakespeare: "Một bông hồng dù có tên khác cũng sẽ có mùi ngọt ngào" và giải thích rằng ý nghĩa của một cái tên là không liên quan; nếu ai đó chọn một cái tên thay thế cho hoa hồng hương thơm của nó vẫn không thay đổi, nên việc gọi Phật giáo là tôn giáo hay triết học đều không quan trọng, quan trọng nhất là thông điệp của Đức Phật.

Phật giáo khuyến khích sự phát triển lòng từ bi và lòng nhân ái đối với tất cả chúng sinh, khuyến khích hành vi đạo đức dựa trên việc kiềm chế làm tổn thương người khác và quan tâm đến hạnh phúc của họ với niềm tin vào sự phụ thuộc lẫn nhau của cuộc sống và khả năng phổ quát được phản ánh trong lòng từ bi này. Quan điểm vượt ra ngoài một cá nhân để bao gồm tất cả chúng sinh.

Nhiều tôn giáo phụ thuộc vào người khác. Phật giáo khác với điều đó. Theo Phật giáo, vị trí của con người là tối cao. Con người là chủ nhân của chính mình, và không có đấng tối cao hay quyền lực nào có thể phán xét số phận của con người. Một câu chuyện ngụ ngôn phổ biến nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tìm kiếm sự bảo vệ của thần thánh thông qua lời cầu nguyện, đồng thời nhấn mạnh tính thực tế của việc

thực hiện các biện pháp phòng ngừa, chẳng hạn như khóa cửa khi rời đi vào ban đêm. Nó nêu bật quan điểm của Phật giáo, cho thấy rằng việc chỉ dựa vào sự bảo vệ của thần thánh mà không chịu trách nhiệm cá nhân có thể không đảm bảo an toàn cho ngôi nhà của bạn. Câu chuyện ngụ ngôn này cung cấp một cái nhìn sâu sắc ngắn gọn về bản chất của Phật giáo.

Phật giáo là một con đường tâm linh sâu sắc đưa ra sự hướng dẫn cho những cá nhân tìm kiếm sự giải thoát khỏi đau khổ và nhận ra bản chất thực sự của mình. Thông qua đời sống đạo đức, thiền định, trau dồi trí tuệ và từ bi, người Phật tử mong muốn giác ngộ được chân lý tối hậu và mang lại hòa bình, hòa hợp cho chính mình và thế giới. Đức Phật, còn được gọi là Siddhartha Gautama, là một vị thầy tâm linh có ảnh hưởng, là người sáng lập Phật giáo. Ra đời ở Ấn Độ cổ đại vào thế kỷ VI trước Công nguyên, cuộc đời và giáo lý của Đức Phật đã có tác động sâu sắc đến hàng triệu người trên toàn cầu.

Lời dạy của Đức Phật nhấn mạnh đến tính vô thường và mối liên hệ hỗ tương của vạn vật. Ngài ủng hộ việc chấm dứt đau khổ bằng cách thực hành Bát Chánh Đạo, bao gồm hành vi đạo đức, chánh niệm và thiền định. Thông qua những thực hành này, các cá nhân có thể giải thoát bản thân khỏi vòng sinh tử và tái sinh, đạt được trạng thái giác ngộ gọi là Niết Bàn. Những lời dạy đặc trưng của Đức Phật là lòng từ bi, trí tuệ và sự hiểu biết sâu sắc về thân phận con người. Ngài khuyến khích những đệ tử trau dồi chánh niệm, phát triển lòng nhân ái, sống một cuộc sống liêm chính về đạo đức. Những lời dạy của Ngài đã gây được tiếng vang với mọi người từ nhiều nguồn gốc khác nhau, vượt qua ranh giới văn hóa và xã hội.

Ngày nay, Đức Phật được tôn kính như một vị thầy hướng dẫn tâm linh và một nhân vật được kính trọng nhất trong Phật giáo. Tác động sâu sắc của Ngài đối với thế giới được thể hiện

rõ ràng qua việc thực hành Phật pháp. Di sản của Đức Phật đóng vai trò là nguồn cảm hứng cho những người tìm kiếm sự bình an nội tâm, trí tuệ và giải thoát khỏi đau khổ, khiến Ngài trở thành biểu tượng vượt thời gian của sự giác ngộ và lòng từ bi.

Vấn đề nghiên cứu

Vấn đề nghiên cứu chính được giải quyết trong nghiên cứu này là khám phá bản chất của Phật giáo cũng như cuộc đời và giáo lý của Siddhartha Gautama, điều tra các khía cạnh lịch sử, triết học và văn hóa của Phật giáo để cung cấp sự hiểu biết toàn diện về tôn giáo.

Mục tiêu nghiên cứu

Mục đích chính của nghiên cứu này là làm sáng tỏ sự phức tạp của Phật giáo bằng cách xem xét các nguyên tắc, thực hành chính và bối cảnh lịch sử mà nó bắt nguồn. Ngoài ra, nghiên cứu này nhằm mục đích làm sáng tỏ cuộc đời và giáo lý của Siddhartha Gautama, với mục tiêu cung cấp nguồn tài liệu toàn diện và dễ tiếp cận cho những người quan tâm đến Phật giáo.

Phần kết luận

Đức Phật, với tư cách là một nhân vật lịch sử và một vị thầy tâm linh sâu sắc, đã hướng dẫn chúng ta cách trở về với trí tuệ và lòng nhân ái trong mỗi chúng ta. Những lời dạy của Ngài về đau khổ, bản chất của thực tại và con đường dẫn đến giải thoát đã có tác động lâu dài đến nhân loại. Bằng cách đi theo con đường mà Ngài đã vạch ra, các cá nhân có thể trau dồi chánh niệm, lòng từ bi và cuối cùng tìm được sự giải thoát khỏi đau khổ.

Thư mục tham khảo

- Conze, Edward. *Buddhism: Its Essence and Development.* New York: Harper & Row, 1959.
- Gethin, Rupert. *The Foundations of Buddhism*. Oxford, UK: Oxford University Press, 1998.
- Harvey, Peter. *An Introduction to Buddhism: Teachings, History, and Practices*. New York: Cambridge University Press. 2013.
- Keown, Damien. *Buddhism: A Very Short Introduction*. Oxford, UK: Oxford University Press, 2003.
- Lopez, Donald S. Jr. The Story of Buddhism: A Concise Guide to Its History & Teachings. San Francisco: HarperOne. 2001.
- Walpola, Rahula. *What the Buddha Taught*. New York: Grove Press, 1974.

2.9.

TẠI SAO CÁC TUYÊN ÚY PHẬT GIÁO LẠI QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SRI LANKA:

KHÁM PHÁ VAI TRÒ CỦA TUYÊN ÚY TRONG VIỆC HỖ TRỢ TINH THẦN VÀ PHÚC LỢI SINH VIÊN

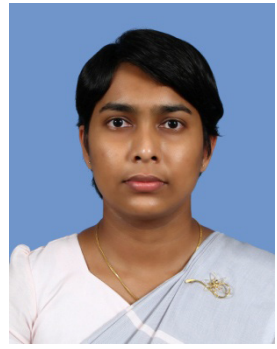

H. M. Leena Madhavi Munasinghe

Giảng viên Khoa Pali và Phật học, Đại học Peradeniya

Chuyên môn: Triết học, nền tảng tâm lý của Phật giáo, tôn giáo thế giới và giáo lý Phật đà.

Email: leenamadhavi123@gmail.com

Lời Giới thiệu

Với một vị trí chuyên nghiệp và tình nguyện hoằng pháp rộng rãi, nhà tuyên úy đóng góp đáng kể vào các bối cảnh xã hội khác nhau trên khắp thế giới, chủ yếu ở Châu Âu và Châu Mỹ. Nhu cầu về Tuyên úy Phật giáo gần đây đã tăng lên ở nhiều quốc gia phát triển. Trách nhiệm của tuyên úy đã đóng góp đáng kể cho xã hội. Các tuyên úy Phật giáo tham gia vào nhiều hoạt động tôn giáo ở nhiều quốc gia khác nhau, nơi họ có thể tiếp cận được, chẳng hạn như chăm sóc tâm linh, tư vấn, cầu nguyện, hướng dẫn thiền định và nhiều dịch vụ cộng đồng khác ngoài việc tôn trọng và giữ gìn sự hòa hợp tôn giáo. Tuyên úy[39] đang tích cực làm việc và đóng góp cho nhiều nơi làm việc, bao gồm bệnh viện, trường đại học, tu viện nhà tù và các lực lượng vũ trang. Định nghĩa sau đây có thể được xem xét khi xác định "Ai là tuyên úy Phật giáo?"

"*Các tuyên úy tìm thấy nghề nghiệp của họ với những người tìm kiếm sự chăm sóc liên tôn giáo và các đồng nghiệp ở những nơi thế tục, trái ngược với các tu sĩ được phong chức, những người thường thực hiện các vai trò phục vụ trong các cuộc họp cộng đồng có chủ ý trong không gian thiêng liêng."*[40]

Ngoài việc đóng góp đáng kể vào việc đánh giá cao và hiểu biết về sự đa dạng tôn giáo, sự hiện diện của tuyên úy trong các trường đại học còn đóng vai trò lớn hơn trong việc đảm bảo hòa bình và khả năng phục hồi bất chấp sự tồn tại của nhiều tổ chức tôn giáo. Trường Harvard Divinity College, Southwestern University, Yale, và nhiều trường đại học nổi

39. Thuật ngữ "giáo sĩ" là các cư sĩ tại gia được sử dụng trong bài viết này để chỉ một người tận tâm phục vụ cộng đồng vì sự kiên cường và hạnh phúc của nhân loại

40. Monica Sanford, "Kalyāṇamitra: Một mô hình chăm sóc tâm linh Phật giáo," Academia.edu , Tháng 11 năm 2020, https://www.academia.edu/44573829/Kaly%C4%81%E1%B9%87amitra_A_Model_for_Buddhist_Spiritual_Care? (truy cập ngày 23 tháng 7 năm 2023).

tiếng khác ở Mỹ có các tuyên úy đảm nhận nhiều vai trò khác nhau, trong đó có một số tuyên úy Phật giáo đang cung cấp những dịch vụ đáng chú ý cho các trường đại học và cộng đồng mà họ làm việc cùng. Không chỉ vậy, những trường đại học đó còn đào tạo ra những tuyên úy có trình độ chuyên môn, có thể phục vụ tại những nơi làm việc nói trên. Các tuyên úy Phật giáo đang làm tốt hơn việc tham gia vào các hoạt động tôn giáo và dịch vụ xã hội của mình mà không can thiệp vào các niềm tin tôn giáo khác trong một xã hội như nước Mỹ, nơi mà sự đa dạng tôn giáo rất đáng kinh ngạc.

Ở Sri Lanka, một quốc gia có nguồn gốc từ Phật giáo Nguyên thủy, các nhà sư thực hiện tỷ lệ hoạt động tôn giáo nhiều hơn các nữ tu hoặc Phật tử tại gia. Hầu hết mọi người đều có quan điểm cho rằng tu sĩ là người phải chịu trách nhiệm và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của một vị tuyên úy. Ngoại trừ danh tính của họ là một tu sĩ thuộc Bộ Phật giáo của chính phủ Sri Lanka, các sư Tăng đóng vai trò lớn hơn trong công việc tuyên úy ở đất nước này (mặc dù họ không tự giới thiệu mình là tuyên úy Phật giáo cũng như không có người được cấp phép làm như vậy ở các quốc gia khác). Khi nói đến những người tham gia vào các chức vụ vượt xa chức vụ xuất gia hoặc chỉ đơn thuần là cư sĩ, có một khoảng trống rõ ràng trong nước, đặc biệt là về sức mạnh tổng hợp tiềm năng giữa những công việc này và các dịch vụ tư vấn đại học cần phải được khắc phục.

Với sự nhấn mạnh quan trọng vào việc ngăn chặn những điều nghiêm trọng như tự tử, sự hợp tác này là chìa khóa để giải quyết những mối quan tâm quan trọng mà sinh viên phải đối mặt. Với những vấn đề liên quan đến thanh niên mà phần lớn sinh viên đại học ở Sri Lanka đang gặp phải, việc thiết lập một chức năng như vậy trong môi trường học thuật dường như là một điều cần thiết cấp bách. Ban giám hiệu trường đại học có trách nhiệm thừa nhận nhu cầu này và thực hiện các

biện pháp thích hợp để cung cấp sự giúp đỡ rất cần thiết cho những sinh viên gặp khó khăn. Mặc dù thực tế là cả cố vấn chuyên môn và tu sĩ Phật giáo đều hỗ trợ rất nhiều cho các cá nhân bằng cách hỗ trợ về mặt tinh thần và các hình thức hỗ trợ khác, nhưng việc thấy cả hai đều hoạt động cùng nhau trong một môi trường chuyên nghiệp ở Sri Lanka là điều không bình thường.

Điều quan trọng là học sinh, sinh viên phải nhận được sự đào tạo cần thiết để điều chỉnh suy nghĩ và cảm xúc của mình khi đối phó với thực tế cuộc sống hàng ngày. Nếu một tuyên úy Phật giáo sẵn sàng giải quyết những thách thức mà sinh viên đại học ở Sri Lanka đang phải đối mặt, thì họ sẽ có thể tham gia đầy đủ nhất có thể nhờ sự hiểu biết sâu sắc hơn về giáo lý tâm lý của giáo lý Phật giáo. Ban quản lý trường đại học đang rất cần cải thiện sự ổn định về tinh thần của sinh viên, đặc biệt là trong bối cảnh đất nước đang phải trải qua những bất ổn. Nghiên cứu này nhằm mục đích làm nổi bật giá trị của sự tham gia của các tuyên úy Phật giáo vào các dịch vụ giải quyết các vấn đề tâm lý ảnh hưởng đến giới trẻ và trình bày một số phương pháp mà họ có thể sử dụng để cộng tác nhằm cải thiện sức khỏe tinh thần của học sinh, sinh viên.

Vấn đề nghiên cứu

Nghiên cứu này xem xét những gì các tuyên úy Phật giáo có thể cung cấp cho các trường đại học ở Sri Lanka trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến thanh thiếu niên, thúc đẩy hạnh phúc và khả năng phục hồi giữa các nhóm tôn giáo khác nhau nhằm nâng cao sự hiểu biết, từ đó thúc đẩy các nhà chức trách trường đại học quyết định xem họ có nên thuê các tuyên úy trong tương lai hay không.

Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu của việc tích hợp chức năng tuyên úy Phật giáo vào hệ thống học thuật Sri Lanka là hoàn thành một số mục tiêu.

- Để hiểu được bối cảnh thể chế và bản sắc của các tuyên úy Phật giáo.
- Để xác định tác động công việc của họ đối với nhân viên, sinh viên và tổ chức của họ.
- Các thành phần chính của việc tích hợp tâm linh vào cuộc sống hàng ngày bao gồm cảm giác được khuyến khích khi giải quyết các vấn đề khó khăn trong cuộc sống, trải nghiệm sự phát triển về mặt tinh thần, tăng xu hướng tìm kiếm sự trợ giúp của học sinh, chăm sóc tôn giáo, tham gia công việc tình nguyện và cầu nguyện.
- Tìm hiểu mối quan hệ giữa phát triển tôn giáo và phát triển tâm lý.
- Làm thế nào các tuyên úy có thể hỗ trợ sinh viên phát triển quan điểm của họ đối với chủ nghĩa đa nguyên tôn giáo và những tác động tiềm ẩn mà nó có thể gây ra, đặc biệt là đối với sức khỏe tinh thần?

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này là một phân tích văn bản sử dụng phương pháp định tính. Để đạt được những phát hiện mới, việc phân tích chủ đề sẽ được tiến hành bằng cách sử dụng một số tác phẩm văn học được phát hành trong mười năm qua làm tài liệu tham khảo. Vì đây là nghiên cứu văn bản dựa trên văn học nên cần phải xem xét và tìm hiểu sách, bài báo và các tài liệu nghiên cứu khác để đưa ra kết luận. Các bài nghiên cứu được viết bởi Monica Sanford cũng như một số người khác

thảo luận về cách thức phong trào tuyên úy được lan truyền ở các quốc gia đó, vai trò của họ cũng như những gì họ có thể và không thể làm trong việc phân tích những gì họ thực sự có thể thực hành và làm, đã thu hút sự quan tâm đặc biệt. Ngoài việc nêu bật những lĩnh vực chính mà các tuyên úy có thể đóng góp, các tài liệu nghiên cứu liên quan nói trên sẽ cố gắng giải quyết các vấn đề phải được tính đến phù hợp, và phù hợp với mô hình hiện có của các trường đại học ở Sri Lanka. Ngoài ra, sẽ chú ý đến những khó khăn có thể xảy ra và cách để mắt tới cũng như giảm bớt chúng. Để có được kết quả nghiên cứu, việc phân tích dữ liệu được thực hiện bằng cách sử dụng các chủ đề nói trên. Các nguồn tài liệu hiện tại về tuyên úy Phật giáo sẽ được sử dụng để thu thập dữ liệu trong nghiên cứu này; đặc biệt là một số nguồn cung cấp nhất định như tài liệu nghiên cứu, bài báo, sách và thông tin từ Internet.

Giới hạn

Nghiên cứu này chỉ sử dụng các nguồn cung cấp được xuất bản bởi các tuyên úy Phật giáo đang tích cực phục vụ trong công việc tuyên úy ở Mỹ và Anh. Đây là một nghiên cứu mô tả dựa trên văn bản. Do thực tế là nó vẫn chưa được áp dụng trong các trường đại học Sri Lanka nên nghiên cứu này không thể được trình bày như một nghiên cứu thực nghiệm. Hy vọng sẽ chứng minh được mức độ hữu ích của các trường đại học khi đóng vai trò này trong việc giải quyết nhiều vấn đề khác nhau liên quan đến thanh thiếu niên bên cạnh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác thông qua nghiên cứu mô tả dựa trên văn học. Ngoài ra, nhà nghiên cứu đặc biệt tập trung vào những kinh nghiệm bản thân có được trong quá trình học đại học và sau đại học cũng như thời gian làm giảng viên.

Kết quả và thảo luận

Kết quả của nghiên cứu này được xem xét sau khi thực hiện nghiên cứu văn học một cách cẩn thận về một số văn bản được chọn lọc. Kết quả nghiên cứu được phân tích theo các chủ đề sau.

I. CÁC TUYÊN ÚY PHẬT GIÁO Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÓ THỂ LÀM GÌ VÀ HỌ CÓ THỂ ĐÓNG GÓP NHƯ THẾ NÀO?

1. Sự đa dạng của các tôn giáo và tuyên úy Phật giáo.

Xây dựng cầu nối với các cộng đồng tôn giáo khác nhau là một trong những mối quan tâm chính mà các tuyên úy thực hiện trong khuôn viên trường, nhưng vẫn chưa rõ công việc này sẽ ảnh hưởng đến sinh viên như thế nào[41]. Các kết luận mà nghiên cứu này đưa ra có thể khác nhau tùy theo các nội dung văn bản của Sri Lanka. Có thể đóng góp lớn cho các chương trình tuyên úy Phật giáo tại một cơ sở như Đại học Peradeniya, vì phần lớn sinh viên là Phật tử, tuy nhiên, xây dựng mối liên hệ là một nỗ lực đầy thách thức và phải được xử lý hết sức nhạy cảm. Tuy nhiên, điều quan trọng cần lưu ý là sinh viên từ nhiều tôn giáo khác có thái độ tích cực hơn đối với Phật giáo, đây có thể là một đặc điểm có lợi.

2. Cung cấp sự hướng dẫn tinh thần và hỗ trợ tâm lý cho những học sinh đang đối mặt với những tổn thương tinh thần khác nhau.

Một vấn đề quan trọng của các vị tuyên úy Phật giáo là họ

41 Elena G. van Stee, Taylor Paige Winfield và những người khác, "Đánh giá sự gắn kết của sinh viên với trường học" Tuyên úy: Một nghiên cứu thí điểm từ một người theo chủ nghĩa tự do dân cư," Tạp chí Đại học và Nhân vật 22, không. 3 (ngày 23 tháng 8 năm 2021), https://doi.org/10.1080/2194587X.2021.1939721 (truy cập ngày 28 tháng 7 năm 2023).

phải có khả năng sử dụng những lời dạy của Phật giáo để giải quyết các vấn đề tâm lý dành riêng cho giới trẻ. Có lẽ quan trọng hơn, nó phải tôn trọng, không hạn chế quyền thực hành các tôn giáo khác. Một tuyên úy Phật giáo tôn trọng đức tin của những người đang tìm kiếm sự giúp đỡ. Nó không nên lên án hoặc gây áp lực cho ai đó từ bỏ niềm tin tôn giáo của họ. Do đó, những sinh viên tìm kiếm sự tư vấn và hỗ trợ tâm lý phải cải thiện đáng kể và sự phát triển phải được các tuyên úy ghi lại để công việc, sự tiến bộ của họ phải được tính toán cho các đánh giá trong tương lai. Nếu tổ chức cho phép, họ cũng có thể cộng tác với các dịch vụ y tế khác ở đó để giải quyết một số khó khăn liên quan đến giới trẻ mà họ gặp phải. Đối với những người quan tâm, các tuyên úy có thể thường xuyên hướng dẫn các công việc như cầu nguyện và hướng dẫn thiền định ở một địa điểm thích hợp vào một thời điểm nhất định.

Theo *Monica Sanford*, mặc dù nhiều học giả mô tả Bồ Tát như một mô hình truyền cảm hứng cho các vị tuyên úy Phật giáo, vì mô hình này chủ yếu giới hạn ở Phật giáo Đại thừa và Kim cương thừa, việc áp dụng mô hình kalyānamitra (bạn đồng hành/cố vấn tâm linh) là lý tưởng thích hợp nhất cho một người muốn trở thành một tuyên úy Phật giáo[42].Vì vậy, tuyên úy là người có thể được coi như một người bạn tâm linh trong cuộc sống của những người tìm kiếm sự chăm sóc. Một tuyên úy cũng có thể điều hành một chương trình cụ thể để thảo luận về các kinh Phật bao gồm nhiều lời dạy tâm lý của Đức Phật nhằm hiểu được việc nghiên cứu kinh có thể góp phần làm cho cuộc sống thành công như thế nào.

42 Monica Sanford, "Kalyāṇamitra: Một mô hình chăm sóc tâm linh của Phật giáo," Academia.edu, tháng 11 năm 2020,https://www.academia.edu/44573829/Kaly%C4%81%E1%B9 %87amitra_A_Model_for_Buddhist_Spiritual_Care? (truy cập ngày 23 tháng 7 năm 2023).

3. Tham gia tích cực vào việc giúp đỡ những học sinh bị ảnh hưởng bởi thảm họa quốc gia, môi trường và cá nhân

Trong một số trường hợp, các tuyên úy Phật giáo có thể tiếp cận những sinh viên bị ảnh hưởng bởi thảm họa quốc gia, môi trường hoặc cá nhân. Ví dụ, trong hoàn cảnh lũ lụt, họ có thể chủ động tổ chức các ban sinh viên để tiếp cận những cá nhân bị ảnh hưởng và sơ cứu cho họ về thể chất và tinh thần bằng cách tổ chức các chiến dịch quyên góp. Một tuyên úy Phật giáo phải có khả năng đảm bảo, hỗ trợ và thể hiện sự quan tâm tích cực vô điều kiện đến những cá nhân đang cần giúp đỡ, bất kể nhiều nhóm dân tộc. Một tuyên úy Phật giáo phải có khả năng đảm bảo hòa bình và hòa hợp của dân chúng bằng cách lôi kéo họ vào những cuộc thảo luận hòa bình và thuyết phục họ rằng mục tiêu của họ không phải là chuyển đổi họ sang Phật giáo mà là thực sự hỗ trợ họ khi họ cần sự hỗ trợ về tinh thần và thể chất.

4. Tạo điều kiện cho các cuộc trò chuyện khó khăn giữa các nhóm khác nhau trong khuôn viên trường

Không có một tài liệu nghiên cứu nào được thiết kế dựa trên bối cảnh của Sri Lanka vì chức năng tuyên úy Phật giáo vẫn chưa hoạt động trong bang. Mặc dù một tỷ lệ nhỏ người Sri Lanka đã nghe nói về các tuyên úy Thiên chúa giáo, nhưng đại đa số họ tin rằng đây là một hoạt động mà chỉ những người theo đạo Cơ đốc mới tham gia. Nhiều tu sĩ đã du hành đến Châu Âu và Hoa Kỳ hiện đang ghi danh vào các chương trình tuyên úy và tổ chức các chương trình tuyên úy, được cấp phép làm tuyên úy Phật giáo. Bhante Kusala, một tuyên úy Phật giáo hiện đang sống ở Boston, Massachusetts, sinh ra ở Sri Lanka đã chia sẻ những hiểu biết sâu sắc của mình về những năm tu tập đã giúp Ngài hiểu được mục đích của một tuyên úy Phật giáo như thế

nào. Một vấn đề rất phổ biến mà tất cả các trường đại học gặp phải khi quan tâm đến giới trẻ là thiếu các chuyên gia tích cực tham gia hướng dẫn và tư vấn, cũng như thiếu người sẵn sàng lắng nghe những cuộc nói chuyện khó chịu. Mặc dù có những nhà sư tham gia vào việc theo đuổi trí tuệ, nhưng các sinh viên không muốn thảo luận tất cả các vấn đề của họ với các nhà sư vì họ tin rằng việc trò chuyện kiểu này với các nhà sư là không đúng đắn. Vì vậy, chức vụ tuyên úy phải được thành lập để một Phật tử được đào tạo phù hợp có thể đảm nhận những nhiệm vụ đó. Điều này sẽ khuyến khích học sinh tiếp cận những tuyên úy như vậy và nuôi dưỡng thái độ tìm kiếm sự giúp đỡ nhiều hơn ở họ.

5. Tổ chức chuỗi bài giảng về tín ngưỡng đa dạng, chăm sóc sức khỏe, tâm linh Phật giáo, đa dạng tôn giáo, lời dạy của Đức Phật, các chương trình chữa bệnh tâm linh trong đó đặc biệt chú trọng đến sức khỏe tinh thần, hòa hợp tôn giáo và khoan dung với sự đa dạng tôn giáo.

Để thực sự nắm bắt được sự đa dạng tôn giáo của con người, một tuyên úy phải có khả năng lên kế hoạch cho các buổi nói chuyện và loạt bài giảng về các chủ đề liên tôn giáo và liên sắc tộc. Tuyên úy Phật giáo là người được kỳ vọng sẽ duy trì sự đoàn kết và hòa bình của nhân loại; do đó, điều quan trọng là họ phải quen thuộc với lịch sử của các tôn giáo khác nhau. Như Sanford đề cập, các cố vấn Phật giáo khám phá những thách thức khác nhau trong công việc của họ, bao gồm giao tiếp liên tôn giáo và liên văn hóa về các chủ đề khác nhau như kinh nghiệm siêu việt.[43] Việc tiến hành và tạo ra các sắp xếp cần thiết để diễn thuyết tự do về các thông tin tôn giáo

43 bài viết được trình bày tại hội nghị thường niên của Học viện Tôn giáo Hoa Kỳ, Denver, Colorado, ngày 17 tháng 11 năm 2018, trang web: https://www.academia.edu/37805886/Theological_Reflection_Without_Theo_Buddhist_Chaplains_making_Transcendent_Connections_in_Inter_Religious_Spiritual_Care?email_work_card=view-paper (truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2023).

khác nhau giúp cải thiện sự hiểu biết của con người và mối quan hệ với các cộng đồng khác.

Nghiên cứu phát hiện ra rằng khi xem xét đến hoạt động của tuyên úy Phật giáo đang hoạt động trên khắp thế giới, điều quan trọng cần lưu ý là vai trò của tuyên úy ở mỗi tổ chức khác nhau,[44] vẫn chưa có tiêu chuẩn chung để được quốc tế công nhận. Để xác định ý nghĩa và vai trò của giáo sĩ, điều này theo một cách nào đó cho chúng ta ý tưởng tích cực trong việc thiết kế vai trò tuyên úy Phật giáo phù hợp với khía cạnh văn hóa và xã hội. Trong khi các tuyên úy là nhân viên tâm linh và tôn giáo duy nhất tại một số trường cao đẳng, thì ở các quốc gia khác, có những vị trí bổ sung thực hiện các nhiệm vụ tôn giáo gần giống như giáo sĩ, nhà cố vấn tôn giáo hay tuyên úy Phật giáo. Có một số yếu tố quan trọng cần xem xét khi cố gắng tích hợp chức vụ tuyên úy vào hệ thống học thuật Sri Lanka. Quan trọng hơn, các cơ quan có thẩm quyền cần hiểu rằng đây không phải là nỗ lực nhằm chuyển đổi tín đồ của các tôn giáo khác sang Phật giáo. Vì vậy, lý do thực sự của việc giữ vai trò tuyên úy phải được trình bày với cơ quan có thẩm quyền thích hợp để thuyết phục họ rằng việc này được thực hiện với ý định chân thành và trung thực nhằm hỗ trợ các nỗ lực của xã hội giải quyết các vấn đề liên quan đến giới trẻ thúc đẩy liên nhóm với sự hài hòa và hiểu biết.

Vì sinh viên cư sĩ Phật tử chiếm đa số sinh viên ghi danh vào các trường đại học Sri Lanka, nên việc lôi kéo người cư sĩ vào những nghề nghiệp như thế này sẽ giúp thực hiện nhiệm vụ khả thi và hiệu quả hơn vì một số sinh viên cư sĩ không muốn tiếp xúc thường xuyên với các tuyên úy được phong chức, điều quan trọng là phải cho mọi người biết rằng tuyên

44 Elena G. van Stee, Taylor Paige Winfield, et al ., "Đánh giá sự tham gia của sinh viên với các tuyên úy trong khuôn viên trường: Một nghiên cứu thí điểm từ một người theo chủ nghĩa tự do dân cư," Tạp chí Đại học và Nhân vật 22, không. 3 (23 tháng 8 năm 2021): https://doi.org/10.1080/2194587X.2021.1939721 (truy cập ngày 28 tháng 7 năm 2023).

úy không chỉ là trách nhiệm của các tuyên úy được thụ phong trong tu viện. Trước khi trao cơ hội cho ai đó đảm nhận vị trí tuyên úy Phật giáo, điều quan trọng là phải tính đến tính cách, mức độ hiệu quả và sự nhạy cảm của họ trong các vấn đề liên quan đến cố vấn và kiến thức về các tôn giáo khác có liên quan trên thế giới, đặc biệt nếu họ có ít nhất một bằng cấp trong lĩnh vực nghiên cứu Phật giáo.

II. NẾU CÁC TUYÊN ÚY PHẬT GIÁO ĐƯỢC PHÉP ĐÓNG GÓP CHO HỆ THỐNG ĐẠI HỌC SRI LANKA, TRÁCH NHIỆM CHÍNH CỦA HỌ LÀ GÌ?

Như đã đề cập, không có yêu cầu nào được quốc tế công nhận đối với việc tuyển dụng các tuyên úy Phật giáo vào các tổ chức vì lý do khác nhau tùy theo tình hình. Do đó, có một số hoạt động mà một người có thể tham gia trong bối cảnh Sri Lanka nếu họ mong muốn bắt đầu con đường sự nghiệp chuyên nghiệp trong lĩnh vực tham gia này. Những hoạt động này được liệt kê dưới đây.

- Đặt sự tham gia của học sinh vào vai trò tuyên úy
- Các dự án ngăn chặn tình trạng phá rối, một trong những mối đe dọa lớn nhất đối với hệ thống đại học Sri Lanka
- Tư vấn tâm linh
- Hướng dẫn thực hành thiền
- Đối thoại liên tôn giáo
- Các dự án phục vụ cộng đồng với sinh viên đại học
- Tổ chức các chương trình giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm
- Các chương trình nâng cao nhận thức về môi trường và tác động tinh thần đến môi trường

- Các sáng kiến gây quỹ cho thanh thiếu niên có hoàn cảnh khó khăn
- Việc sử dụng sự hướng dẫn tinh thần để ngăn chặn bạo lực đối với bạn tình.

Nhiều sinh viên tốt nghiệp và những người làm việc trong lĩnh vực học thuật có thể nhầm điều này với một phương tiện để đạt được trình độ chuyên môn, sử dụng nó để chứng minh rằng họ đảm nhận một vị trí như thế này nhằm mang lại lợi ích cá nhân chứ không phải vì mong muốn thực sự phục vụ người khác và cộng đồng, tình yêu và lòng tốt. Đây không thể là một bằng cấp khác mà ai đó đang muốn đạt được để họ có thể liệt kê nó vào sơ yếu lý lịch của mình. Trước khi được giao trách nhiệm như giáo sĩ, các ứng viên phải trải qua một quá trình phỏng vấn, kéo dài thời gian thử việc để xem liệu họ có thực sự đủ tiêu chuẩn để thực hiện vai trò đó hay không.

Sự thử thách

Phải tìm thấy một số đại diện tôn giáo ở xung quanh các trường đại học Sri Lanka. Ví dụ, sinh viên đại học có quyền vào tu viện, đền thờ Hindu (kovil), nhà thờ Hồi giáo và nhà thờ Thiên chúa giáo tại Đại học Peradeniya. Các linh mục, tu sĩ, linh mục Tamil cũng như linh mục Hồi giáo hiện đang tham gia các hoạt động tôn giáo ở những nơi đó. Họ vẫn thấy lạ lùng khi thảo luận về tôn giáo như một thực thể tập hợp. Dưới đây là một số thách thức họ có thể gặp phải khi làm việc với sinh viên đại học.

- Rào cản ngôn ngữ có thể là một vấn đề.
- Thái độ rập khuôn đối với một số nhóm dân tộc nhất định do trải qua chiến tranh hoặc đánh bom trong quá khứ.
- Thiếu quan tâm đến sự hợp tác.

- Vẫn còn rất hiếm khi thấy những cuộc trò chuyện giữa các chủng tộc diễn ra trong các trường đại học.

Rào cản lớn nhất có thể là việc bắt đầu đóng vai trò lớn hơn với tư cách là một tuyên úy trong một tình huống mà chức vụ tuyên úy còn mới mẻ. Tuy nhiên, việc bắt đầu và có thể duy trì nó trong một thời gian có thể có tác động đáng kể đến thái độ của mọi người trước khi họ quen với kiểu bối cảnh này trong việc đối phó với những thách thức của loài người. Có thể nhận ra tầm quan trọng thực sự của việc có một chức năng như thế này trong một trường đại học và giáo dục mọi người vì nó có thể có ảnh hưởng đáng kể đến xã hội để cho phép điều này tiếp tục vì lợi ích của tất cả mọi người.

Phần kết luận

Việc thành lập tuyên úy Phật giáo trong các trường đại học Sri Lanka là một mục tiêu có thể đạt được nếu nó được điều chỉnh để phù hợp với cấu trúc văn hóa và kinh tế xã hội của đất nước. Tuyên úy Phật giáo có khả năng giải quyết các mối quan tâm của sinh viên đồng thời khuyến khích sự hiểu biết và hạnh phúc. Tuyên úy Phật giáo có thể được giới thiệu vào các trường đại học như một điểm tựa cho sự phát triển của nó sang các lĩnh vực khác. Quan trọng hơn, nó có thể được triển khai trong hệ thống đại học Sri Lanka như một cách tiếp cận cơ bản để giải quyết vấn đề cấp bách về tình trạng thiếu thốn, vốn là mối quan tâm lớn ở các trường đại học công lập trên cả nước. Nhìn chung, cần phải lưu ý rằng tuyên úy Phật giáo là một vai trò phải bắt đầu một cách chuyên nghiệp trong một môi trường như trường đại học nhằm thúc đẩy sự hiểu biết, khả năng phục hồi và hạnh phúc của cộng đồng sinh viên nhằm sống một cuộc sống tử tế, dịu dàng, quan tâm, và hạnh phúc.

Thư mục tham khảo

- Sanford, Monica. "Kalyāṇamitra: A Model for Buddhist Spiritual Care." *Academia.edu.* November 2020. https://www.academia.edu/44573829/Kaly%C4%81%E1%B9%87amitra_A_Model_for_Buddhist_Spiritual_Care? (accessed July 23, 2023)
- Sanford, Monica. "Kalyāṇamitra or Spiritual Friendship as a Paradigm for Buddhist Chaplains." *Academina.edu.* 2019. https://www.academia.edu/41203278Kaly%C4%81%E1%B9%87amitra_or_Spiritual_Friendship_as_a_Paradigm_for_Buddhist_Chaplains (accessed 07 23, 2023).
- Sanford, Monica. "Theological Reflection Without Theo: Buddhist Chaplains Making Transcendent Connections in Inter-Religious Spiritual Care." Paper presented at the American Academy of Religion annual conference, Denver, CO, November 17, 2018. Website:
- https://www.academia.edu/37805886/Theological_Reflection_Without_Theo_Buddhist_Chaplains_making_Transcendent_Connections_in_Inter_ReligioUSA_Spiritual_Care?email_work_card=view-paper (accessed AugUSAt 16, 2023).
- Stee, Elena G. van, Taylor Paige Winfield, et al. "Assessing Student Engagement with Campus Chaplains: A Pilot Study From a Residential Liberal." *Journal of College and Character* 22, no. 3 (AugUSAt 23, 2021): https://doi.org/10.1080/2194587X.2021.1939721 (accessed July 28, 2023).

2.10.

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA SRI LANKA TRONG VIỆC GIỚI THIỆU THÔNG ĐIỆP CAO QUÝ CỦA ĐỨC PHẬT TRÊN KHẮP THẾ GIỚI

Hòa thượng Tiến sĩ Kahawatte Siri Sumedha Thero

Chủ tịch Hiệp hội Phật giáo Ấn Độ-Sri Lanka

Trụ trì Tu viện Jambudvipa Sri Lanka, Varanasi, Ấn Độ

Email: Deerparksumedha@yahoo.com

Giới thiệu

Trải qua hàng nghìn năm, Sri Lanka đã định hình lịch sử Phật giáo và Sri Lanka đã có những đóng góp đáng kể cho cộng đồng Phật giáo toàn cầu, từ Kinh điển Pali đến lễ Vesak trên toàn thế giới. Trong hơn 2.300 năm, Sri Lanka

đã đóng vai trò là hiện thân nổi bật của Phật giáo, thể hiện ý nghĩa tinh thần và văn hóa của nó thông qua tấm thảm phức tạp giúp hiểu được sự phát triển lịch sử của đất nước. Nghiên cứu hiện tại khám phá lịch sử Phật giáo Nguyên thủy ở Sri Lanka và tác động đáng kể của nó đối với cộng đồng Phật giáo toàn cầu.

Cuộc thảo luận

Phật giáo bắt đầu như một phong trào trí tuệ và đạo đức vào thế kỷ VI trước Công nguyên với bài giảng đầu tiên của Đức Phật, Kinh Chuyển Pháp Luân, cho năm nhà tu khổ hạnh tại Vườn Nai Isipatana, Sarnath ở Banaras. (Walpola, 1956)

Phật giáo lan truyền dần dần trong suốt cuộc đời của Đức Phật dọc theo thung lũng sông Hằng tiến vào một số vương quốc ở phía Bắc Ấn Độ. Dòng chảy của các nhà truyền giáo Phật giáo đến những vùng đất xa lạ thấm nhuần tư tưởng về Dharma Vijaya được Hoàng đế Asoka khởi xướng vào thế kỷ III trước Công nguyên. Các tu sĩ Phật giáo đã mang ngọn đuốc văn hóa và văn minh Ấn Độ đi xa, đưa Ấn Độ trở thành bậc thầy văn hóa của thế giới. (Ahir, 1991)

Bên cạnh những vị vua quyền lực như Kanishka (78–101 AD), Harsha Vardhana (606–647 AD), Gupta và các hoàng gia khác đã có những đóng góp to lớn cho triết học, tôn giáo và nghệ thuật Phật giáo. Chính trong thời trị vì của Hoàng đế Asoka ở Ấn Độ, Phật giáo đã chính thức được du nhập vào Sri Lanka bởi Arahant Mahā Mahinda, con trai vĩ đại của hoàng đế, 236 năm sau Đức Phật. Đây là thời điểm đất nước nằm dưới sự cai trị của Vua Devanampiya Tissa với việc thành lập Phật giáo ở Sri Lanka, mối liên kết chặt chẽ đã được duy trì giữa hòn đảo và miền Bắc Ấn Độ. Kể từ đó, Sri Lanka chiếm một vị trí nổi bật trong cộng đồng Phật giáo trên thế giới. (K Siri, 1999)

Sri Lanka trước đây được biết đến với nhiều tên khác nhau: Tambapanni, Taprobone, Lanka, Rathnadvipa, Sihaladvipa, Serendib và Ceylon. Đây là quốc gia mà Phật giáo Nguyên thủy đã tồn tại được hơn 23 thế kỷ. Đây cũng là quốc gia có cây Bồ đề linh thiêng phát triển mạnh mẽ, là hậu duệ trực tiếp của cây Bồ đề nguyên thủy tại Bồ Đề Đạo Tràng ở Ấn Độ. Người ta tin rằng cây Bồ đề Sri Mahā Bodhi ở Anuradhapura được trồng từ một cành cắt từ cây Bồ đề thiêng lịch sử. Chính tại Sri Lanka, giáo lý nguyên thủy của Đức Phật bằng ngôn ngữ Pāli đã được ghi chép chính xác lần đầu tiên trong lịch sử vào thế kỷ I. Cũng chính từ đất nước này mà Tam tạng Pali, những lời dạy của Đức Phật, sau đó đã được giới thiệu đến các quốc gia khác và thậm chí quay trở lại Ấn Độ. (Ahir, 2000)

Chính Sri Lanka cũng đã cung cấp phương tiện để những bản Kinh này được phổ biến ở phương Tây trong thời hiện đại. Việc này được thực hiện thông qua Hiệp hội Văn bản Pali (PTS) do Tiến sĩ Rhys Davids thành lập vào năm 1881 tại London. Ông gia nhập Cơ quan Dân sự Ceylon, nơi ông học tiếng Pali từ tu sĩ Sri Lanka, Hòa thượng Sunangala Maha Thero.

Năm 313, Xá lợi Răng Phật được con gái của Vua Kalinga, Hema Mala, mang đến Sri Lanka vào thời Kirthi Sri Meghavarna. Đó là kho báu quý giá và thiêng liêng nhất của hòn đảo. Ngày nay nó được đặt tại Kandy, thủ đô cuối cùng của Sri Lanka. Phật giáo đã đặt gốc rễ cơ chế tổ chức ở Sri Lanka (Sinhaladvipa), Mynmar (Swarna Bhumi), Thái Lan (Swarna Dvipa) và các quốc gia lân cận khác kể từ thời kỳ tiền Thiên chúa giáo. Mặt khác, các tu sĩ Phật giáo đã đến Gsndhara và xa hơn ở hạ lộ Silik Road. (K Siri, 1999)

Trong thế kỷ I, Phật giáo du nhập vào Trung Quốc và các tu sĩ Phật giáo phải tiếp xúc với những Phật tử của các vị thầy Trung Quốc và các dân tộc láng giềng như Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam để được truyền cảm hứng chấp nhận

Phật giáo. Sự du nhập chính thức của Phật giáo vào Trung Quốc là vào thời Hoàng đế Ming Ti (58–76) khi Hòa thượng Dharmaraksha và Hòa thượng Kasyapa đem kinh điển và hình tượng Phật giáo vào Trung Quốc. Hòa thượng Gunabhadra, Hòa thượng Sanghavarna, Hòa thượng Gunwarman, các nhà truyền giáo Phật giáo Sri Lanka, đã đến thăm nhiều vùng của Việt Nam trong thời gian truyền bá Phật giáo ở Trung Quốc và tham gia giới thiệu Phật giáo tại Việt Nam. (Jyothi, 1997)

Từ Trung Quốc, các tu sĩ Phật giáo đến Hàn Quốc vào năm 372, Kongo San (Vajraparvata) trở thành trụ sở đầu tiên của Phật tử tại Hàn Quốc.

Sau đó, Phật giáo du nhập vào Nhật Bản năm 536 thông qua người cai trị Kudara của Hàn Quốc vào thế kỷ V. Phật giáo được du nhập vào vùng cao nguyên Tây Tạng xuyên Himalaya bởi sự khởi đầu của hai nữ hoàng của người cai trị, Btson Sgan Po mạnh mẽ. Ở Nepal, việc giảng dạy của Sākyamuni Gautama phát triển mạnh mẽ bất chấp sự sụp đổ của Cộng hòa Sākya dưới sự cai trị của Kosala. (Jyothi, 1997)

Việc truyền bá phong trào Phật pháp giờ đây đã có một ánh sáng mới khi Phật tử ở các nước phương Tây như Châu Âu, Châu Mỹ và Úc tham gia vào việc truyền bá thông điệp của Đức Phật. Người phương Tây khi họ biết đến nền văn học Phật giáo rộng lớn bằng tiếng Pali đã được Rhys Davids từ Sri Lanka khám phá, sau khi Nghị viện Tôn giáo Thế giới năm 1898 tổ chức tại Chicago, nơi Anāgarika Dharmapala, người sáng lập Hội Đại Bồ Đề, đã có bài phát biểu nổi tiếng. (Dharmapala, A., 1991)

Năm 1257, Lankavamsa là một truyền thống được thiết lập ở Thái Lan (Siyam) bởi các nhà sư đến Sri Lanka đạt được Upasmapada (xuất gia thọ đại giới). Trụ sở chính đặt tại Nakon Sri Thammarath vào khoảng thế kỷ IV, danh tiếng của Tăng đoàn Ni Sri Lanka đã lan rộng khắp nơi, đáp ứng

mong muốn của các Ni cô Phật giáo Trung Quốc đến từ Sri Lanka. Năm 1885, thế giới lần đầu tiên chứng kiến lễ kéo cờ Phật giáo năm màu tại Colombo vào ngày rằm Vesak, ngày 30 tháng 4 năm đó. Lá cờ năm màu có nguồn gốc ở Sri Lanka vào năm 1884. Ngày nay lá cờ này được treo ở mọi quốc gia theo đạo Phật cũng được công nhận là lá cờ Phật giáo quốc tế. (Ahir, 2000)

Sự đóng góp của Sri Lanka cho sự hồi sinh của Phật giáo ở Ấn Độ bắt đầu vào năm 1891 với sự xuất hiện của Anagarika Dharmapāla, một người con vĩ đại của Sri Lanka. Sau khi thành lập Hội Đại Bồ Đề Ấn Độ, Ông đã phát động một chiến dịch có hệ thống nhằm phục hưng Phật giáo tại nơi khai sinh ra nó – phong trào chấn hưng Phật giáo ở Ấn Độ. Nó còn có thêm động lực khi các nhà sư Ấn Độ được đào tạo ở Sri Lanka quay trở lại bắt đầu truyền bá Giáo pháp trong quần chúng và làm việc để giới thiệu việc nghiên cứu tiếng Pali vào các trường đại học Ấn Độ. Lịch sử Sri Lanka cho chúng ta biết các tu sĩ và tín đồ sùng đạo đã nhiều lần phải vật lộn như thế nào, thậm chí đôi khi phải hy sinh mạng sống của mình. (Ahir, 1991)

Sri Lanka đã đóng góp không nhỏ vào việc giới thiệu thông điệp cao quý của Đức Phật đến khắp thế giới. Thật khó để tin rằng ngày nay chưa có quốc gia nào khác đã làm được nhiều việc như vậy để thúc đẩy sự truyền bá của tôn giáo vĩ đại này. Ngày rằm Vesak, ngày đản sinh của Đức Phật, lần đầu tiên được giới thiệu đến nhiều nước để kỷ niệm với quy mô hoành tráng ở Sri Lanka. Bản thân từ "Vesak" là một từ tiếng Sinhalese có nguồn gốc từ từ "Vesakha" trong tiếng Pali. Hôm nay cả thế giới kỷ niệm ngày này một cách thực sự tôn giáo sau khi được chính phủ Sri Lanka công nhận theo đề nghị của Liên hợp quốc công nhận Ngày Vesak là ngày lễ quốc tế nhằm tưởng nhớ bậc thầy vĩ đại, người sáng lập Phật giáo. Năm 1950, Hội nghị Hiệp hội Phật tử Thế giới được

khai mạc tại Sri Lanka nhằm thúc đẩy tình đoàn kết, tình anh em và sự hiểu biết Phật giáo giữa các quốc gia Phật giáo khác nhau. Ý tưởng này được đưa ra bởi nhà ngoại giao và học giả vĩ đại người Sri Lanka, Giáo sư G. P. Malalasekera (chủ tịch sáng lập). Cộng đồng Phật giáo Thế giới mang ơn Sri Lanka vì không chỉ bảo tồn Tam tạng Pali (Kinh tạng Pali gồm kinh, luật, luận) một cách trọn vẹn và thuần khiết qua các thời đại, mà còn đã từng cung cấp những biểu tượng xứng đáng về sự thống nhất cho Phật giáo hiện đại thế giới.

Kết luận

Nghiên cứu hiện tại đã xác định kỹ lưỡng sự chuyển động đáng chú ý của Phật giáo từ bài giảng đầu tiên của Đức Phật vào thế kỷ VI trước Công nguyên cho đến sự lan rộng và tác động lâu dài trên toàn cầu của nó. Sri Lanka, trung tâm của Phật giáo Nguyên thủy, đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và truyền bá giáo lý của Đức Phật. Quốc đảo này đã có ảnh hưởng to lớn đến Phật giáo hiện đại bằng cách bảo tồn các giáo lý Phật giáo truyền thống bằng tiếng Pali và thúc đẩy hợp tác toàn cầu thông qua các tổ chức như Hiệp hội Văn bản Pali. Những đóng góp đặc biệt của Sri Lanka cho cộng đồng Phật giáo toàn cầu đã giúp hồi sinh Phật giáo ở Ấn Độ và truyền bá Phật giáo trên toàn thế giới. Câu chuyện lịch sử này nhắc nhở chúng ta về sức mạnh của trao đổi văn hóa, các nhà lãnh đạo tận tâm và nỗ lực của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy di sản tinh thần vượt thời gian. Di sản Phật giáo của Sri Lanka cho thấy sức mạnh của tôn giáo, tình đoàn kết và sự trao đổi văn hóa qua các thế hệ.

Xin thần mưa ban mưa kịp thời để mùa màng bội thu,

Cầu mong thế giới thịnh vượng,

Cầu mong chính quyền nhà nước công bằng.

(Devo vassatu kalen
Sassa sampatti hetu ca
Phīto bhavatu loko ca
Rāja bhavatu dhammiko)

Thư mục tham khảo

- Ahir, D. C. 1991. *Buddhism in Modern In*dia (First Edition). Delhi, India: Sri Satguru Publication.
- Ahir, D. C. 1991. *Buddhism in Modern India*. (Reissue). Delhi, India: Sri Satguru Publication.
- Ahir, D. C. 2000a. *Glimpses of Sri Lankan Buddhism* (First Edition). Delhi, India: Sri Satguru Publication.
- Ahir, D. C. 2000b. Glimpses of Sri Lankan Buddhism (Reissue). Delhi, India: Sri Satguru Publication.
- Dharmapala, A. 1991. *Return to RighteoUSAness. A Collection of Speeches, Essays, and Letters of the Anagarika Dharmapala*. Edited by Ananda Guruge. [With plates, including portraits, and with facsimiles.] First printing: Ceylon: The Government Press in 1965. Now available on Scribd, accessed September 13, 2023, https://www.scribd.com/document/515737850/Return-to-RighteoUSAness#
- Jyothi, J. 1997. Ashoka - 2300 (Ashoka Commemoration). Bauddha Dharman Kura Sabha, Calcutta, India.
- K Siri, D. 1999. *Sri Lankan Contribution to Buddhism*, Sasana Abhiwurdhi Wardhana Society, Buddhist Maha Vihara, Kuala Lumpur, Malaysia.

• Walpola, R. T. 1956. *History of Buddhism in Ceylon (Anuradhapura Period 3rd Century BC–10th Century AD*. Dehiwala, Sri Lanka: Buddhist Cultural Centre.

HÌNH ẢNH
HỘI THẢO PHẬT GIÁO TẠI ĐẠI HỌC PERADENIYA, KANDY, SRI LANKA
NGÀY 14 THÁNG 7 NĂM 2023

1. Logo của Đại học Peradeniya, Kandy

2. Khoa Giáo dục, Đại học Peradeniya, Kandy

3. Đại học Peradeniya, Diamond Jubilee

4. Khoa Phật học, Đại học Peradeniya, Kandy

5. Hòa thượng Nandawansa, HT Tiến sĩ Sumedha và Ni sư T.N. Giới Hương thắp đèn khai mạc hội thảo

6. Tiến sĩ Ekanayake, Tiến sĩ Senevirathne và Giáo sư Sethunga thắp nến

7. Các chủ toạ của hội thảo

8. Phái đoàn quý Sư cô Hương Sen cùng Hòa thượng Nandawansa và Hòa thượng Sumedha

9. MC, Giáo sư Prasad Sethunga, National Institute of Education

10. Toàn cảnh hội thảo

11. Hội trường chính

12. Hòa thượng Medagama Nandawansa đọc diễn văn chào mừng

13. Hòa thượng Tiến sĩ Kahawatte Siri Sumedha đọc diễn văn

14. Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương thuyết trình

15. Đại đức Madugalle Sudaththa trên bục thuyết trình

16. Giáo sư H.M. Mahinda Herath – Trưởng khoa Phật học

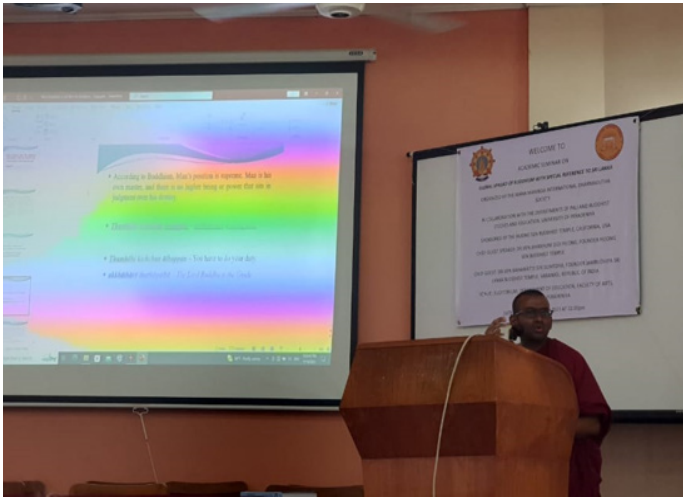

17. Đại đức Panadure Dumindalankara thuyết trình

18. Tiến sĩ Kasun Dharmasiri thuyết trình

19. Cô H.M.L.M. Munasinghe thuyết trình

20. Ni sư T.N. Giới Hương tặng quà cho Giáo sư Medagama Nandawansa

21. Bên nhau giao lưu văn hóa

22. Phòng hội thảo

23. Ni sư T.N. Giới Hương trao Giấy chứng nhận Hội thảo cho Giáo sư H.M. Mahinda Herath

24. Ni sư T.N. Gioi Hương trao Giấy chứng nhận Hội thảo cho Ts. Samarakoon Banda

25. Đoàn Việt Nam chuẩn bị quà cho các diễn giả

26. Đại biểu Hương Sen tặng quà cho toàn thể giáo sư

27. Tiến sĩ Prabath Ekanayake (Trưởng khoa Nghệ thuật) trao Chứng chỉ Hội thảo cho Ni sư T.N. Giới Hương

28. Ni sư T.N. Giới Hương ngồi nhận Bằng khen

THE MAHA MAHINDA INTERNATIONAL
DHARMADUTHA SOCIETY
in collaboration with
THE DEPARTMENTS OF PALI AND BUDDHIST STUDIES
AND EDUCATION UNIVERSITY OF PERADENIYA AND
THE HUONG SEN BUDDHIST TEMPLE, CALIFORNIA, USA
Presents this
Certificate of Participation
To Dr. Ven. Bhikkhuni TN Gioi Huong
For his/her valuable presentation of a paper titled
Buddhism from Ceylon Island
to the United States
at the seminar on
"The Global Spread of Buddhism with special reference to Sri Lanka"
held on the 14th of July 2023 at the
Auditorium, Department of Education University of Peradeniya, Sri Lanka.
Given this 14th day of July Two Thousand and
Twenty Three in Peradeniya, Sri Lanka.
Prof. Ven. Medagama Nandawansa Thera
Patron
Maha Mahinda International
Dharmadutha Society
Prof.Prasad Sethunga
Department of Education
University of Peradeniya
Sanath Ediriweera
Secretary
Maha Mahinda International Dharmadutha Society

29. Giấy chứng nhận hội thảo của Ni sư T.N. Giới Hương

30. Giấy chứng nhận hội thảo của Phái đoàn Hương Sen

31. Ni sư T.N. Giới Hương trao Giấy chứng nhận cho Đại đức M. Sudaththa

32. Ni sư T.N. Giới Hương trao Giấy chứng nhận cho đại đức Siyambalapitiye Sumedha

33. Ni sư T.N. Giới Hương trao Chứng chỉ Hội thảo cho Đại đức Alkegama Dhammarakkhita

34. Ni sư T.N. Giới Hương và đệ tử Bhikṣuṇī TN Viên Nhuận

35. Từ trái sang: Sư cô Trí Minh, Sư cô Viên Giác và Sư cô Viên Bảo

36. Trân trọng cúng dường

37. Phái Đoàn chùa Hương Sen

38. Ảnh kỷ niệm Hội thảo Kandy

TỦ SÁCH BẢO ANH LẠC

do Ni Sư Tiến Sĩ T.N. Giới Hương biên soạn

1. *Boddhisattva and Sunyata in the Early and Developed Buddhist Traditions,* Bhikṣuṇī Gioi Huong, Delhi-7: Eastern Book Linkers, 1st print 2004. Tái bản 2nd reprint 2005 & Vietnam Buddhist University: HCM City: 3rd reprint.
2. *Bồ-tát và Tánh Không Trong Kinh Tạng Pali và Đại Thừa*, Thích Nữ Giới Hương, Delhi-7: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2005. Tái bản lần 2 & 3, NXB Tổng Hợp Tp HCM, 2008 & 2010.
3. *Ban Mai Xứ Ấn* (3 tập) – *Tuyển tập các Tiểu Luận Phật Giáo*, Thích Nữ Giới Hương, Delhi-7: 2005 và 2006. Nhà Xuất Bản Văn Hóa Sài Gòn, 2008.
4. *Sārnātha - Vườn Nai – Chiếc Nôi Phật Giáo*, Thích Nữ Giới Hương, Delhi-7: 2005 và 2006. NXB Phương Đông, 2008 & 2010.
5. *Xá Lợi Của Đức Phật*, Tham Weng Yew, Thích Nữ Giới Hương chuyển ngữ, Delhi-7: 2005 và 2006. Tái bản lần 3, NXB Tổng Hợp Tp HCM, 2008.
6. *Quy Y Tam Bảo và Năm Giới*, Thích Nữ Giới Hương, Wisconsin, USA, 2008. Tái bản NXB Hồng Đức, năm 2010 & 2016.
7. *Vòng Luân Hồi*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Phương Đông, 2008, 2010, 2014 và lần thứ 4, 2016.

8. *Hoa Tuyết Milwaukee,* Thích Nữ Giới Hương, NXB Văn Hoá Sài gòn, 2008.
9. *Luân Hồi trong Lăng Kính Lăng Nghiêm,* Thích Nữ Giới Hương, NXB Văn Hóa Sài gòn, 2008, 2012, 2014 và lần thứ 4, 2016.
10. *Quan Âm Quảng Trần*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Tổng Hợp, 2010, 2012, 2014 và lần thứ 4, 2016. NXB Hồng Đức, 2018.
11. *Sen Nở Nơi Chốn Tử Tù,* nhiều tác giả, Thích Nữ Giới Hương chuyển ngữ, NXB Văn Hóa Sài gòn, 2010, 2012 và 2014.
12. *Nữ Tu và Tù Nhân Hoa Kỳ,* (2 tập), Thích Nữ Giới Hương, NXB Văn Hóa Sài gòn, 2010, 2011, 2014 và lần thứ 4, 2016. NXB Hồng Đức, 2018.
13. *Nếp Sống Tỉnh Thức của Đức Đạt Lai Lạt Ma Thứ XIV:* (2 tập), Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, năm 2012, 2014, và 2016.
14. *A-Hàm: Mưa pháp chuyển hóa phiền não*, (2 tập), Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, năm 2012, 2014, và lần thứ 3, 2016.
15. *Góp Từng Hạt Nắng Perris*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2014.
16. *Pháp Ngữ của Kinh Kim Cang*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2014. Tái bản lần thứ 2 & 3: 2015 & 2016.
17. *Tập Thơ Nhạc Nắng Lăng Nghiêm*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2014.
18. *Rebirth Views in the Śūraṅgama Sūtra,* Dr. Bhikṣuṇī TN Giới Hương, Fifth Edition, NXB Hồng Đức, 2018.
19. *Commentary of Avalokiteśvara Bodhisattva,* Dr. Bhikṣuṇī

TN Giới Hương, Fourth Edition, NXB Hồng Đức, 2018.

20. *Nét Bút Bên Song Cửa,* Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2018.
21. *Danh Ngôn Nuôi Dưỡng Nhân Cách - Good Words Nurture a Good Manner,* Thích Nữ Giới Hương sưu tầm, NXB Hồng Đức, 2020.
22. *Hương Sen, Thơ và Nhạc -Lotus Fragrance, Poem and Music* (Song ngữ Anh-Việt), Nguyễn Hiền Đức. Chuyển Anh Ngữ: Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2020.
23. *Cách Chuẩn Bị Chết và Giúp Người Sắp Chết-Quan Điểm Phật Giáo* (*Preparing for Death and Helping the Dying – A Buddhist Perspective*), Sangye Khadro, Chuyển Việt Ngữ: Thích Nữ Giới Hương, tái bản lần 5, NXB Hồng Đức, 2024.
24. *The Key Words in Vajracchedikā Sūtra*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức Publishing, 2020.

25. 32.*Văn Hóa Đặc Sắc của Nước Nhật Bản-Exploring the Unique Culture of Japan* (Song ngữ Anh-Việt)*,* Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2020.

26. *Take Refuge in the Three Gems and Keep the Five Precepts,* Thích Nữ Giới Hương, Hồng Đức Publishing, 2020.
27. *Sống An Lạc dù Đời không Đẹp như Mơ-Live Peacefully though Life is not Beautiful as a Dream* (Song ngữ Anh-Việt), Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2020.
28. *Sārnātha—The Cradle of Buddhism from an Archeological Perspective,* Thích Nữ Giới Hương, Hồng Đức Publishing, 2020.
29. *Hãy Nói Lời Yêu Thương-Words of Love and Understanding* (Song ngữ Anh-Việt)*,* Thích Nữ Giới Hương, Hồng Đức Publishing, 2020.

30. *Văn Hóa Cổ Kim qua Hành Hương Chiêm Bái -The Ancient- Present Culture in Pilgrim* (Song ngữ Anh-Việt), Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2020
31. *Cycle of Life*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2020.
32. *Nghệ Thuật Biết Sống-Art of Living* (Song ngữ Anh-Việt), Thích Nữ Giới Hương, Hồng Đức Publishing, 2020.
33. *Ni Giới Việt Nam Hoằng Pháp tại Hoa Kỳ*, Thích Nữ Giới Hương, Hồng Đức Publishing, 2020.
34. *Sharing the Dharma -Vietnamese Buddhist Nuns in the United States*, Thích Nữ Giới Hương, Hồng Đức Publishing, 2020.
35. *Tập Thơ Nhạc Lối Về Sen Nở,* Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2020.
36. *Hương Đạo Trong Đời 2022* (Tuyển tập 60 Bài Thi trong Cuộc Thi Viết Văn Ứng Dụng Phật Pháp 2022 - A Collection of Writings on the Practicing of Buddhism in Daily Life in the Writing Contest 2022), Thích Nữ Giới Hương biên soạn, NXB Hồng Đức, 2022.
37. *Hương Pháp 2022 (*Tuyển Tập Các Bài Thi Trúng Giải Cuộc Thi Viết Văn Ứng Dụng Phật Pháp 2022 - A Collection of the Winning Writings on the Practicing of Buddhism in Daily Life in the Writing Contest 2022) Thích Nữ Giới Hương biên soạn, NXB Hồng Đức, 2022.
38. *The Ceremony for Peace,* Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
39. *The Lunch Offering Ritual,* Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
40. *The Ritual Offering Food to Hungry Ghosts,* Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.

41. *The Pureland Course of Amitabha Sutra,* Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
42. *The Medicine Buddha Sutra,* Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
43. *The New Year Ceremony*, Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
44. *The Great Parinirvana Day,* Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
45. *The Buddha's Birthday Ceremony*, Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
46. *The Ullambana Festival (Parents' Day),* Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
47. *The Marriage Ceremony*, Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
48. *The Blessing Ceremony for The Deceased*, Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
49. *The Ceremony of Praising Ancestral Masters*, Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed. Hương Sen Publisher. 2023.
50. *The Enlightened Buddha Ceremony*, Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
51. *The Uposatha Ceremony (Reciting Precepts*), Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
52. *Giới Hương - Thơm Ngược Gió Ngàn,* Nguyên Hà, NXB Tôn Giáo. 2023.
53. *Pháp Ngữ Kinh Hoa Nghiêm* (2 tập). Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2023.
54. *Tinh Hoa Kinh Hoa Nghiêm*. Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2023.

55. *Buddhism: A Historical And Practical Vision,* Edited by Ven. Dr. Thich Hanh Chanh and Ven. Dr. Bhikṣuṇī TN Gioi Huong, Tôn Giáo Publishing, 2023.

56. *Phật Giáo – Tầm Nhìn Lịch Sử Và Thực Hành,* Hiệu đính: Thích Hạnh Chánh và Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2023.

57. *Contribution of Buddhism For World Peace & Social Harmony*. Buddhist Studies Seminar in Kolkata, India. Edited by Ven. Dr. Buddha Priya Mahathero and Ven. Dr. Bhikṣuṇī TN Gioi Huong, Tôn Giáo Publishing, 2023.

58. *Global Spread of Buddhism with Special Reference to Sri Lanka*. Buddhist Studies Seminar in Kandy University. Edited by Dr. Ven. Kahawatte Siri Sumedha Thero and Dr. Bhikṣuṇī TN Gioi Huong, Hồng Đức Publishing House, 2023.

59. *Buddhism In Sri Lanka During The Period of 19th to 21st Centuries*. Buddhist Studies Seminar in Colombo. Edited by Prof. Ven. Medagama Nandawansa and Dr. Bhikṣuṇī TN Gioi Huong, Hồng Đức Publishing House, 2023.

60. *Nhật ký Hành Thiền Vipassana và Kinh Tứ Niệm Xứ* - Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2024.

61. *Diary: Practicing Vipassana and the Four Foundations of Mindfulness Sutta*. Thích Nữ Giới Hương, Tôn Giáo Publishing, 2024.

62. *Dharamshala - Hành Hương Vùng Đất Thiêng, Ấn Độ, Dharamshala - Pilgrimage to the Sacred Land, India. Thích Nữ Giới Hương,* Tôn Giáo Publishing, 2024.

63. *Nghi cúng Thánh Tổ Kiều Đàm Di,* Thích Nữ Giới Hương biên soạn, NXB Tôn Giáo, 2024.

64. *Kỷ Yếu Lễ Tưởng Niệm Thánh Tổ Kiều Đàm Di tại Chùa Hương Sen năm 2024,* Thích Nữ Giới Hương biên soạn, NXB Tôn Giáo, 2024.

65. *Phật Giáo và Thánh Tích Sri Lanka*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2024.

66. Đấu Tranh Bất Bạo Động Là Nền Tảng Xây Dựng Hòa Bình Toàn Cầu (Bài thuyết trình cho Hội Nghị Thượng đỉnh về các Vấn đề Nhân đạo, An ninh Y tế và Hòa bình Toàn cầu ngày 26-31 tháng 8 năm 2024 tại Missouri, Hoa Kỳ), Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2024.

67. *Nonviolent Struggle - The Foundation for Building Global Peace* (Presentation at the Humanitarian Affairs Health Security and Global Peace Summit August 26-31, 2024, Missouri, USA). Dr. Bhikṣuṇī TN Gioi Huong, Ton Giao Publishing, 2024.

68. *The Great Contribution to World Peace and Social Harmony of Emperor Ashoka and Emperor Trần Nhân Tông* - Sự Đóng Góp cho Hòa Bình Thế Giới và An Toàn Xã Hội của Hoàng Đế A-Dục và Vua Trần Nhân Tông, Dr. Bhikṣuṇī TN Gioi Huong, Ton Giao Publishing, 2025.

69. *COVID-19: Vai trò Phật Giáo trong Việc Chữa Lành*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2025.

70. *Đại Dịch Coronavirus trong Thế Kỷ XXI*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2025.

71. *A Buddhist Nun and American Inmates.* Bhikṣuṇī T.N. Giới Hương. Hong Duc Publishing, 2025.

72. *Đóng góp của Phật Giáo cho Hòa Bình Thế Giới và Hòa Hợp Xã Hội*, Hòa thượng Tiến sĩ Buddha Priya Mahathero & Ni sư Tiến sĩ TN Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2025.

73. *Phật Giáo Sri Lanka từ Thế Kỷ 19-21*, Hòa thượng Giáo sư Medagama Nandawansa, Ni sư Tiến sĩ TN Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2025.

74. *Phật Giáo Sri Lanka từ Thế Kỷ 19-21*, Hòa thượng Giáo sư Medagama Nandawansa, Ni sư Tiến sĩ TN Giới Hương,

NXB Tôn Giáo, 2025.

75. *Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 – Tri Ân Người Khai Trí*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2025.

76. *Phật Giáo Sri Lanka từ Thế Kỷ 19-21*, Hòa thượng Giáo sư Medagama Nandawansa, Ni sư Tiến sĩ TN Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2025.

ĐĨA CA NHẠC PHẬT GIÁO
CHÙA HƯƠNG SEN

1. *Đào Xuân Lộng Ý Kinh*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, Album 1, năm 2013.
2. *Niềm Tin Tam Bảo*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Hoàng Y Vũ & Hoàng Quang Huế, Album 2, năm 2013.
3. *Trăng Tròn Nghìn Năm Đón Chờ Ai*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Võ Tá Hân, Hoàng Y Vũ, Khánh Hải, Khánh Hoàng, Hoàng Kim Anh, Linh Phương và Nguyễn Tuấn, Album 3, năm 2013.
4. *Ánh Trăng Phật Pháp*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Uy Thi Ca & Giác An, Album 4, năm 2013.
5. *Bình Minh Tỉnh Thức* (*Piano Variations for Meditation*), Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Độc Tấu Dương Cầm và Hòa Tấu: Nữ Nhạc Sĩ Linh Phương, Album 5, năm 2013.
6. *Tiếng Hát Già Lam*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, Album 6, năm 2015.
7. *Cảnh Đẹp Chùa Xưa*, Nhạc: Hoàng Quang Huế, Hoàng Y Vũ, Võ Tá Hân & Khánh Hải, Album 7, năm 2015.
8. *Karaoke Hoa Ưu Đàm Đã Nở*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, Album 8, năm 2015.
9. *Hương Sen Ca*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam

Hưng, Album 9, năm 2018.

10. *Về Chùa Vui Tu*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nguyên Hà & Nam Hưng, Album 10, năm 2018.
11. *Gọi Nắng Xuân Về*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, Album 11, năm 2020.
12. *Đệ Tử Phật*. Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Uy Thi Ca & Giác An, Album 12, năm 2023.
13. *Hoa Pháp Cú*. Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, Album 13, năm 2024.
14. *Vu Lan B*áo Hiếu. Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Uy Thi Ca, Album 14, năm 2024.
15. *Nương Bóng Từ Quang*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương và Thích Nữ Viên Nhuận, Nhạc: Nguyên Hà, Album 15, năm 2025.

Mời xem: http://www.huongsentemple.com/index.php/kinh-sach/tu-sach-bao-anh-lac

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

65 Tràng Thi, phường Cửa Nam, Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com

Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

PHẬT GIÁO TOÀN CẦU - ĐẶC BIỆT LIÊN KẾT VỚI SRI LANKA

Tác giả: Hòa thượng Tiến sĩ K. Siri Sumedha Thero

- Ni sư Tiến sĩ T.N. Giới Hương

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc **PHẠM THỊ MAI**

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập **LÝ BÁ TOÀN**

Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**

Sửa bản in: TKN Nhuận Ân

Trình bày: Vũ Đình Trọng

Đối tác liên kết:

PHẠM THỊ NGỌC DUNG

120/2 đường Phạm Văn Sáng, ấp 2, xã Bà Điểm, TP.HCM

In 1.000 cuốn, khổ 15cmx22cm tại TNHH SXTM DV in ấn Trâm Anh, 159/57 Bạch Đằng, P. Tân Sơn Hòa, TP.HCM.

Số XNĐKXB: 2980-2025/CXBIPH/53-108/HĐ, ngày 06 tháng 08, 2025

Số QĐXB của NXB: 428/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 04 tháng 09, 2025.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2025.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-632-01-0175-7